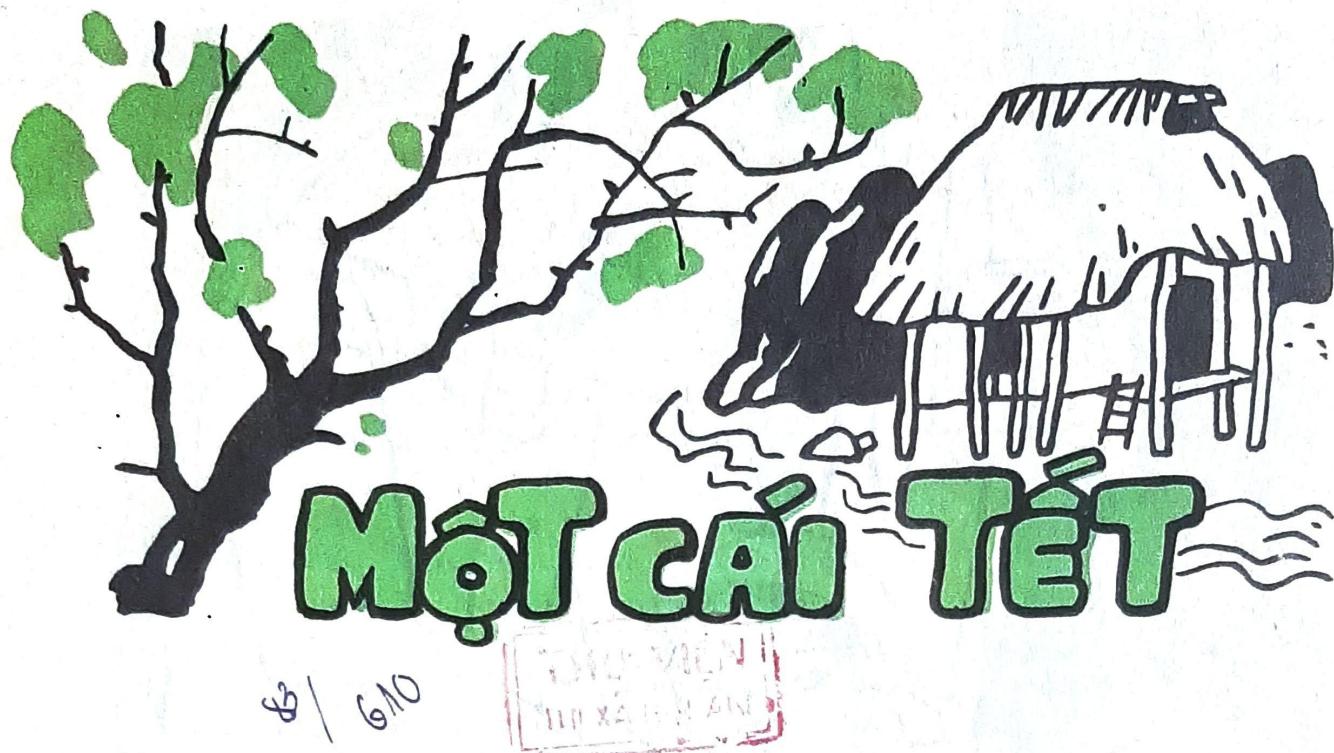




Đất nước VÀO XUÂN



NHỮNG bông hoa mai đã nở trắng xóa trên triền núi Các Mác⁽¹⁾.

Dòng suối Lê-nin⁽²⁾ trong vắt, trông rõ từng con cá lia thia tung tăng bơi lội.

Mùa xuân sắp về.

Ngày tết sắp tới.

Ở trong bản, đồng bào đang sả soạn làm bánh.

Các cối giã gạo bằng sức nước, ngày đêm làm việc ục... ục... ào... ào... phơi những cối gạo nếp trắng như bông.

Tiếng rửa lá dong lách tách bên bờ suối. Đồng bào sả soạn làm bánh dày.

Nơi hìa rừng, những đầm cùi đang cháy đỏ, đám tro cứ đầy, đầy lên mãi.

Đồng bào sả soạn làm bánh tro.

Tục xưa đã định vậy. Dù giàu dù nghèo, nhà nào cũng có tục làm bánh ăn tết.

Ở cơ quan bí mật của chú Thu, ai vẫn vào việc này, bình thường, lặng lẽ.

Lần đầu tiên ăn tết ở cơ quan, xa nhà, Nông Thị Trưng nhớ nhà lắm. Nhớ đến bần thần cả người. Nhất là gia đình Trưng vừa bị chia ly. Người thân bị bắt, làng bị đế quốc Pháp đốt phá khủng bố, không hiểu mẹ và các em tết này thế nào? Có ai ra bờ suối đồ gạo vào cái cối nứa không? Có ai làm bánh cho mẹ và các em không?

(1) và (2) Núi Các Mác, suối Lê-nin: Bác Hồ đặt tên cho ngọn núi cao, con suối trong trước cửa hang Pác Bó.



Trong cơ quan chỉ có một mình Trưng là gái. Trưng được chú Thu cưng, coi như người cháu gái của chú. Xa nhà, đi công tác bí mật, Trưng được chú Thu dạy dỗ nhiều. Chú Thu dạy Trưng chữ viết, bảo ban Trưng tỉ mỉ trong công tác. Mỗi ngày chú Thu đều giao cho Trưng một việc cụ thể và dặn: « Giờ nào cháu học, giờ nào cháu xuống lăng, giờ nào cháu khâu giày, có chia thời gian, cháu mới làm hết được mọi việc đã định trước ».

Chú Thu đã dành cho Nông Thị Trưng tình cảm thăm thiết của một người cha và sự chăm sóc ân cần của một người mẹ hiền. Thỉnh thoảng chú Thu lại hỏi Trưng: « Cháu có khỏe không, cháu thèm ăn gì? ». Nông Thị Trưng năm đó còn nhỏ tuổi, trả lời thật thà:

— Thưa chú, cháu thèm ăn xôi lăm.

Chú Thu cười hiền hậu. Chú bảo đồng chí Lộc, lúc đó là cấp dưỡng của cơ quan, lấy gạo nếp nấu xôi cho Trưng ăn.

Tết năm ấy, phải xa nhà, Trưng nhớ lăng, nhớ mẹ và các em quá! Một buổi chiều, Trưng dành thưa với chú Thu:

— Thưa chú, cháu nhớ nhà lăm, chú cho cháu được phép về nhà ăn tết.

Trưng nghĩ chắc thế nào chú Thu cũng cho Trưng về. Nhưng chú Thu đã nhìn Trưng, ánh mắt hiền từ, chú bảo:

— Cháu à, bọn mặt thám thường giảng lười, bắt cán bộ cách mạng vào dịp này. Vì người thân thiết thường hay sum họp vào ngày tết. Cháu về tức là đem thân vào miệng cọp.

Trưng biết lời chú khuyên là phải, nhưng nỗi nhớ nhà, nhớ bản làng, mẹ và các em khiến Trưng hirt rút, nước mắt cứ chảy giàn giàn uớt cả hai bên má.

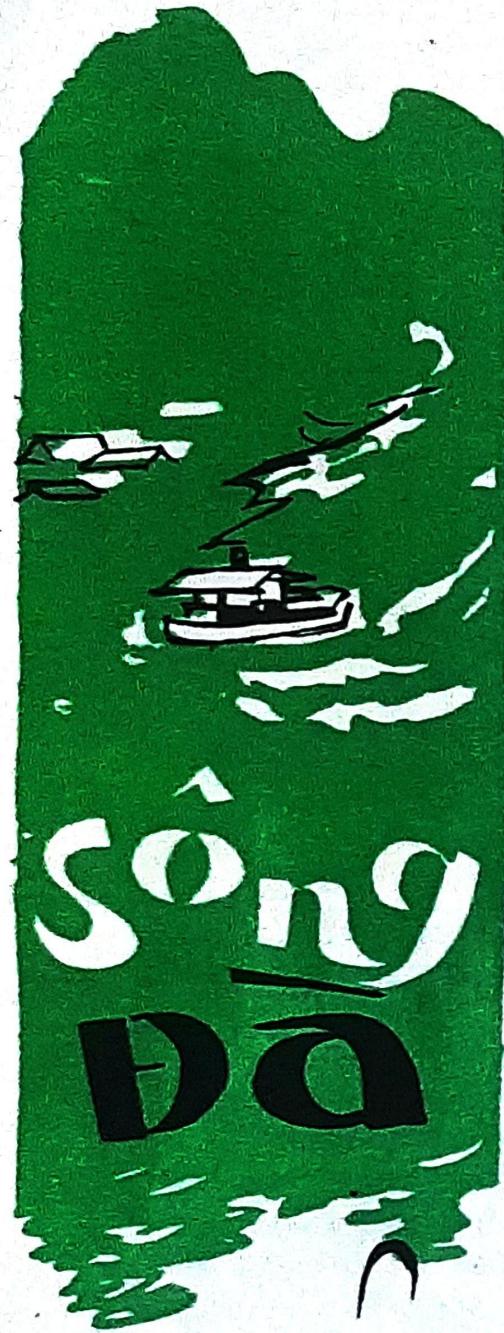
Thấy vậy, chú Thu dùng lời nhẹ nhàng động viên Trưng như mẹ hiền dỗ con nhỏ. Chú lấy cho Trưng chiếc khăn mùi-soa có hoa đỏ và chiếc còng gà luộc. Chú bảo: — Đây, quà tết của chú đây. Cháu lau nước mắt đi rồi ăn còng gà. Ở gia đình cách mạng rồi cháu cũng vui như ở nhà thôi.

Nhận chiếc còng gà từ tay chú Thu, Trưng xúc động càng không ngăn được những giọt nước mắt nóng hổi cứ trào ra hai bên má. Ôi! Chú Thu đã hiểu thấu phong tục người Tày rất quý con trẻ, mồ gà bao giờ cũng phần cho trẻ cái còng gà.

Chú Thu lo việc nước lớn lao, nhưng chú Thu lại không bao giờ quên những điều nhỏ nhất, không quên từng món quà cho cán bộ, đồng bào. Chú Thu lo cả đến cái tết sum họp của mỗi gia đình, trong đó có gia đình Trưng.

Nhiều cái tết qua đi, Nông Thị Trưng đã trưởng thành, đã là một cán bộ được đảng tin cậy, nhưng mãi mãi Trưng không quên được cái tết đầu tiên xa nhà.

« Chú Thu », Nông Thị Trưng muốn mãi mãi dùng hai tiếng « Chú Thu » để được nói về Bác Hồ kính yêu.



SÔNG ĐÀ mùa xuân trong mùa hạ

MÙA xuân đang lướt rất nhanh qua các triền cỏ bèn sòng. Những phiên chợ Phượng Lâm đã bớt các trai gái ở các bến mường từ Mai Châu, Tu Lý trở về. Chợ chỉ còn những dáng áo xanh của thợ sòng Đà và áo trắng áo màu mặc hơi sớm của gái trai thị xã.

Những t้น gạo bèn bờ sòng muộn hoa, vẫn giấu màu lúa đỏ rất gợi sau những búp nụ ngày một phồng phao.

Một người thợ sòng Đà nói với một người bạn Nga, chuyên gia nồi mìn:

— Mùa xuân ở đây sắp qua rồi, và mùa mưa sắp đến.

Anh bạn Nga mỉm cười:

— Đất nước của các bạn thi mùa hạ vẫn xanh tươi như ở mùa xuân vậy, chỉ nóng quá thôi!

Thợ sòng Đà mùa xuân làm không ngần mặt lên kip đê nhìn mây, nhìn núi. Mùa hè tốc độ làm việc lại nhanh hơn. Phải vượt mức kế hoạch để đến cuối năm nay mở hội lấp sòng được.

Tức là chúng ta chuẩn bị cho mùa xuân tới thật sự tung bừng. Với người xây dựng thủy điện, ngày hội lấp sòng là một ngày rộn rã hơn cả những ngày hội xuân của thời tiết.

Người bạn Nga nói những lời chân thành và chất phác. Từ mồng ba Tết đến nay, không khi làm việc trên công trình thủy điện sông Đà thật vò cung sôi nổi, nhất là ở công trường đập chính.

Núi Tượng bị bóc ra như quả chuối bị lột vỏ, phơi ra những vỉa đá giống những gương than vùng mỏ. Hàng ngày những tiếng mìn phá

đá nồ, tiếng àm àm, nhà cửa như cũng khẽ rùng mình. Những tán cây xung quanh đều như lắc lắc theo tiếng nồ. Đất chuyền, rung động như có cuộc động đất nhỏ mà người nhạy cảm, có nghề nghiệp phá mìn mới nhận ra được. Mùa xuân năm nay, thợ sòng Đà đã nồ những phál mìn nhồi liên hoàn tới ba mươi tấn thuốc... Nô xong, ra nhìn đá rơi tả dười chân núi mà sướng. Suốt một dải công trường, các giàn khoan nhỏ hiện đại cứ làm lì dui những mũi kim cương vào vỉa đá suốt ngày. Nơi nào có một làn «mây» trắng do bột đá, hơi nước, hơi khói bật ra, nghi ngút ở xung quanh, thi đấy chính là các bãi khoan nhồi đè chuẩn bị hàn những phát mìn tiếp tục.

Ở những vỉa đá vừa được bắn xong, đá rơi ra thành tảng to nhỏ đều nhau. Lúc bấy giờ các loại gầu xúc, những EKG mới được điều đến theo các ca làm việc. Máy móc cũng có cái đáng vui nhộn là thường Ông Páp-lốp xưa mới phát hiện ra sự phản xạ có điều kiện của động vật. Nghĩa là khi được ăn kèm theo một tín hiệu nào đó, thì động vật hướng hoạt động của mình về phía đó... Những loại máy xúc EKG cần cầu, xe cộ lớn nhỏ, máy húc ở công trường chân núi Tượng cứ như một loại động vật thật sự. Nghe thấy tiếng mìn nồ là chúng mò đến để ăn... đá... Máy móc đang tận dụng cái đáng ưu việt nhất của giống sinh vật. Cuối thế kỷ 20, khoa phỏng sinh học đã ra

dời. Những máy bay phản lực cỡ bụi, càng hiện đại lại càng giống hình các loài vật. Tôi nhìn các EKG đều có hình khủng long cả. Những con rồng không lồ ấy đang ngoạm những miếng đá... tới gần năm mét khối, nghĩa là một ngoạm của nó ngót nghét bảy tấn. Những khủng long thép ấy lại không nuốt ụt đá vào bụng như khủng long cồ nuốt cỏ, nuốt lá, nuốt cây thân mềm...

Ở cái vòng nước khoét lõm xuống phía đầu nguồn của hiện trường nằm chính inh một máy hút nước. Với các ống hút lồng thông phía sau, máy có dáng một «con chim nước» bụi, họ nhà vịt trời, nằm đầy mà vét đi các loại bùn, loại nước rò rỉ từ mặt công trình xuống...

Thợ cạp bờ kènh bê-tông vẫn làm việc. Thợ Nga bên thợ Việt. Đọc theo dòng kènh trị thủy này, từ lòng sông trở lên phải cạp đè tạo thành khối bê-tông chạy dài vững chắc... Đẽ sẽ góp phần quan trọng cho hội lắp sông dự kiến vào mùa khô 1982-1983 sắp tới. Thân đè đã hình khối đồ sộ. Thợ hàn đang hàn những khung thép giàn, dài theo sườn kènh để tiếp tục vỗ vữa bê-tông vào, chặn nước phia dòng sông bị xé dọc kia, không cho chảy vào hiện trường sôi động này... Hàng đêm khu đập chính chỉ máy móc cỡ bụi làm việc cùng nhau.

Những vầng sao đục tỏa từ các dây đèn pha lớn rọi sáng cả một hiện trường to... Những đường công trường hằn in trong vùng lòng chảo đá. Những mặt bằng công



nghiệp thấp cao có những đèn tác nghiệp thấp theo những tín hiệu quy định... Ban đêm, bờ phải nhìn sang bờ trái, nhìn các nơi khác trên toàn bộ công trình, ta thấy những ngọn đèn đứng gác kiểu mới. Lòng tôi thoáng nhớ tới những ngọn đèn xanh đỏ nhỏ xíu trong cuộc chiến đấu chống Mỹ thuở nào, một thứ liên tưởng bất ngờ cứ đến, ngăn không nổi. Những ngọn đèn công trường này có vẻ ngoài rất đỗi trầm tư... Trừ hai ngọn pha sáng sang màu ngọc phia xa... các pha đèn công trình trầm lặng, nghiêm trang cẩn cù, thức suốt đêm để đảm bảo cho các ca làm việc no đầy ánh sáng và an toàn tuyệt đối. Ôi, hóa ra mỗi máy móc cũng có một hồn riêng mà mỗi người có thể nhận được cái hồn ấy khác nhau, tùy theo sự gắn bó với nó...

Sông Đà chạy đến cửa ngõ Hòa Bình thì mở ra hai triền đất. Từ Chợ Bờ đồ xuống, sông chạy trong hai thành vách đứng. Đến thị xã, sông bồi lên những mặt bằng như

thê bung nở một đài hoa... Người xây dựng công trình Sông Đà đã cắm các khu dân cư, các công trình phụ trợ ở ngay cài đài hoa ấy... Cũng cần nói thêm rằng đất ấy trước đây là đất mường Thịnh Lang, một làng trù phú thuộc ngoại ô thị xã... Khi xây dựng sông Đà, Bộ xây dựng đã chủ trương rất đúng đắn. Nếu như người thợ xây dựng công trình Thác Bà phải bảy lần xây dựng nhà ở bằng tranh tre, nứa lá tạm bợ, thì thợ sông Đà hiện nay, đã yên tâm, đàng hoàng sinh hoạt trong các khu nhà ở kiên cố. Hàng loạt nhà ở, từ một tầng đến năm tầng, đã được xây cất. Chưa kể khu nhà chuyên gia bốn tầng, kiên trúc đẹp, có bể bơi, câu lạc bộ, nhà hát.

Mỗi căn hộ có gắn máy điều hòa và buồng tắm có hai vòi nước nóng, lạnh... theo quy hoạch, tắm tiêu khu phía tả ngạn đã xây dựng được qua nứa công việc khu cơ quan, khu nhà tập thể, nhà hát, ở chen cài với các khu nhà máy phụ trợ. Ở giai đoạn đầu này,

ngoài công việc ở công trường đập chính và việc đào đường ngầm vào núi xây dựng nhà máy nhiệm vụ chủ yếu là xây dựng các công trình phụ trợ, bao gồm 23 hạng mục công trình. Xin tạm kể: đường giao thông, đường dây cao thế, trạm cấp nước, trạm cấp ô-xit; các trạm bơm, trạm biến thế; xi nghiệp sửa chữa ô-tô; xi nghiệp sửa chữa các loại bánh xích, máy đầm, máy cẩu, máy húc; xi nghiệp bê-tông; xi nghiệp sửa chữa ca-nô, tàu thủy; kho cảng kỹ thuật. Những nhà máy, trạm, cảng ấy đã cùng một lúc được xây cất, cái đã hoàn thành; cái đã vượt được già nua, được hai phần ba công việc... Cũng phải kể cả chiếc cầu phao nối hai bờ nam bắc, những bến phà dự liệu thi công mùa mưa hoặc khi cắt cầu phao... Trong mấy năm mà làm hàng chục vạn mét vuông nhà ở, xi nghiệp; lắp ráp bao nhiêu thứ máy móc phụ trợ phục vụ công trình sông Đà, dù biết thợ và cán bộ kỹ thuật ở đây, phải nỗ lực đến chừng nào...

Tả ngạn sông Đà, khu dân cư, nhà máy phụ trợ với tâm tiêu khu ấy thực sự đã có dáng dấp một thành phố của thợ thuyền. Nhà cửa, xi nghiệp, bố trí khá hài hòa, trang nhã. Đứng từ núi Tượng nhìn sang, khu dân cư này nằm gọn trong thung lũng nhỏ. Nét rõ hơn cả là các nhà bốn, năm tầng, sơn màu sáng, đứng rải rác trong thung lũng. Mùa hè, mặt trời lên, thủ phủ của công trình sông Đà sáng lên màu kỳ ảo. Thiên nhiên đẹp, hùng, Đồng ống ống hồng lên trong ráng

đỗ ban mai. Ở những thung lũng xa, những đỉnh núi đều nhau, với nhiều dáng hình linh hoạt, làm nền cho phố phường của thợ ấy. Sương mù còn dai dẳng chưa tan. Hình khói kiển trúc ở đây, đã chọn những không gian thích hợp, những cao độ, bình độ thích ứng cho từng khu vực... khi có một không gian đẹp như ở khu cán bộ và thợ thuyền, khi nhà máy phụ trợ này, thì người xây dựng phải tận dụng và làm cho nó đẹp thêm vùng đất, vùng trời ấy... Cứ đứng ở trên các đỉnh núi xung quanh nhìn xuống, có sông, có núi bao bọc, có đường sá, có máy móc diêm xuyết, có đường bộ, đường thủy hoạt động nhộn nhịp, thì nó sống động lạ thường... Người ta thường nói: Đứng ra, ở Hòa

Bình, nơi Thủy điện sông Đà đang khẩn trương tiến về ngày hội lắp sóng, thì những ngày đầu hạ mới là những ngày đẹp nhất. Mặt trời chang chỏi nhưng không nồng ối. Núi sông tươi trẻ như sức vóc dậy thì. Đất đai xanh tươi ngò mía, hảo phόng và cổi mỏ. Lá ngợp trong màu xanh đến mức tưởng các màu lá khắp nơi không thể đếm nổi.

Thuyền bè trên sông tập nập. Thuyền độc mộc gắn máy, thuyền mui, thuyền buồm, tàu, ca-nô, đua chạy trên dòng sông tràn đầy sức mới, sau một mùa đồng màng ngại nghỉ. Và hoa gạo nở hùng dò trên triền sòng... Mùa hè năm nay, ngoài những vẻ đẹp cũ còn một vẻ đẹp của một công trường lớn, dị báo những điều thay đổi to lớn từ đất, trời, cây,



cỏ cho đến đời sống của các dân tộc trong vùng...

Và, cái mùa xuân tưởng đã chấm dứt trong mùa hè 1982 ở sông Đà, thì chính nó lại vẫn hiện ra ngay ở những cảnh sắc hùng tráng nhất, trên các công trường đỗ sô, ngòn ngang những máy móc hiện đại nơi đây...

*Minh họa của
Đặng Đức Sinh*



ĐỖ CHU



KHÔNG biết từ một cuốn sách nào mà khi vừa đặt chân tới Ki-ép tôi liền nhớ tới anh, một người lính Hồng quân, một chiến sĩ Xô-viết. Anh đã ngã xuống vào những phút cuối cùng của trận đánh giải phóng thành phố này. Hình như anh là một người lính lái xe tăng.

Vào lúc bình minh lèn, khắp thành phố hầu như tiếng súng đang thưa thớt dần, từ sau những bức tường đỗ nát, từ dưới những căn hầm lầy bùn đã thấy bụi lính phát-xít lõi nhô mang cờ trắng ra hàng. Vào cái phút chiến thắng đã cầm chắc trong tay ấy, chiếc tăng của anh tiếp tục tiến lên. Trước mặt anh, một ô phòng ngự của địch vẫn còn đang ngoan cố cản bước xung phong của quân ta. Chiếc tăng chồm lên, chúc nòng xuồng, xả từng loạt pháo vào mục tiêu. Bỗng nhiên nó dừng khụng lại trong giây lát, toàn thân rung chuyển bởi một phát đạn chống tăng của địch vừa xuyên vào. Trên tháp xe, một

ngọn lửa bùng lên, rồi ngọn lửa loang nhanh, trùm kín lấy chiếc tăng. Đồng đội ở phía sau nghĩ rằng anh sẽ bật cửa nhảy ra. Nhưng không, chiếc tăng lại gầm thét, tiến về phía trước. Không phải là hai hàng xích sắt của tăng đã nghiến nát quàn thù mà chính là một khối lửa. Một khối lửa bùng tới trùm kín lấy chúng. Khối lửa ấy rực sáng lên trong tiếng « u-ra » vang dội khắp thành phố...

Nhiều năm sau này người ta vẫn thường gặp mọi bà mẹ trùm khăn đen từ ngoại ô đi bộ vào thành phố để đặt hoa lên mộ đứa con trai dũng cảm của mình. Bà không khóc, đứng đó trong im lặng, trong nhớ thương. Chỉ có ngọn lửa gần nơi con trai bà nằm là vẫn cháy lên bập bùng, là vẫn chuyện trò cùng năm tháng. Đó là ngọn lửa vĩnh cửu đặt trên bệ đá hoa cương, dưới chân dài tưởng niệm các chiến sĩ đã hy sinh trong trận đánh giải phóng Ki-ép mùa đông năm 1944.

Chuyển tàu tốc hành rời
Malt-xco-va. Sau một đêm
trên đường, sớm ra đã gặp
Ki-ép, thủ đô của nước cộng
hòa Xô-viết U-crai-na, chỉ
In-na Di-mô-ni-na, cán bộ
đối ngoại của Hội nhà văn
Liên-xô và một đồng chí
công tác trong tòa soạn tạp
chí « Văn học thế giới » xuất
bản ở thành phố này đưa
chúng tôi tới viếng đài tưởng
niệm các liệt sĩ.

Tháng chín. Trời se lạnh.
Lá vàng phủ khắp nơi, trên
mặt đường vòng vèo lát đá,
trên những dải đồi trập
trùng, quanh các biệt thự
xinh đẹp, trong công viên,
trong sân nhà thờ với những
tháp chuông dát vàng rực rỡ,
dưới chân tượng nhà thơ
lớn Tsép-xen-cô, dưới chân
bức tường cao quét sơn đỏ
của trường đại học tổng hợp
mang tên nhà thơ... Lá vàng
rụng trên vai tôi.

Đài tưởng niệm đặt trên
một ngọn đồi nhìn xuống
sông Đơ-nhi-ép. Và từ bờ
sông bên kia, xa tới ngút
ngát tầm mắt, vẫn là mảng
thành phố mới xây dựng, bắt
đầu từ sau chiến tranh thế
giới lần thứ hai. Khu Ki-ép
mới được nối với khu Ki-ép
bằng nhiều chiếc cầu duyên
dáng và hiện đại.

Chúng tôi trân trọng đặt
những bông hoa buổi sớm
dưới chân tượng đài rồi
nghiêng mình trước ngọn lửa.
Ngọn lửa ấy như đang
cháy lên, cháy mãi từ trong
lòng phiến đá hoa cương, từ
trong lòng đất sâu thăm.
Đứng trang nghiêm dưới đài
tưởng niệm, quanh ngọn lửa,
là bốn em học sinh của một
trường trung học. Hai nam,

hai nữ. Các em mặc quần
phục và deo tiêu liên. Đó là
những người lính gác danh
dự, những đại diện cho
tương lai của thành phố.
Vừa vặn đến giờ thay gác
thường kỳ, từ xa, thèm hồn
chiến sĩ trẻ tuổi nữa mang
súng uy nghiêm bước tới.
Những khuôn mặt hồng hào,
đẹp tuyệt vời và những đôi
mắt nhìn thẳng. Họ bàn giao
vị trí cho nhau. Tôi đứng
nhìn theo hàng quân vừa
được đổi gác cho đến khi
họ đi khuất vào sau một
cánh rừng thu.

Trong một thoáng xúc
động, tôi chợt hiểu ra. Vàng.
ngọn lửa đang mãi mãi tỏa
sáng trên bệ đá hoa cương
kia, ngọn lửa mà các em
thiếu niên Xô-viết ngày ngày
gìn giữ, chính là bông hoa
ngát hương của người mẹ
Xô-viết hôm nào, chính là
chiếc khăn đỏ thăm mà giờ
đây các em mang trên vai.
Ngọn lửa hiện thực, ngọn lửa
thần thoại, ngọn lửa của
lòng yêu nước, của chiến
thắng.

*Minh họa của
Trần Gia Bích*



cánh chim gọi MÙA XUÂN

ĐÚNG vào giờ tan trường,
trời hồng đồ mưa lây
rày. Mưa bay lất phắt, mưa
tung bụi trắng xóa trong
không trung. Lũ trẻ như một
bầy chim từ cồng trường ủa
bay thu tít trong mưa, ôn ào,
vui vẻ. Nhũng cánh tay thơ
trẻ hướn lên như vừa xua đi
những hạt mưa đan dày làm
ướt tóc, lại như bơi đùa
vùng vẩy trong mưa. Có một
tớp bé gái chạy đến trước
ngôi nhà cao tầng cùng đứng
sững lại, bật reo lên :

— Ô, cây bàng nhà chúng
minh đẹp chua này !

Những cặp mắt tròn xoe
cùng chớp chớp thích thú và
ngưỡng mộ trước vẻ đẹp diệu
kỳ mới xuất hiện. Ô, lạ chua !
Suốt cả mùa đông lạnh lẽo,
cây bàng khẳng kh毅力 trâm
lặng thế. Vậy mà hơi thở ấm
áp của mùa xuân vừa thổi
tới, cả một rừng búp lộc xanh
ngát mượt mà đong loạt nhú
lên những đốm lửa xanh lập
lòe reo vui nhảy nhót. Ôi.
mùa xuân thật là tuyệt vời !

Đột ngột, cô bé Thùy Chi
lai reo lên vì thèm một phát
hiện mới nữa :

— Ô kia, khu nhà của
chúng minh mới xuất hiện
một cô bạn xinh quá !

Theo tay chỉ của Thùy Chi,
mọi cặp mắt đồ dồn về ở
cửa sổ tầng hai và bắt gặp
một gương mặt có đôi mắt
đen lóng lánh tươi cười đang
nhìn xuống. Ánh mắt thật là
hiền dịu vui vẻ. Căn phòng
ấy là nhà bác Huệ. Sao nhà
bác Huệ lại có trẻ con nhỉ ?
Bác là cán bộ miền nam ra



bắc tập kết. Gia đình bắc trong kia nghe nói đã bị địch tàn sát hết cả. Ngoài này, bắc sống với một anh con trai. Anh ấy đi công tác hoài, chẳng mấy khi có mặt ở nhà.

Giống như một bài hát quen thuộc của trẻ con khu nhà này : « Con sông bắt nguồn từ dòng suối xanh. Tình bạn nhen lèn từ mồ cười », mồ cười của cò bạn mới và mồ cười của những cò bé nọ lập tức quyện lấy nhau. Rồi loáng một cái, cả đám bạn gái ào ào như cơn gió cuốn tới bên cửa tầng hai.

— Chào bạn, bạn ở đâu tới đây thế?

Cò bé mới đến chớp chớp cặp mắt đen hờn buồn. Đôi môi hồng khẽ chùm lại và trên đôi má in rõ lùm đồng tiền duyên dáng. Nghiêng nghiêng mài đầu, cò bé đáp bằng giọng miền nam trong trẻo, ấm áp thật đê thương :

— Minh ở xa lắm cơ. Phải đi một ngày ô-tô và ba ngày bốn đêm trên tàu Thống Nhất mới tới được đây.

Em gái mặc áo len đỏ nhanh nhau :

— Vậy là đây là mới từ trong nam ra. Chúng mình làm quen với nhau nhé. Tớ là Tú Lan. Bạn này là Hồng Điệp. Còn đây là Lan Hương. Ngán Quyên, Thùy Chi. Chúng mình cũng ở trong khu nhà tập thể này. Còn bạn, tên bạn là gì?

— Minh tên là Én.

— Chà, tên bạn hay quá nhỉ!

— Chả là mà sah minh giữa mùa xuân. Má kẽ rặng xưa kia quê mình nói tiếng là vùng cây ăn trái. Đất dai

trù phú, cày cối sum sê. Thường mùa xuân đến, chim én bay về lượn rợp trời, ríu rít, vui vẻ hót vang. Nhưng năm ấy, máy bay của bọn Mỹ hung ác đã rải chất độc hóa học thiêu trại cả cỏ cày. Chòm xóm tiêu điều. Không còn màu xanh nữa nên cũng vắng lặng tiếng chim hót và bắt hồn bóng chim bay.

Đám bạn nhỏ hỗn trở nên dăm chiêu. Trước mắt chúng dường như sống lại câu chuyện hôm nào bắc Huệ đã kè về vùng quê ấy. Kẻ thù muôn hủy diệt sự sống nhưng những mầm sống lại vẫn lên tươi xanh. Ngày sau khi đế quốc Mỹ bị đánh bại hoàn toàn, miền nam được hoàn toàn giải phóng, mọi người đã trở về. Họ cày xới mảnh đất lõn nhõn mảnh bom. Chỉ mấy tháng sau, một màu xanh tươi mát đã trải mènh mông trên đồng đất quê hương. Vườn cây trái cũng được dần hồi sinh trong cuộc sống mới đang lên.

Thùy Chi nắm chặt tay người bạn mới. Nó nói :

— Ngày ấy, cả miền bắc cũng chiến đấu để chia lửa với miền nam. Ngày ở đây thôi, trên tầng thượng ngôi nhà này vẫn còn một cái pháo dài. Đó chính là trận địa của các cò chủ dân quân bắn máy bay Mỹ dạo ấy đấy.

Hồng Điệp, cò bé có mái tóc nâu mượt như tơ và nước da trắng hồng, vui vẻ nói :

— Én mới tới chắc chưa đi thăm khu nhà của chúng mình nhỉ? Thế thì chúng mình phải dẫn bạn đi tham quan mới được. Leo tít lên sân thượng bạn sẽ thấy cái trận địa pháo cũ giờ là cả một

vườn hoa đẹp cực kỳ nhé! Bọn mình trồng đầy. Ở dưới kia, chúng mình còn trồng cả rau « kế hoạch nhỏ » nữa.

Lan Hương, cò bé mặc bộ quần áo hoa sắc sỡ, sôi nổi nói chen vào :

— Dưới ấy, chúng tôi còn trồng cả những cày thí nghiệm nữa kia. Chúng tôi đã được một cò kỹ sư nông nghiệp hướng dẫn chiết ghép thành công cày bưởi lai cam. Mùa xuân thế này, chúng sẽ tha hồ lớn, lọc mới sẽ trổ ra xanh ngát cho mà xem...

Cả bọn hào hứng rủ cò bạn gái mới quen :

— Nào đi, bạn. Chúng mình sẽ dẫn Én đi xem tất cả. Rồi bạn sẽ thấy mê ngay khu nhà của chúng mình.

Đôi mắt đen láy của Én vụt tối sầm. Én lắc đầu bối rối :

— Không, tớ... không đi đâu.



Nói rồi Én buồn bã gục mặt lên bàn đê giấu vội hai giọt nước mắt trong suốt như thủy tinh lăn dài trên gò má. Đám bạn gái ngạc nhiên nhau. Ôi, sao vậy? Có ai làm điều gì cho bạn ấy phải buồn thế đâu. Gương mặt hàn khoanh, Thùy Chi cuống quýt chạy tới ôm lấy vai Én dỗ dành:

— Kia, làm sao thế Én? Thôi, chúng từ xin lỗi. Chắc chúng từ đã làm điều gì đê Én buồn...

Không ngờ lời an ủi của bạn lại làm Én bật òa lên, nước nở. Đám bạn gái càng luống cuống hơn. Chẳng biết làm sao, chúng đành ngồi chờ cả xuống bên bạn.

Én vội vã lau nước mắt, nói như xin lỗi:

— Ôi, các bạn, các bạn tốt với mình quá! Nhưng mình không thể đi theo các bạn...

— Sao thế Én? — Hồng Điệp vốn tính nhanh nhau vội nói chen ngang — Cứ đi chơi với chúng từ rồi là nũa bác Huệ về chúng tôi xin phép giúp chó.

Én buồn bã lắc đầu. Cô bé hạt mít như chợt hiểu ra. Nó vui vẻ cởi chiếc áo len đỏ choàng lên vai bạn và thận mật nói:

— À, mình hiểu ra rồi. Bạn ngại cái lạnh miền bắc đây mà. Bữa nõ, cô mình từ Bến Tre ra chơi cũng vậy. Cô bảo trong ấy chẳng bao giờ có gió mùa đông bắc nên khi đi không hề lo áo rét. Nào, Én, bạn mặc áo len của mình vào rồi rút chăn ra khỏi đồng chăn bóng này, nhanh lên nào.

Én nắm chặt đùi bàn tay ấm áp của Ngàn Quyên. Nó run rẩy nghẹn ngào:

— Không phải đâu. Các bạn chẳng thè nào hình dung thấy được nỗi đau của mình đâu. Đây này, đòi chán mình...

Giọng cô bé nghẹn lại, đau đớn. Đám bạn cùng xúi lại, sững sốt nhìn đòi chán đã teo quắt của Én lộ ra khi tấm chăn bị gạt sang bên. Ai nấy đều xót xa:

— Sao vậy Én?

— Thuốc độc hóa học của Mỹ đó, các bạn à. Nó ngấm vào cơ thể mình ngay từ khi mình còn nằm trong bụng mẹ. Và thế là mình mang胎 từ khi mới được sinh ra. Ôi, mình thèm được chạy nhảy tung tăng như các bạn biết nhường nào. Mình cứ tẩm túc hoài, sao tên mình là Én mà mình lại chẳng có được đôi cánh đê bay bồng khắp nơi. Bác Huệ đưa mình ra đây để chữa. Chẳng biết rồi có khôi được không!

Thùy Chi gật đầu quả quyết:

— Bạn cứ yên tâm. Nhất định chữa được mà. Có điều là đừng nghĩ nhiều về bệnh胎 mới khỏi được Én à. Giờ bạn nghĩ qua chuyện gì khác cho vui đi.

Tú Lan mở cặp sách lấy ra chiếc khung thùy và miếng vải trắng mới tinh. Nó ân cần hỏi:

— Bạn có thích thùy không? Hôm nay lớp tôi có giờ nữ công. Cô giáo cho chép mấy cái mẫu thùy đẹp chưa này.

Gương mặt Én lập tức vui lên. Nó thích thú đón-lấy và chăm chú xem từng mẫu thùy hoa lá, miệng không ngót trầm trồ xuýt xoa. Lan sung sướng khi thấy bạn đã vui. Nó bảo:

— Nếu Én thích thì mình tặng bạn đây.



Thế là từ bữa đó, Én không còn lúc nào đê buồn nữa. Giờ thì Én có thèm nhũng người bạn mới thật đê thương. Én được vào nằm điều trị trong bệnh viện, các bạn lại tranh thủ giờ rảnh vò thăm. Các bạn đem đến cho Én bao nhiêu món đồ chơi xinh xinh ngó coi thiệt ngộ. Bệnh của Én ngoài việc chữa trị bằng thuốc phải tập luyện nhiều. Trời lạnh mà tập một lát đã vã mồ hôi. Chà, mệt ơi là mệt! Nhưng Én rất vui vì các cô bác sĩ, y tá cũng thương Én, và thương nhiều hơn cả là các bạn gái ở khu nhà cao tầng cùng bác Huệ.



Một buổi sớm, Én đang ngồi thêu bèn cửa sổ, chợt thấy Thùy Chi ào chạy tới. Chi nói trong hơi thở hồn hồn:

— Minh mới mượn được cuốn truyện này hay lắm. Én đọc đi. Giờ mình phải tới trường cho kịp giờ học.

Nói rồi Chi hối hả quay gót rảo bước đi ngay. Chiếc cặp sách đeo bên vai đung đưa theo nhịp bước. Dải khăn quàng đỏ bay bay trong gió như bàn tay vẫy vẫy. Nhìn hút theo bóng dáng cô bạn gái thân thương, Én thấy trong lòng rung rung xúc động.

Cuốn truyện Thùy Chi cho mượn thiệt là hay. Én đọc mê mải câu chuyện kể chủ vịt con xấu xí của An-dec-xen.

Ôi, đáng thương làm sao. bé vịt con xấu xí. Vịt con lủi thòn bỏ đi lang thang vì nó thấy mình thua kém lũ trẻ xung quanh. Đến chơ này Én muốn rơi nước mắt. Én hiểu lắm nỗi đau này của vịt. Nhưng rồi mùa xuân đến. Mùa xuân thật diệu kỳ. Vịt con xấu xí bỗng biến thành thiên nga xinh đẹp. Và thiên nga sung sướng sải cánh bay lượn giữa bầu trời lồng lộng của mùa xuân.

Én ôm sách thích thú ngả mình trên dệm. Hai hàng mi dày từ từ khép lại đưa cỏ bé triền miên trong giấc mơ đẹp. Em thấy mình bỗng vụt biến thành thiên nga kiều diễm. Và em cùng cả bầy thiên nga trắng muốt sải cánh bay lượn giữa bầu trời lồng lộng của mùa xuân.

*Minh họa của
Ngô Mạnh Lân*



VUI CƯỜI

CHIA KẸO

Bó-gien-ca, mẹ cho con mười chiếc kẹo, con chia cho em một nửa nhé.

- Con cho em ba cái thôi.
- Sao, con không biết đếm à?
- Con biết đếm còn em bé thì không biết.

MINH CHÂU

Kỳ 6

Thoại về một Đô Xe Gi Khác

ÔNG già tôi gặp lần ấy ở xóm Suối Sỏi, có cái tên thật lạ mà khó quên : ông Bảy Mã Đà.

Một đêm, giữa mùa mưa năm 1964, chẳng phải vì công việc gì hệ trọng, mà chính là để thỏa mãn tính hiếu kỳ cổ hủu của mình, tôi đã đến đây, và rất may mắn được gặp ông. Biết tôi là người « đẳng minh » ở chiến khu Đ đến, ông xẳng xái đốt lửa nướng mì, rồi vừa nhìn tôi ăn ngon lành, vừa cho thêm cùi vào bếp để lửa lại sáng rực. Ngọn lửa ấy sưởi ấm cho tôi, nhưng qua câu chuyện với ông, tôi được biết nó còn là ám hiệu cho một

đoàn cán bộ sắp vượt sông Đồng Nai về với Sài Gòn. « Chiến khu Đ còn, Sài Gòn mất ». Lịch sử đã nhắc và sẽ còn nhắc mãi những chiến tích về dải rừng già và con sông này, về những ngọn lửa được đốt lên đêm đêm, từ tay ông Bảy Mã Đà và bao bà con khác ở xóm Suối Sỏi.

Đêm ấy, đang đi trong rừng sâu, tự nhiên tôi nghe vọng lại mỗi lúc một gần tiếng ầm ào của một ngọn thác đang đồ mảnh. Âm vang của tiếng thác như một mũi khoan, cứ xoáy mãi, xoáy mãi lòng tôi, đánh thức những nỗi niềm và kêu gọi tôi đến với nó. Khi tôi vừa đặt chân vào nhà ông Bảy Mã Đà, thì tiếng thác cũng ừa vào, dữ dội và da diết.

— Thác Trị An đang đỗ dãy hả bác ?

— Ủa, thác Trị An hay thác Tương Tư cũng là nó. — Ông già ngó đăm đăm vào ngọn lửa, rồi nhìn ra khoảng tối mùng lung.

— Chú có biết không, những đêm vắng lặng, tiếng thác vang xa lắm, ở tận dưới Tân Uyên người ta cũng còn nghe rõ nữa đó !

Rồi, như sợ tôi lảng tri không nghe, ông già nhắc lại :

— Trị An là tên sau này chú à, còn xa xưa kia là thác Tương Tư.

— Xa xưa là từ thuở nào hả bác ?

— Từ thuở mới có con thác. Chuyện nghe buồn thảm lắm chú à !

— Chuyện gì vậy bác ?

— Chuyện tình ! Ô, nó ngồn ngang, dòng dài lắm, chú ! — Ông già bắt chót cười mom mém. — Ý, tôi quên

mất ! Chú ăn mì đi chờ, mì đắt này đã cắm xuống là ăn chắc, một gốc cũng đến vài chục cân củ, củ lại bùi, nuốt tới đâu ngọt tới đó...

Giọng ông già nghe lạc hẳn đi, dù ông đang nói tới vị bùi hiếm có của mì đắt này.

— Ngày xưa, — Ông già bắt đầu câu chuyện, — con sông này từ thượng nguồn chảy về đây, tuy không rộng, nhưng rất bình lặng. Hai bên sông là hai dải rừng già, có đủ thứ cây và đầy thú dữ. Hồi đó, đã có người sinh cơ lập nghiệp tại đây, họ tụ tập lại trong các bộ tộc và sống bằng nghề săn bắn.

Một bộ tộc trên bờ bên này, ở dưới đuôi thác bày giờ có một chàng trai tuấn tú và dũng cảm. Chàng sống rất nghèo, nhưng trong sạch, lại có bụng thương người. Ngày và đêm, cung nỏ không phút nào rời khỏi tay chàng, và không đường ngang lối tắt nào trong rừng lại không có chán chàng đặt lên. Một hôm, chàng bơi qua sông, đến dải rừng bên kia để săn thú. Vì mải mê đuổi theo một con nai, chàng lạc vào một khu rừng rậm, nằm bên dòng thác bày giờ, ở đó có một bộ tộc khác đang sinh sống. Con nai chỉ còn cách chàng trong gang tấc. Khi chàng giương cung định bắn thì một tiếng thét chợt vang lên lạnh lùng : « Đừng bắn nó ». Nhìn quanh quần một lúc, chàng thấy hiện ra ở đầu trảng một cô gái xinh đẹp đang đi dẩn về phía chàng. Nàng là con gái độc nhất của tên tộc trưởng giàu có và khét tiếng tàn ác trong vùng. Sau phút hối ngộ ban đầu, cặp trai tài gái sắc này căm mến nhau,



rồi yêu nhau tha thiết. Từ đó, hai người luôn đến bên nhau, lúc săn thú, bắn chim trong rừng, lúc ngồi giặt áo bên sông, lúc ngâm trăng lên đầu trảng. Tất nhiên, những việc làm đó đều lén lút, vì hai người rất sợ một tai biến không lường xảy ra, nếu tên tộc trưởng gian ác hay được. Nhưng rồi, điều đó đã tới. Qua dò la của quân lính dưới quyền, tộc trưởng biết được chàng trai khác bộ tộc và nghèo xơ xác vẫn lẩn quẩn trong rừng rậm thuộc địa hạt của mình. Hơn thế nữa, còn dám liều lĩnh quyến rũ đứa con gái duy nhất của y — đứa con gái y định gả cho một tên tộc trưởng ở khu rừng trên, cũng giàu có như y, nhưng đã quá già. Thế là,

cơn thịnh nộ nồi lên. Bất chấp đó là nùm ruột của y, bất chấp những lời van xin thảm thiết và tiếng khóc xé lòng của người con gái, tên tộc trưởng đã giáng xuống người nàng hàng trăm ngọn roi. Tuy vậy người con gái vẫn cắn răng chịu đựng, chỉ vì một lẽ duy nhất: nàng đã quá yêu chàng.

Một hôm, khi đất trời đang còn mịt mù, người con gái lết lút bỏ nhà, trốn vào rừng. Gặp chàng trai, nàng gục đầu vào ngực chàng khóc lóc, kể lại mọi việc đã xảy ra đối với nàng, và cả những âm mưu quỷ quyết của tên tộc trưởng. Đó cũng là lúc, lần theo dấu chân của nàng, dưới sự chỉ huy của tộc trưởng, đám quân lính dưới quyền

y đã mai phục dày đặc quanh rừng để bắt sống chàng trai cho được. Nghe tiếng động chàng trai buông người con gái ra, băng rừng chạy thực mạng về hướng bờ sông. Sông hẹp và chảy yên ả, chỉ trong giây lát chàng có thể vượt qua, sang bờ bên kia để lùi vào rừng, về với bộ tộc của mình. Chàng nhảy xuống nước, ra được nứa sông, đột nhiên đám lính ào tới, tung tảng đá lớn bẩy xuống chặn hết lối thoát của chàng. Đá linh tràn xuống bắt được chàng. Tên tộc trưởng hạ lệnh đem cột chàng vào một tảng đá lớn nhất ở giữa sông, rồi tập hợp bọn xạ thủ súng sô, bão giương cung phóng hàng trăm mũi tên vào người

chàng. Dù khắp mình găm
dầy mũi tên, chàng vẫn đứng
thẳng, uy nghi, lâm liệt. Đôi
mắt chàng mờ to, lúc thì
long lên nhìn về phía kẻ thù,
lúc lại hiền dịu, xanh trong
hướng lên dải rừng.

— Hỡi rừng xanh, hãy trả
thù cho ta!

Đột nhiên chàng trai thét
lớn, tiếng thét như một trận
bão, ào ào lay động cả ngàn
cây. Và thật lạ lùng, sau
tiếng thét xé trời ấy, người
con gái mà chàng yêu dấu
đã hót hải chạy đến bờ sông.
Khi hai người nhìn thấy nhau,
chàng trai rùng mình một cái,
gục xuống chết. Bất chấp
đám linh cản ngăn, hăm dọa,
người con gái chạy băng
xuống sông, nhảy qua các
gợp đá. Khi đến được với
chàng, nàng gục đầu vào
ngực chàng khóc thảm thiết.
Một lát, người con gái bỗng
ứng thẳng dậy, dựa lưng
vào người yêu, ngang mắt
về phía bờ sông, thét lớn:

— Nay lũ sát nhân, bay
hãy giết tao đi, hãy giết
tao đi!

Không biết đã được lệnh
của tộc trưởng hay vì đang
say máu giết người, sau tiếng
thét đó, đám linh trên bờ
lập tức giương cung phóng
hàng trăm mũi tên lao vào
người nàng.

— Hỡi sông xanh yêu dấu,
hãy trả thù cho ta!

Người con gái kêu lên
được mấy tiếng, rồi vỗng
tay qua cổ người yêu, gục
xuống chết. Và cũng thật lạ
lùng, sau tiếng gọi của nàng,
nước sông đã sẵn tức nghẹn
dưới chân hai người, chợt
trào lên lai láng, mènh mong,
và như một đạo quan dung

mạnh, ầm ầm tràn qua các
gợp đá, tung bọt trắng xóa
nhận chìm tên tộc trưởng và
lũ lâu la đứng quanh đó...
Thác này có từ ngày đó, và
tên thác Tương Tư cũng có
từ ngày đó, đó chú!

Ông già lại cho thêm mấy
cây cùi vào bếp, rồi thì thăm
như nói với chính mình:

— Sau này, chẳng biết lúc
nào, thác này có cái tên mới
là Trí An. Tại sao lại là Trí
An, tui cũng không biết!

Trầm ngâm một lát, đột
ngột ông già quay lại, nắm
tay tôi, nói sùi sòi:

— Hay là vì lẽ này hả chú?
— Bác nói vì lẽ gì?

— Tui nghĩ, sau khi diệt
được mối tình và giết chết
đôi trai gái, người ta cho là
cái loạn đẫm trị được rồi, an
ninh đã lập được rồi, nên

mới có cái tên Trí An. Nhưng
thật sự, có an gì đâu chú.
Chú coi đó thì biết. Thác vẫn
còn đó ào ào ngày đêm. Vào
mùa khô, tiếng thác êm ả
mà nghe xé rứt xé lòng.
Người đời bảo, đó là tiếng
khóc bi ai của người con gái.
Còn vào mùa mưa, tiếng thác
lại xối xả, gầm gào. Người
đời bảo, đó là tiếng thét phẫn
nộ của chàng trai. Như vậy
là ngày và đêm, mùa mưa
cũng như mùa khô, ở đây
lúc nào cũng thấy hai người
như vẫn còn sống, còn thở
than, réo gọi...

Tôi nhìn bâng quơ ra khung
cửa tôi. Chẳng thấy gì hết,
ngoài tiếng thác đổ ầm ầm.
Ông Bảy Mã Đà vươn vai
ứng dậy, khẽ đập lên vai
tôi:

— Chàng trai năm xưa
đang lên tiếng đó chú!



Bầu mùa khô năm nay, mười lăm năm sau ngày tôi được gặp ông Bảy Mã Đà, tôi mới có dịp trở lại vùng thác Trị An. Người bạn đường của tôi trong chuyến đi này là anh Tư, một kỹ sư có tiếng đang gánh một trọng trách trong Ban chỉ huy công trình thủy điện.

Mảnh đất cũ với bao kỷ niệm không phai, một công trình mới với bao hứa hẹn, đã cuốn hút tôi đi. Chiếc xe con cộc chờ hai anh em tôi liên tục chồm lên chụp xuống trong bụi đỗ mù mịt, trên con đường Trảng Bom — Cây Gáo.

— Nè, ông bạn, — Anh Tư khẽ đập lên vai tôi, rồi đưa cho tôi một xấp tài liệu, nói són nòi — ông đọc trước cái này để đến nơi mình bớt thuyết minh, dành thi giờ đi xem là chính.

Tôi gặp người xuống, đọc ngẫu nghiên, rồi rút sô tay ra ghi lia lịa :

... « Ở đây, sẽ xây một nhà máy thủy điện có bốn tua-bin với công suất thiết kế 320.000 ki-lô-oát, sản lượng điện hàng năm lên đến một tỷ rưỡi ki-lô-oát/giờ, đảm bảo cung cấp điện cho tất cả các tỉnh Nam bộ cũ đảm bảo điện sản xuất cho khu công nghiệp Biên Hòa, thành phố Hồ Chí Minh, công nghiệp chế biến dầu khí Vũng Tàu, cao-su Đồng Nai, Tây Ninh, Sông Bé... điện khí hóa đồng bằng sông Cửu Long. Sẽ xây một hồ chứa nước, với dung tích hai tỷ rưỡi thước khối nước, diện tích 300 cây số vuông, đảm bảo tươi 25000 hécta đất canh tác ở Đồng Nai, thành phố

Hồ Chí Minh, Long An, cung cấp nước cho công nghiệp, cho sinh hoạt ở thành phố Hồ Chí Minh, khu công nghiệp Biên Hòa, khu công nhân tập trung ở Thành Tuy Hạ. Nuôi cá theo phương pháp công nghiệp với sản lượng hàng năm 2.000 tấn cá. Sẽ xây một thành phố du lịch với các công trình văn hóa và những nơi giải trí lý tưởng. Sẽ xây... ».

— Hắn là còn phải xây một nhà bảo tàng về chiến khu Đ nứa chờ, anh Tư? — Tôi dừng lại hỏi.

— Có chờ! Có chờ! Nó sẽ nằm ở chỗ này đây anh!

Anh chỉ tay về dải rừng bên kia sông. Dưới chân rừng, sông Đồng Nai chảy uốn khúc, lấp lánh dưới nắng. Thác Trị An ở đâu đây, tiếng đỗ nghe rất êm mà vang xa. Lòng tôi chùng lai trong cái âm thanh ấy. Tôi chợt nhớ lại ông Bảy Mã Đà, nhớ ngọn lửa bập bùng, vị hùi của khúc mi nướng và thiên tình sử đậm nước mắt do ông Bảy kể đêm nào!... Ông còn không? Ở đâu và đang làm gì giờ này?

Xe dừng lại trước một căn nhà lợp lá, nơi đặt tạm tông hành dinh của Ban giám đốc công trình thủy điện Trị An. Đó đây, những lều bạt, những xe xúc, xe đào, những khuôn mặt đậm mồ hôi, hè hết hui đỏ hiện ra trên một nền đất trống, vừa được san ủi.

Tất cả đều bắt đầu từ con sô một anh ạ! — Anh Tư nói như phân bua với tôi về chỗ ăn ở. — Anh cứ nghỉ lại với tôi, muốn đi đâu thì đi, nhưng nhớ chiều nay ta đến thác đấy ông bạn!



— Thác tri An? — tôi hỏi.

— Còn thác nào nữa? Anh Tư ngạc nhiên nhìn tôi.

Tôi cười, trêu anh:

— Anh có biết thác Tương Tư không?

— Thác Tương Tư?

Anh càng ngạc nhiên. Tôi hẹn, buổi chiều đi thăm thác tôi sẽ kể chuyện anh nghe.

Giữ đúng lời hứa, buổi chiều trên đường đi xuống thác, tôi kể lại với anh Tư toàn bộ câu chuyện ông Bảy Mā Đà đã kể. Anh Tư nghe cũng đăm chiêu, mờ màng...

Hai chúng tôi đến thác. Trước mắt, trải kín trên mặt con sông là một bãi đá không lồ, mỗi hòn một vẻ, nắm phủ phục như bầy voi hàng triệu con đang chơi trò té nước. Nước lợn lợn dưới chân, nước xối qua đầu hai chúng tôi, hột nước tóe lên trắng phau láp láng dưới nắng. Mùa này, bằng cách nhảy qua các gợn đá, con người có thể đi từ bờ này sang bờ kia. Trong khung chiến, đây là con đường hành quân vào loại lý tưởng của ta để qua sông. Chính vì thế, cây cay bên dòng thác xác xơ và đồ gục dưới sức tàn phá ghê gớm của bom B.52 và hóa chất độc của Mỹ. Bên những cây cay, cây bằng lăng, cây dầu thân khô, trụi cành, cụt ngọn, màu xanh của tre và các loại cây con đã lèn mơn mởn. Thấp thoáng đó đây, những tàu lá buông xòe rộng như những cái quạt không lõi, theo gió chiều đưa vẫy mời khách.

Anh Tư dừng lại trên bờ thác, nhìn cảnh trước mặt, bỗng chỉ vào một tảng đá dựng đứng, thân tròn như cây cột đình, quay lại hỏi tôi:



— Phải chăng đó là chỗ hành hình đồi trai gái ngày xưa?

Nét mặt trầm tư, anh như nói với mình:

— Ủ, ừ, nước đồ qua đây nghe cũng khác, nỉ non, tha thiết như tiếng khóc...

Anh ngang nhiên về phía rừng bên kia con sông, như muốn tìm lại con đường chàng trai và cô gái ngày xưa đã cliay đến thác này. Bỗng, như không muốn để tướng tượng mình đi quá xa, anh kéo tôi cùng ngồi

xuống một tảng đá bằng phẳng, quay lại hỏi tôi:

— Anh có biết không, cách đây hai trăm triệu năm, chỗ ta đang ngồi đây là biển đấy!

— Thật à? — Tôi cười — Hay lại giống như chuyện thác Tương Tư?

— Không! Anh nói nghiêm túc — Thật đấy. Các nhà khoa học đã có kết luận chính xác ngày xưa chỗ này là biển. Một thời ở đây, sông biển va vào đá nay còn ghi lại trên đó những cấu trúc đặc sắc, gọi là cấu trúc xiên chéo

của chân sông. Chúng tôi cũng tìm được vòi sôc cực đá, nhưng hau bến thời cổ...

Tôi hiểu lờ mờ, nhưng đã tin lời anh Tư nói. Tôi dừng anh lại, hỏi :

— Nhưng điều đó có ý nghĩa gì trong công việc hiện nay của anh?

— Có chứ, có quá đi chứ! Sắp tới, ta phải xây một cái đập chính chắn ngang con sông này lại. Đỉnh đập phải cao trên 60 mét so với mặt biển, đè tạo ở phía trên kia một cái hồ vĩ đại, rộng 300 cây số vuông, với dung tích thường xuyên 2 tỷ rưỡi mét khối nước. Vẫn đè nền móng của đập thật cực kỳ quan trọng. Phải qua nghiên cứu, khảo sát nhiều mặt, bây giờ ta mới có kết luận chính xác là ở đây không có đá vôi. Anh biết không, trên thế giới, có những cái đập nổi danh một thời, sau vài năm hoạt

động, chỉ vì còn sót lại đá vôi ở nền móng, mà chỉ trong một vài giây đã làm đập toạc nứt, bắn ra một đạo nước dài hàng trăm mét, cuốn trôi làng mạc, nhà cửa ở hạ lưu. Đập Phơ-giuyt của Pháp là một bằng chứng...

Tôi muốn kèo anh Tư trở về với dòng thác trước mắt; chỉ vào tầng đá dựng đứng mà anh đã cho là bãi tử hình đôi trai gái ngày xưa, tôi hỏi :

— Đập ta xây ngay tại chỗ này phải không anh?

— Không, ta phải xây trên thác vài cây số.

— Vậy hả? Còn ở đây sẽ là gì?

— Một dải non bộ kéo dài hàng cây số gồm đủ loại đá nồi đá ngầm, rồi « cỏ cây chen đá, lá chen hoa ». Dưới chân chúng ta là một dòng nước mát uốn lượn nghĩa là một thang cảnh lý tưởng đối với khách du lịch!

— Thế nghĩa là... — Tôi thốt lên xúc động — nghĩa là ở đây không còn tiếng thác dữ dội nữa?

— Đúng vậy.

— Thế nghĩa là đôi trai gái bất hạnh ấy sẽ không còn thở than, khóc lóc nữa chứ gì?

— Đúng vậy. — Anh Tư xởi lời. — Với công trình này, hai cô cậu không còn than khóc nữa đâu! Một cuộc đời thật sự sẽ đến. Chỉ trong vòng năm sáu năm tới, chúng ta có thể tự hào nói rằng, thế hệ chúng ta đã vĩnh viễn xóa sạch nỗi đau muôn đời của họ. Kia, những đoàn xe chở đá, chở sắt thép đang đập dùi trên con lộ đèo để làm việc ấy. Anh có thấy không?

Hai chúng tôi cùng cười trong tiếng thác đổ.

*Minh họa của
Trường Thành*

GIANG HÀ VY

MẤY SẮC, HOA TẾT

KHI những hạt mưa phùn bắt đầu rắc trên mặt đất thì các vườn cũng bừng lên muôn màu muôn sắc hoa xuân. Có nhà văn nước ngoài đã thốt lên: « Việt Nam là một vườn hoa, vườn hoa lớn, đẹp như trong truyện thần thoại ».

Đất nước ta không chỉ có những loài hoa đã có từ lâu đời như đào, cúc... mà còn bao loài hoa nước ngoài nhập vào cũng mau chóng lên hương sắc.

Thực được vốn gốc Pháp. Lúc đầu hoa mọc hoang dại, năm 1712, một người bạn cho Mông-gôn-phi một số củ thực được để... nấu ăn. Quý bạn, ông đem trồng. Củ này mầm rồi cho hoa rất đẹp. Ai nấy phải trầm trồ khen ngợi.

Tên khoa học của thực được là Đa-li-a. Sở dĩ có tên ấy vì một người trồng hoa Tây-ban-nha đặt để kỷ niệm ông Đan (Dahl), một nhà thực vật học Thụy Điển.

Dần dần các nhà trồng hoa

dùng các phương pháp lai giống, tạo ra nhiều loại thực được như hiện nay.

Thực được đến nước ta vào khoảng đầu thế kỷ 20. Hoa tượng đối đẽo trồng, mùa hoa lại đúng vào dịp Tết Nguyên Đán nên càng có giá trị.

Bạn đoán thử xem có bao thứ giống thực được? Hơn một trăm thứ đấy! Hiện nay, ở vườn hoa Lăng Bác Hồ và các vườn hoa khác có trên hai mươi thứ thực được.

Công ty Công viên đã dùng phương pháp lai hoa gieo hạt, tạo thêm một số thực vật có màu sắc mới.

Muốn có hoa thực được vào tết Nguyên Đán phải trồng từ giữa đến cuối tháng mười âm lịch.

Lay-ơn gốc miền đông nam châu Phi. Lay-ơn là thứ hoa cẩm lô đẹp nhất. Trong các cuộc lễ đều có mặt sắc hoa này. Hoa không những đáng yêu về vẻ đẹp, màu sắc mà đáng quý vì có thể trồng quanh năm.

Cây hoa lay-ơn đẹp đẽ mà ta có hiện nay là do một quá trình cải tạo của người trồng hoa. Hoa « lọt lòng mẹ » từ một miền khí hậu khắc nghiệt đầy gió, cát, nóng — miền đông nam châu Phi. Vượt lên mọi thử thách, hoa trổ sắc, tạo hình làm xao xuyến lòng người. Dần dần hoa di cư sang châu Âu và « kết thân » với chúng ta vào đầu thế kỷ này.

Về các thứ giống thì lay-ơn như một họa sĩ tài ba về pha màu sắc: hoa có nhiều giống, rất lạ, rất quý. Vườn hoa Đà Lạt và Công ty Công viên đã có lay-ơn cả vàng, đỏ tươi, từ trắng sữa, trắng trong đến phấn hồng nhạt, phấn hồng thăm, tím, vàng gạch và đặc biệt nữa là san hô: màu đỏ hơi nhạt.

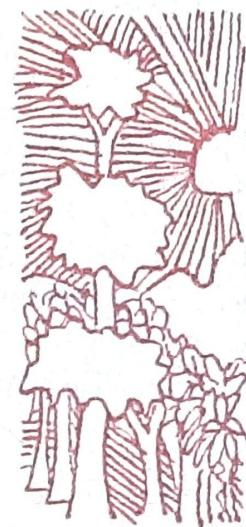
Phần lớn lay-ơn đều chịu rét tốt, kém chịu nắng trừ hai thứ vàng lụa và gạch. Đề có bông hoa đẹp vào ngày tết, ngày lễ, các cò, các bác trồng hoa đã phải chăm chút hoa như « chăm con mọn » từ 70 đến 85 ngày trước tết. Công việc người trồng hoa là chăm sóc cho lay-ơn có hoa to đẹp

CÂY CHÒ HIỆP SĨ

*Cây mọc tự bao giờ
Mà đã hơn nghìn tuổi (*)
Cây như người không lão
Trước bão lay mưa xối.*

*Mây trắng bay tầng dưới
Trắng lên treo đầu cành
Cây chò như hiệp sĩ
Đứng gác giữa trời xanh.*

*Cây chò nhiều tuổi thế
Vóc dáng vẫn trẻ tươi
Bởi chò là hiệp sĩ
Niềm tin của cuộc đời.*



*Kìa vững vỗng đã rạng
Một bình minh tung bừng
Chò vươn tay đón nắng
Lấp lánh cả khu rừng.*

*Minh họa của
Nguyễn Phú Kim*

và khó nhất là làm sao cho hoa nở đúng theo ý muốn. Ngoài việc bón phân, xới đất, vụn gốc, cẩm rè, phòng sâu bệnh thì thúc hâm là kỹ thuật quan trọng để hoa nở vào đúng ngày dự định.

Để đánh dấu những thành công của con người trong việc thám hiểm, du hành vũ trụ, các nhà khoa học đã lai tạo một loại hoa mới là hoa cúc ngũ sắc. Cánh hoa nở ra trông như những cánh bướm nhiều màu sắc, như hoa vàng. Hoa cúc ngũ sắc nở từng bông một, đung đưa trên cuống mảnh mai trắng không khác gì một con tàu vũ trụ

đang bay trong khoảng không gian bao la.

Mùa hoa gieo vào tháng tám dương lịch, có thể gieo muộn vào tháng mười hai. Hoa vũ trụ là thứ hoa ngắn ngày nhất: từ gieo đến ra hoa trung bình 45 ngày.

Hoa còn nhiều loại lăm, có loại còn mang gốc nước ngoài như hoa di-nhi-a, pho-lốc, có loại đã được « Việt Nam hóa » như hoa kèn trắng, cầm chướng thơm, hoa thủy, hoa bướm, chân chún, đồng tiền, mào gà... Màu sắc, hương vị khác nhau nhưng mỗi... hoa một vẻ « mười phân vẹn mười ».

BÀI CA NGƯỜI HÁT RONG

CÀNG về đêm, gió cuối năm càng trở lạnh. Tháng Tối tinh dắt cha nó về sớm. Nhưng trước khi bước vò vùng ánh sáng nhập nhoạng của nhà lồng chợ, nó dừng lại chồ mấy quán ăn còn đông khách phía bên ngoài. Đêm nào cũng vậy, trước khi cùng cha mò vò sạp chợ ngủ, nó đều dừng lại đây để cha nó ca một bản gì đó, may ra vót vát kiếm thêm được chút đỉnh, sau cả một ngày khẩn cả cõi rã căng mà chẳng kiếm được bao nhiêu.

Anh Hai Đờn hiết ý, bắt đầu nhường nhường đòi tròng mắt tối om, rồi bợ cây đàn ghi-ta cũ lên so dây.

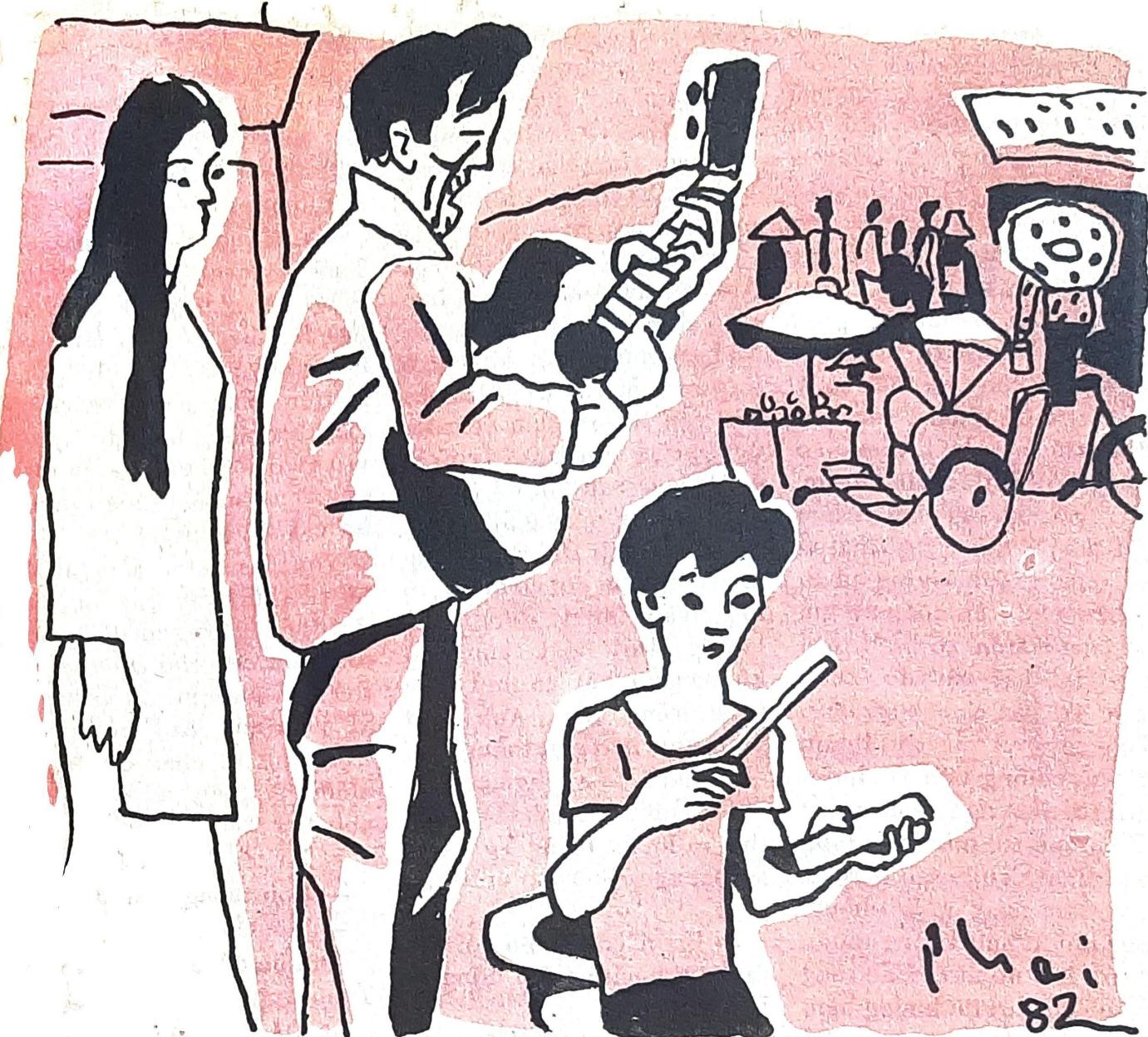
Từ ngày giải phóng quê tôi...

Ruộng đồng sông nước đỗ tươi màu cờ...

Cái tiếng ca của anh Hai Đờn nói về cảnh đời cũ nghe vốn đã thảm, nay ca lên cảnh đời mới sau tháng tư giải phóng nghe cũng hẫy còn thè thiết. Chừng như lời ca mới ấy chỉ là sự đổi cách kiểm ăn cho hợp thời vây thôi, chứ nghe chưa phải từ sự đổi khác của chính đời anh. Ngày ngày, hai cha con anh vẫn phải tiếp tục di lang thang khắp phố phường Sài Gòn để kiếm ăn bằng nghề hát rong. Sự thật thì vào những ngày cuối tháng tư bước sang tháng năm năm một ngàn

chín trăm bảy mươi lăm, người đờn hát mù lòa này dường như ngó thấy được hết cả. Một phần, anh nghe tiếng động rồi hình dung ra, phần thì do tháng Tối kè. Đầu tiên vào buổi trưa ngày bộ đội giải phóng kéo vào, anh nghe tiếng súng nổ mỗi lúc một gần, rồi là tiếng xe tăng chạy rung chuyển mặt đường phố. Rồi tháng Tối la : « — Trời đất, ở cửa sổ nào cũng có cò giải phóng hết, ba ơi ! » Nhờ vậy mà anh hình dung ra mọi cảnh tượng. Tất cả các giác quan của anh, trừ đôi mắt, đều được huy động để cảm nhận. Lúc đó, anh đã vui mừng nhưng đau đớn, và lòng anh chợt dấy lên nỗi lo lắng khô sở mới. Những tiếng súng và những tiếng động cuối cùng kết thúc chiến tranh, rốt cuộc đã khiến cho anh Hai Đờn băng hoảng nhớ lại hồi anh bị bắt lính, hồi anh ở trong hàng ngũ ngụy quân vào những ngày chót. Vợ anh bị bệnh tả chết để lại đứa con lèn bảy ở một xóm nghèo. Anh về gặp con vài lần rồi lại ra đi. Lần đau đớn nhất anh bị xua đi cản ở rừng là lần ở rừng Tây Ninh. Đơn vị anh trong ba ngày hành quân bị quân giải phóng đánh thiệt hại nặng, vừa chết vừa bị thương trên bốn trăm. Số lính chết thi không ai còn hơi sức đâu mà tính tới chuyện chôn cất. Số bị thương nặng và bị

thương vừa vừa thi chạy dồn ra một trảng cỏ trống hy vọng được trực thăng tới chở về. Một số tuy không bị thương, nhưng vì quá kiệt sức và hoang mang, đã nằm lăn vào bãi người đầy máu me đó. Anh Hai Đờn cũng ở trong số này. Anh giả đò bôi máu lên người, để có thể trộn tr/manage với trực thăng tới rước. Bọn họ đợi hoài, đến xế chiều thì nghe hơi máy bay. Anh Hai Đờn nhởn dậy nhìn. Nhưng anh không nhìn thấy trực thăng đâu cả, mà chỉ thấy một chiếc « đầm già » bay tới, rà sát xuống trảng rồi bay đi. Một lát sau, anh chợt nghe có tiếng động cơ hú tới, như một con dông, và tiếp liền theo đó bom bầy đỗ trút xuống trảng, nổ như sấm sét. Anh chỉ kịp nắm áp xuống. Qua dứt một loạt bom, anh cùng những đồng đội còn sống sót không ai bảo ai đều chồm dậy chạy miết vò mì rừng. Thế rồi giữa lúc đang chạy, loạt bom thứ hai lại nổ. Anh có cảm giác bị một cái gi nóng bỏng cưa suốt, qua mé mắt phải. Anh đưa tay lên rờ thì thấy máu ướt đẫm lòng bàn tay. Lúc ấy, một trong số lính chạy túa vò rừng thất thanh la lên : « — Chết rồi, tụi mình bị B. 52 liệng bom làm rồi ! » Ấy là một tiếng kêu thảm thương nhất mà anh nghe



thấy trong đời. Bởi vì, đó không phải là một sự làm lố. Qua ngày sau, bọn các anh gồm có tám người lê lết về được một tiền đồn ở cách đó chừng ba mươi cây số. Người đại úy đồn trưởng đã nói: « — Tôi tưởng mấy anh chết hết rồi chớ. Tui Mỹ cho B. 52 hủy diệt mấy anh đó, vì chính tôi điện gọi về Bộ Chỉ huy cho trực thăng tới chở mấy anh thì họ bảo là không cần thiết nữa! » Người đại úy đồn trưởng cho họ ở lại ít bữa, và sau đó yêu cầu

cấp trên đón các anh về Sài Gòn. Anh Hai Đồn về tới Sài Gòn với một con mắt phải bị miếng bom khoét mù hắn, còn lại con mắt trái bị hành đau nhức đến độ chỉ cho phép anh còn đủ biết đường đi tới cái xóm nghèo, tầm ra thẳng Tới, rồi con mắt ấy cũng bị mờ dần. Anh bị mù cả hai mắt tại xóm nghèo có những người nghèo nhất đã cứu mang con anh. Anh nhờ cô bác đi kiếm mua dùm anh một cây đàn ghi-ta cũ, và anh dượt lại những bài đờn mà

ngày trước anh đã từng nắn phim.

Anh thương là thương cho thẳng Tới. Lúc gặp lại con trai vừa lên bảy, là lúc anh thật sự tàn phế, đến sự nhìn thấy cũng tắt nốt. Thành ra bè nào nó cũng thành người dẫn anh đi lặn lội đờn ca khắp nẻo đô thành. Trong số những bài ca anh đem ra dùng, ngoài những bài chung chung, có một bài vọng cò đặt ra từ nỗi khóc hờn của đời anh. Bài đó bắt đầu kẽ về cái ngày vợ con dành đoạn cách xa, anh

trở thành lính bộ binh, đời lính kè bên cài chết, cho tới, cái trận bị hủy diệt, anh bị mù rồi trở thành người phế binh lang thang đây đó với tiếng đời giọng hát... Đây là một bài ruột, bắt cứ chỗ nào anh hát cũng gây được xúc động cho người nghe và gặt hái nhiều kết quả. Tuy nhiên, không phải ở đâu cũng có thể đem bài đó ra hát. Rủi ro gặp tại công an mặt vu là khốn. Đề đề phòng, anh Hai Đờn chỉ còn biết dựa vào thẳng Tới. Khi nào hát được, khi nào không hát được đều do nó tính. Vậy mà có lần, thẳng Tới không phân biệt ra một tên công an giả dạng ngồi trên xe buýt. Khi anh Hai hát bài đó xong được cô bác cho bốn tiền, thẳng công an vẫn làm thính. Tới lúc xuống bến xe buýt, hắn mới nắm ngực anh hăm: « È, mù rồi mà còn muốn vò khám ngồi nữa sao mậy ? »

Từ sau ngày giải phóng, bỗng nhiên anh không muốn hát bài hát đó nữa. Bảo rằng bài đó lỗi thời thì không hẳn, nhưng hát lên thì anh Hai cảm thấy ngượng ngùng xấu hổ. Kè lề cái đời lính làm lạc dần rời chỗ thân tàn ma dại giữa буди thẳng lợi huy hoàng của Tđ quốc, anh Hai thấy hổ thẹn. Vì vậy bài « Đời tôi » không được anh hát nữa. Thay vỏ đó, anh đặt cả chục bài mới, ngợi ca cách mạng và đất nước. Nhưng tự bản thân anh cũng thấy chưa hài lòng với bài nào cả. Anh đang ngón, đợi một cái gì xảy đến, mà vẫn chưa thấy có cái gì xảy đến.

... Bỗng nay đã bước sang tháng mười một ta. Chỉ còn tháng nữa là Tết, cái Tết đầu

tiên của Sài Gòn giải phóng. Nghe hơi gió vào Tết, anh Hai Đờn chưa chi đã sợ. Bảy năm nay, quả là anh sợ ngày Tết còn hơn ngày thường. Hai cha con sống không nhà cửa, tối tối trở về ngủ trên sạp chợ, Tết đến chỉ thêm buồn chờ có vui vẻ gì. Anh đã trải qua những đêm giao thừa tại cái sạp chợ ấy. Và ngày mồng một không có một bữa nấu nướng, hai cha con vẫn thường lẩn về xóm nghè cũ ở bên kia cầu chữ Y. Ngày giờ, sau khi đã ca dứt bài ca « Từ ngày giải phóng quê tôi », anh Hai Đờn đứng lóng tai nghe coi có ai bỏ vò lon thẳng Tới đồng nào không. Đợi hoài, anh vẫn không nghe bật lên một tiếng rung r盭 nào. Anh thất vọng quá, bèn giục thẳng Tới:

— Thôi, đi về ngủ con !

Thì chính lúc anh thất vọng thốt ra lời ấy, thẳng Tới bỗng áp sát người nó vào anh khẽ nói :

— Ba ơi, có chủ bộ đội cho mình tới năm trăm đồng (1) lận !

Anh Hai nghe nói đảm ngạc nhiên sờ sững. Năm trăm đồng bạc là tiền giấy, bèn gi cái lon không kêu. Mà lại là của một người bộ đội. Anh Hai hỏi nhỏ thẳng Tới :

— Chú đó đã đi chưa ?

— Chú còn đứng đây chưa đi, chú bị cụt một tay ba à !

Anh bộ đội không còn trẻ lắm, và tay trái của anh bị cụt khiến ống tay áo anh rủ xuống. Đứng tần ngần nhìn cha con anh Hai Đờn một lúc, bỗng anh từ từ bước tới, đặt bàn tay lên vai anh Hai Đờn :

— Anh với cháu lại đây, mình kiểm cái chi ăn đi !

Rồi không đợi anh Hai đáp, anh cầm tay anh Hai và thẳng Tới dắt tới một tiệm hủ tiếu kế đó. Anh kéo ghế cho hai cha con anh Hai Đờn ngồi, rồi kêu ba tô hủ tiếu.

Anh nói :

— Chắc anh ngạc nhiên ? Thời đê tôi từ giới thiệu, tôi ở bộ đội nhưng đã chuyên ngành. Cũng mới chuyên mấy tháng nay thôi. Hòa bình rồi, ở trên phản công tôi công tác khác nặng nề lắm. Cũng vì vậy nên tôi có chuyện cần nói với anh... Mà khoan, mình ăn cái đã, gấp gì !

Vừa lúc thím xầm hưng hú tiếu từ quầy ra. Anh bộ đội đón lấy tưng tô, đặt trước mặt cha con Hai Đờn, tới tôt thứ ba anh mới đón bưng về phía anh. Anh nói :

— Anh và cháu cứ ăn tự nhiên. À quên, tôi quên hỏi anh thứ mấy ?

— Dạ tôi thứ hai !

— Còn thẳng cháu đây ?

— Nó tên Tới !

Anh bộ đội xưng tên là Tư Tâm. Anh giục thẳng Tới :

— Ăn đi cháu !

Anh Hai Đờn còn chưa dám cầm đũa — phần vừa ngại ngùng, phần vừa lo lắng. Anh nghĩ bụng không biết tại sao anh bộ đội này lại có chuyện cần nói với mình. Trời ơi, chẳng lẽ đời anh đã khổ tới mức này mà cách mạng còn gom anh đem đi cải tạo nữa sao. Anh đã trở thành một phế nhân từ bảy năm nay rồi mà.

Dường như đoán biết nỗi lo sợ ấy của Hai Đờn, anh Tư Tâm nói, giọng cởi mở :

(1) Tiền cũ, tạm dùng khi mới giải phóng.



— Anh Hai đứng lo, chuyện tôi định bàn với anh và cháu là chuyện tốt cho anh thôi... Số là tôi đang phụ trách một trại dạy nghề cho bà con, em cháu mình lâu nay thất cơ lỡ vận hoặc tật nguyền. Trại này thuộc Sở thương binh xã hội. Hôm rày bà con mình gom về bọn rồi, làm ăn phát đạt vui vẻ lắm. Hiện thời có nghề mộc nè, đươn đát tre mây nè...

Anh Hai Đờn bấy giờ mới sờ soạng cầm đòn đũa. Bàn tay cầm đòn đũa của anh cứ run lên cho tới phút ấy, anh mới chợt hiểu. Thì ra cái chuyện anh ngóng đợi nay đã đến. Anh ấp úng mãi vẫn chưa thốt ra được câu gì, bởi bấy giờ tâm trạng anh vừa vui mừng lại vừa thấp thỏm, bởi anh vẫn còn có nỗi mặc cảm tri niu về quãng đời cũ mình đã từng làm lính. Nghe nói có cái trại dạy nghề như vậy, anh lấy làm lạ lắm. Rồi tự nhiên, cái chất ham làm lụng lao động ở nơi anh như được đánh thức. Anh mừng rơn lên, nghĩ bụng: « Cho thằng Tới học nghề mộc thì tốt quá. Còn mình, cái vụ đươn đát mình làm được... ».

Ăn uống xong xuôi, anh Tư Tâm đứng lên trả tiền rồi ngoái ý muốn theo về chỗ ngủ của cha con Hai Đờn. Anh Hai Đờn rõ ràng bị động, ấp úng mãi mới cho anh biết rằng chỗ ngủ của hai cha con chỉ là một cái sập bán hàng bỏ trống ban đêm, anh không cần tới đó làm chi. Nhưng anh Tư Tâm vẫn nói:

— Có gì đâu, tôi muốn tới cho biết chỗ hai cha con anh ngủ, để bùa nào tụi tôi tới kiểm đưa về cho dề!

Từ chối không được, cha con Hai Đờn phải để anh Tư Tâm theo mình vào nhà lồng chợ.

Cái sập mà cha con Hai Đờn ngủ ở tận trong cùng của nhà lồng chợ. Anh Tư Tâm theo miết hai cha con về tới nơi. Thẳng Tới lè làng cởi áo quơ rách bụi trên sập, đón chỗ cho anh Tư Tâm và cha nó ngồi. Anh Tư Tâm dòm ngó chung quanh, đoán lắc đầu:

— Ở cái kiều này không êm đâu... Thời, dứt bỏ nơi này về trên trại tôi đi anh Hai!

Anh Hai Đờn ngồi nhìn thịnh, không biết nói sao. Tới nước này, anh đành phải thưa thật:

— Dạ... Chẳng nói giấu gì ông...

— Cứ kêu tôi là anh Tư, ông iếc gì!

— Dà, chẳng nói gẫu gì anh Tư, nghe anh Tư nói tôi thiệt ham. Ngặt tôi hồi xưa có bị bắt đi lính...

Anh Tư Tâm hỏi:

— Tôi biết...

— Dà, tôi bị bắt đi lính rồi mới ra nông nỗi này...

Anh Hai Đờn bắt đầu kể. Anh Tư Tâm ngồi lắng nghe.

Đêm ấy, tới mười một giờ khuya, anh Tư Tâm mới ra về. Trước khi đi, anh nói:

— Minh tạm gác chuyện cũ lại để lo chuyện tới đây... Anh và cháu ban ngày có đi đâu thì tôi cũng cứ về đây, tụi tôi tiện bề ghé đón.

* * *

Tết năm ấy, ở trại bảo dưỡng xã hội và dạy nghề Thủ Đức, Ban phụ trách trại

**cỏ
mưa
xuân**

Bắt đầu từ tia nắng
Đưa mây hồng lên cao
Uống hạt mưa phun ấm
Đất cưa mìn xôn xao.

Muôn mầm xanh vụt hé
Khắp mặt đồng tươi nâu
Đã rộn lời thủ thi
Của những chàng chim
sâu..

Vượt đêm dài sương lạnh
Chị sơn ca cũng về
Bồng dưới lòng suối cạn
Nước hát ru thăm thì.

Trời cứ non như thè
In màu cỏ mềm xanh...
Mặc cuối trời bão gió
Mùa đông còn níu quanh.



Minh họa của Nguyễn Phú Kim



làm lẽ đón giao thừa cho hai trăm cô bác tật nguyền và trẻ em lưu lạc. Lần đầu tiên hai trăm con người tú cõi vô thân đó được đón cái tết đàng hoàng dưới một mái nhà. Trước mặt họ là bàn thờ Tô quoc và ảnh Hồ Chủ tịch. Trên các bàn dài bày biện trà nước và bánh trái. Số quà bánh này cũng có thứ do bà con thành phố tặng, nhưng phần lớn đều do sự lao động của họ mua sắm, nhờ nghề mộc, nghề đươn đát và chăn nuôi của trai bước đầu thu được số lời kha khá. Tới phần liên hoan, thịnh linh anh Hai Đờn đứng dậy nói anh xin hiến một bài vọng cổ. Anh bợ cây đờn ghi-ta cũ, nhường nhường đôi mắt như nhìn

khắp mọi người. Lâu sau anh mới cất lên lời:

— Bài vọng cổ này không phải là bài mới. Lúc cha con tôi đi đờn ca kiếm ăn, tôi đã ca nhiều lần. Bài ca kè nôi khô đòi tôi, từ khi tôi bị đi lính rồi mù lòa. Nhưng bài ca cũng không hoàn toàn cũ, bởi tôi mới vừa đặt thêm đoạn sau...

Lúc bấy giờ, thằng Tới từ trong dãy bàn dành cho những đứa trẻ vui đì ra, đến đứng bên cha nó. Tay nó đã thủ cái song loan lên nước đèn bóng đè gỗ nhịp.

Anh Hai Đờn bắt đầu nắn pílm đạo vò. Rồi anh lرđi giọng. Đó chính là bài « Đời tôi » của anh đạo trước, nhưng anh đã lược bỏ và thêm chặng sau, chặng anh

Tư Tâm đón cha con anh về. Bài ca kè về một đời tưởng đã bỏ đi, nay được sống lại. Tiếng đờn câu ca của anh Hai lúc thì oặt đau, lúc uất ức nghẹn ngào, rồi có lúc bừng bừng sống động. Người nghe rưng rưng nước mắt, nhưng về cuối tắt cả đều chớm hé nụ cười. Bởi vì bài ca của anh Hai Đờn trong đêm xuân mới không chỉ nói về đoạn đời tận khổ mà còn tả cái cảnh trong trại làm lụng hồ hởi vui tươi.

Bài ca đã chấm dứt. Trong tiếng vỗ tay và tiếng xòn xao kéo dài, anh Hai Đờn vẫn còn ôm đờn đứng đó, và người ta thấy tự hai hố mắt thăm sâu của anh, nước mắt chảy ròng ròng...

Minh họa của Bùi Xuân Phái



CHO EM MỘT CÀNH ĐÀO

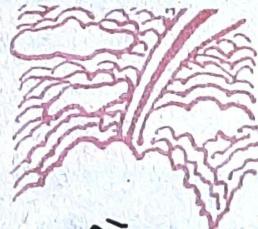
Em theo ba vào Nam
(Có bà nội ở đó!)

Em nhớ sao là nhớ
Nhất là dộ Tết về...

Dường ở đây toàn me
Quanh năm trời đầy nắng!
Đâu lá bàng mùa lạnh?
Tím đỏ rơi sân trường

Tết về càng nhớ thương
Đào cười trong mưa rét
Mong ai vào ăn Tết
Đem tặng em cành đào.

T.P. Hồ Chí Minh
Xuân 1982



CÂU VÔNG RỪNG



MÙA XUÂN TRÊN NÚI

Mùa xuân, các chú đi qua bờn
Lấp lánh cành xanh hoa mận
trắng

Người già thương lăm, đứng
nhìn theo

Ngựa hí trong tàu, đòi ra trận.

Súng nò. Núi gầm lên giận dữ
Các chú thân yêu đang ở đâu?

Người già nhắc nhở bên bếp
lửa

Các chú đang ở khắp chiến hào.

Cháu thòi nỗi xôi thơm với đồ.

Giò xinh, xinh những nắm xôi
ngon

Cứ theo tiếng súng tìm các chú

'Cháu chia xôi trong tiếng súng
đồn.

Thung lũng mùa xuân cành mận
trắng

Lặng im kẽ trái dưới màu hoa
Trai gái thanh niên ra trận hết
Trái hồng lên, chờ đợi ở nhà

Riu rít trẻ thơ trong hang đá
Tiếng chim xen tiếng trẻ đọc bài

Súng vẫn nò ầm ầm chớp lửa
Chẳng làm dừng buổi học sớm
mai..



TRÚC CHI

Cầu vồng như mọc
Ở giữa lòng rừng,
Như cầu ải bắc
Một vòng cong cong.

Cầu vồng mong manh
Như đuôi chú sóc
Quét qua khoảng rừng
Màu xanh đỏ nhạt.

Tiếng con còng hát
Rung cầu vồng chiều
Cái nét tinh nghịch
Đang yêu, đáng yêu.

Trên cổ con nai
Đứng nhìn ngơ ngác
Cầu vồng đâu mắt
Đè lại khoảng trời.

Dưới suối sao mọc
Như con mắt ngọc
Như con mắt nai
Uống không đã khát.

Minh họa của
Nguyễn Phú Kim

Tết Nguyên Phong thắng giặc



1 — Buổi đầu Trần, Thăng Long trở nên một kinh thành sầm uất. Nhân dân vui nhộn vui nghiệp.

Nhưng một hôm có bóng một kỵ sĩ từ biển thùy phía bắc về kinh thành đưa tin cáo cấp: giặc Mông Cổ đang lăm le ngoài cõi!



2 — Như bao lần đánh phá các thành bang từ Á sang Âu, tướng giặc U-ri-ang-kha-dai lừng danh đưa quân áp sát biên giới rồi cử một sứ giả vào Thăng Long thuyết hàng.

3 — Vua Trần Thái Tông nhiren nhận tiếp sứ tại điện Tập Hiền. Nhưng trước thái độ quá ngang

ngược của kẻ thù, nhà vua sai trói sứ giặc tống vào ngục tối.

4 — Sứ đi mãi chẳng thấy về. U-ri-ang-kha-dai cử sứ giả thứ hai... Rồi lại tiếp sứ giả thứ ba. Vẫn biệt vô âm tín. U-ri-ang-kha-dai gọi các bộ tướng lại họp bàn.



5 — «Tiến công!» — Lệnh U-ri-ang-kha-dai truyền đi. Tức thì các tướng Trè-tréch-du và Khai-du chia quân thành hai cánh theo thượng lưu sông Hồng và sông Chảy, tiến vào Đại Việt.

6 — Chỉ hơn một ngày, cả hai cánh quân địch đã dồn tụ dày đặc trước nhánh sông Cà Lồ. Bên kia sông là đại quân Trần dần bày thế trận sẵn sàng trên cánh đồng Bình Lệ.

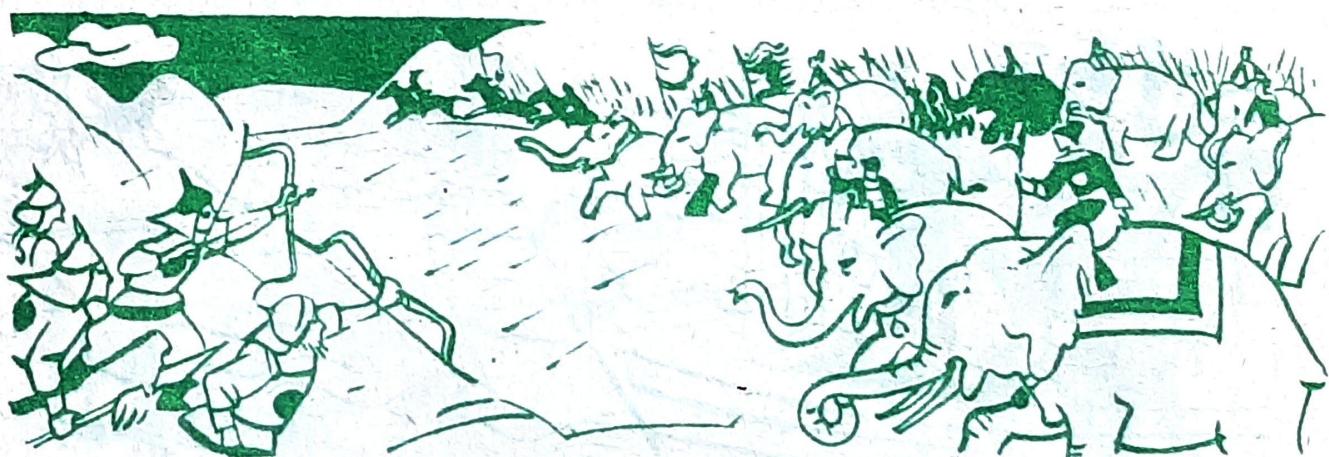


7 — U-ri-ang-kha-dai ra hiệu cho các bộ tướng theo mình phỏng ngựa lên đỉnh đồi. Bỗng y nhìn thấy những bóng thuyền đậu ở chỗ lượn của dòng sông, bèn gọi Trè-tréch-du lại gần...

8 — Trè-tréch-du theo lệnh truyền của chủ tướng đem quân đi, U-ri-ang-kha-dai bèn bảo

Khai-du: « Phò mã dẫn ngay quân theo sau để cắt hậu quân của địch ».

9 — Nhưng Trè-tréch-du vừa vượt được sông, thấy quân Trần xô tới, đã nòng tiết cho dừng quân lại đánh. Trận đánh giằng co. Thế là hắn quên phắt mất nghiêm lệnh phải cướp thuyền.



10 — Trong khi đó, Khai-du huy động nhiều cung nỏ bắn vào những con voi trận đứng vòng ngoài quân Trần. Và thêm nữa, chính U-ri-ang-kha-dai cầm đại quân xuất trận.

11 — Tình thế biến đổi rất nhanh. Lần đầu ném trại những trận mưa tên, đàn voi bắt đầu hoảng loạn, tung voi lồng chạy.



12 — Quân Trần nung dàn. Vua Thái Tông, có viên tướng dung mãnh Lê Tân phò giá bên cạnh, xông phá trước trận tiền. Nhưng rồi Lê Tân sáng suốt khuyên vua : « Xin bệ hạ hãy bảo trọng mình vắng và giữ lấy đại quân, tính kế khác... ».

13 — Nhà vua nhận ra tình hình và truyền lui quân. Song quân thù dày đặc. Phía trước : quân Khai-đu và phía sau là binh mã đông như kiến của U-ri-ang-kha-dai...



14 — Còn đang chưa biết tính kế gì thì thê đội dự bị của tướng quân Phạm Cự Chich xuất hiện. Đoàn quân quả cảm kịp thời ứng cứu và chặn đứng quân thù, cho đại quân rút về phía sau.



15 — Vua Trần cùng đại quân về được Lãnh Mỹ. Trên bến sông, đám thuyền bè suýt nữa bị Trê-trêch-đu cướp mất cũng đã kéo về được đến đây. Quân Trần được lệnh xuống thuyền ngay.



16 — Đoàn thuyền vua rời bến thì quân thù cũng bắt đầu ập tới, xối xả bắn đuổi theo. Đứng chới với trên thuyền giữa dòng sông, tính mệnh nhà vua muôn phần nguy ngập.



17 — Tình thế cực kỳ hiểm nghèo, Nhạn lì trí, Lê Tân cuí xuống bóc miếng tấm ván thuyền giờ lên làm mộc che đỡ cho vua. Tèn bay cầm phím pháp vào gỗ, tua túa như lông nhím.



18 — Đoàn thuyền được lệnh chèo nhanh. Lê Tần giúp vua chỉ huy quân lính bắn chống trả. Cuối cùng, đoàn thuyền cũng rút được ra ngoài tầm tên và lướt về xuôi.

19 — Hôm sau quân giặc đến sông Cà Lồ lại gặp một đội quân Trần đóng giữ bên kia sông. Cầu đã bị đánh gục. Quân lính phỏng ngựa men bờ sông, bắn tên xuống nước, chỗ nào không thấy tên nổi lên là chỗ ấy nòng, cứ phỏng ào qua.



20 — Trận đánh trên đất Cà Lồ diễn ra hết sức dữ dội. Nhiều binh lính cùng tôn thất nhà Trần là Phú Lương hầu tử trận, song đã chặn được bước tiến quân thù, tạo điều kiện cho đại quân rút lui.

21 — Tin đại quân ta rút lui bay về Thăng Long làm mọi người lo âu. Từ mấy ngày trước, Linh



tử quốc mẫu Trần Thị Dung, đã cho cả hoàng gia, vợ con tướng sĩ xuống thuyền lánh về mạn Hoàng Giang.

22 — Bà còn vận động nhân dân cất giấu lương thực, và giúp triều đình chuyển cả một kho vũ khí mang đi. Cả một không khí rộn rịch hào hùng suốt từ tinh mơ cho tới đêm khuya.



23 — Đại quân đã rút lui an toàn về tời Thiên Mạc. Nửa đêm giá rét, nhà vua di thuyền đến hỏi kế thái úy Trần Nhật Hiệu. Vì tôn thất già nua viết lên mạn thuyền hai chữ « Nhập Tống » ! khiến vua đậm chán ngán, hoang mang.



24 — Giữa lúc đó thì thái sư Trần Thủ Độ từ mạn Hoàng Giang về ra mắt vua. « Đầu tôi chưa rơi thì bệ hạ đừng lo ! » Lời lẽ khẳng khái của người gày dựng cơ đồ nhà Trần tức khắc làm yên lòng Trần Thái Tông.



25 — Ngay trong đêm đông, nhà vua truyền gọi các tướng ta xuống thuyền họp bàn kế phá giặc. Mặt rồng càng thêm rạng rỡ khi được biết trai tráng khắp nơi nô nức đầu quân và vũ khí cũng đã được toàn dàn góp đủ.

26 — Kế phá giặc đã được bàn kỹ, Tướng Trần Khánh Dư nhận lệnh đem quân tiến về Thăng Long êm trước. Đúng ngày 23 « ông Táo lên trời », đại quân Trần cùng nhân dân chuẩn bị lên đường.



27 — Chiều xuống, trong màn sương dâng đầy mặt nước, đại quân rầm rộ xuống thuyền. Theo vua đi chinh chiến chuyến này có cả hoàng tử, tuồi còn rất trẻ.



28 — Đêm 24 tháng chạp năm Nguyên Phong đã đi vào lịch sử. Giữa lúc quân thù còn đang ngủ mệt trong các lều ở Đông Bộ Đầu thi bất thần, quân ta đánh thẳng vào trại. Quân giặc vung chạy ra khỏi lều ngơ ngác trước cảnh bốn bề lửa cháy.



29 — Đội quân thiện chiến của Trần Khánh Dư xung sát, giết giặc, cướp ngựa. Mãi hồi lâu tướng

giặc U-ri-ang-kha-dai mới kịp hoàn hồn tìm được ngựa, chỉ huy chống cự.



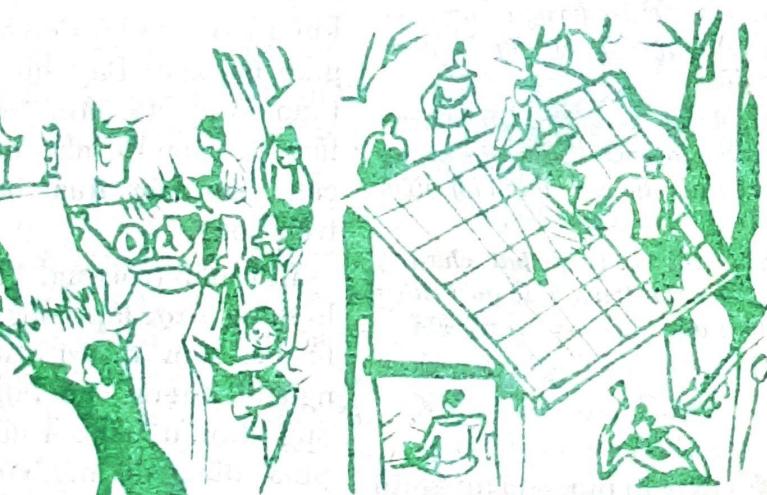
30 — Vừa điên cuồng chống trả, quân giặc vừa lùi ra phia mép sông. Nhưng chúng đã khiếp vía rụng rời khi nhìn thấy từng đoàn thuyền quân Trần theo nhau ập tới.



31 — Trên: quân Trần Khánh Dư đánh xuống
Dưới: đại quân của vua Trần Thái Tông đánh lên. U-ri-ang-kha-dai biết không chống nổi, bèn mở một đường máu rút qua sông...



32 — Trở về kinh đô, nhìn cảnh Thăng Long bị tàn phá, lòng vua đau xót. Nhưng, dân kinh thành đã gánh gồng riu rít trở về, lao xao tiếng nói tiếng cười. Tất cả ùa ra đón mừng đoàn quân chiến thắng.



33 — Công việc sửa sang dọn dẹp lại kinh đô thật nhanh chóng. Nhân dân Thăng Long vừa dựng lại cung điện nhà cửa, vừa rộn rịch chuẩn bị gói bánh chưng mừng năm mới.



34 — Đúng ngày mồng một tết, nhà vua truyền mở rộng cửa điện Đại Minh cho quan tướng vào chầu, ăn mừng chiến thắng.

Tinh tú buồi định đỗ đến giờ, chưa khi nào dân Thăng Long ăn tết vui đến thế!

Kỳ nghỉ hè đầu tiên

Cô-sê-voi được sang Việt Nam nghỉ hè tại nơi bố em làm việc. Đó là công trường xây dựng nhà máy xi-măng Bỉm Sơn do Liên-xô giúp đỡ.

Tại đây, Cô-sê-voi có những người bạn mới. Em đã sống những ngày hè với nhiều kỷ niệm đẹp đẽ ở Việt Nam.

Chúng tôi xin trích hai chương cuối của cuốn truyện để giới thiệu với bạn đọc.

MÓNG lò nung đã được đỗ xong. Trông xa, hàng trụ mỏng giống hệt một đoàn tàu hỏa, mà đầu máy là cây ống khói ngao nghê giữa bầu trời. Người ta đã điều hai chiếc cần cẩu chân để đến để lắp ráp thiết bị. Nghe đâu sức tải của loại cầu này những 250 tấn. Bốn cái chân để dựng ra, hùng dũng quá. Từ buồng lái, cô thợ cầu thò đầu, nhìn xuống chân móm. Nom cô mảnh khảnh, yếu ớt, không tương xứng với vẻ vạm vỡ của móng lò. Ẩn ngón tay vào cổng tắc điện. Cuộn dây cáp quay, từ từ nhả ra hai chiếc maul sắt. Xe Ben la có dàn chở một đoạn lò nung từ từ bò đến. Người thợ buộc hàng maul dây cáp vào thận lò. Đoạn ống lò nặng

mười tám tấn được nhắc lên khỏi sàn ô-tô. Cô thợ cầu khéo léo đưa nó đến khoảng giữa hai trụ. Bây giờ đoạn thận lò ấy đã nằm yên trên tấm lót vành lò, như một cây cầu tròn bắc qua hai mố trên sông.

Một tuần trôi qua. Toàn bộ lò nung được lắp xong. Chiếc lò dài tám mươi sáu mét ngoam miệng vào bụng cày ống khói, dốc thoái dần sang phia đông để nối với hợp khối nghiền. Rồi đây chiếc lò nung ấy sẽ quay, chuyên dần « bùn » từ đầu lạnh xuống đầu nóng. Nhiệt độ của than sẽ phả vào và « bùn » sẽ được nung khô, tạo thành những viên cờ-lanh-ke. Hợp khối nghiền gồm ba quả nghiền không lò sẽ « xay » cờ-lanh-ke viên thành bột... Trước mắt tôi bây giờ hiện lên hàng chục đoàn tàu hỏa chở xi-măng Bỉm Sơn, bóp còi inh ỏi... Trong kia, bác I-va-nút và bố thẳng Thoại đang kiểm tra việc hàn lò nung. Chớp nhắng lên và yعن hàn rơi lá phả. Thân lò nung đen trũi, tạo thành một nét kẻ đậm giữa bầu trời xanh biếc...

— Ta vào ruột lò chứ? —
Cô-sê-voi rủ các bạn.

Ba đứa nhảy tung bắc dọc chiếc thang sắt vừa mới lắp ráp. Những cô thợ hàn treo mình trên dây bảo hiềm. Từ chỗ họ, lửa hàn bắn tung tóe thành những đám trắng lòa. Một tốp thợ sơn đưa từng nhát chổi đều đặn, phết sơn xanh vào các thanh giàm sắt...

Chúng tôi đứng trước cửa lò nung. Các chị công nhân



đang lát gạch chịu lửa ở phía cửa lò. Lò nung dài hun hút và sâu thăm thẳm.

Ba đứa bước hắn vào trong miệng lò. Cảm giác lạ lẫm và sợ hãi một cái gì mờ hồ xâm chiếm tâm hồn tôi. Tôi chưa được đi vào đường hầm cuốc than, chưa lặn dưới đáy biển hoặc luồn vào ruột đất để khảo sát. Khi lớn lên, trưởng thành, có lẽ tôi sẽ làm những việc ấy. Còn bây giờ, ba đứa chúng tôi đang thăm hièm trong ruột cái lò nung không lò của một nhà máy xi-măng hiện đại. Bạn bè lớp 7A trường Ninh Thanh và các trường khắp toàn quốc chắc chắn không được hưởng niềm vinh hạnh như tôi lúc này. Có thể rồi đây nhà trường sẽ tổ chức cho các bạn đi tham quan nhà máy xi-măng Bỉm Sơn. Bạn sẽ được hưởng dẫn và xem tận mắt từng phần xưởng. Nhưng, tất nhiên bạn sẽ không được đi trong ruột lò nung, bởi nhiệt độ của nó lúc ấy là... ba, bốn nghìn độ; không được ngó xuống cái độ sâu hai mươi mét; không được nhìn chiếc cầu cột do bô thằng Thoại thiết kế; không được nom tận mắt những cột nước do hang Các-tơ tạo thành... Thế đấy.

Ruột lò nung rỗng tuếch và tối như hũ nút. Tôi phải dò từng bước vì đang lâ.

— Cứ chạy nhanh! — Cò-sê-vôi giục.

— Nhỡ va phải vật gì phía trước thì sao? — Thằng Thoại lo lắng.

— Yên trí. Sắp đến đầu lạnh rồi. — Cò-sê-vôi nói khẽ.

Phía trước đã thấy ló ra một quầng sáng hình tròn.

Đó là ánh sáng từ bên ngoài hắt vào cánh cửa cuối lò nung. Chúng tôi bước mau hơn. Bây giờ thì ba đứa đã đứng dưới nền cát ống khói. Nhìn ngược lên, thấy cây ống khói giồng hét một tòa nhà cao tầng xay theo hình tròn ốc. Một quầng sáng mờ ảo từ trên chót vót rơi xuống.

— Kia là công trình gì?

— Hành lang than. — Cò-sê-vôi trả lời.

Hành lang than dốc dần lên. Chiếc băng chuyền băng cao-su nằm trên dây trực thép.

— Khi vận hành, — Cò-sê-vôi giải thích. — trực thép quay, băng chuyền tải than từ dưới hầm than đến đầu nòng lò nung.

Ba đứa đang nhởn nhơ đọc con đường bê-tông vĩnh cửu. Một chiếc máy ủi chạy qua. Một chiếc cần cẩu tự hành đi tới. Xe Ben-la, xe Din và các loại máy móc àm àm lăn bánh. Chúng tôi đi sát mép đường để tránh xe.

— Chào các cháu!

Chiếc Mốt-cô-vich giảm dần tốc độ rồi dừng lại bên cạnh chúng tôi. Một người Nga đội mũ lưỡi trai thò đầu ra ngoài cửa xe. Cò-sê-vôi reo to.

Đó là bác I-va-nurt. Bác mặc quần áo bảo hộ như một công nhân thường.

— Chào bác! — Tôi nhanh nhau.

— Cò-sê-vôi và các cháu cùng về nhé! — Bác mở cửa.

Chiếc Mốt-cô-vich từ từ lăn bánh, đưa chúng tôi ra khỏi khu vực công trường. Qua cổng «làng Nga» nhưng xe không dừng lại mà đi về phía bắc đá bóng đọc sườn đồi.



Đã thấy rõ bác bảo vệ thi đón trong sân ngồi trườn Ninh Thanh. Còn vài chụ ngày nữa, chúng tôi bước và năm học mới. Học khoảng và chục tuần là đến cách man Tháng mười Nga. Năm nà trường Ninh Thanh cũng t chức lễ kỷ niệm cách man Tháng mười rất long trọng. Vì biết cắt chữ nên tôi đượ cử làm tờ trướng tờ cắt dâ khâu hiệu. Hai hàng khâu hiệu đó chơi trên nền và chǎng hai bên kỳ dài. Ảnh Lê-nin phóng to treo dưới l cờ búa liềm cũng dò chơi. Chúng tôi có cảm giác Lê-nin đang từ trong ảnh bước ra. Vầng trán rộng ưu tư và cái cảm của Người luôn luôn dò về phía trước. Chúng tôi cũng có cảm giác mình là khôi công nhân vây quanh Lê-nin, nghe Người nói chuyện.



— Ba đưa chúng con đi đâu thế này à? — Cò-sé-vôi khẽ hỏi. Bác I-va-núrt xoa đầu nó rồi nháy một bên mắt rất là ý nghĩa :

— Yên tâm! Ba sẽ dành cho con và các cháu một bất ngờ thú vị.

Chiếc *Mölt-cô-vich* chậm dần lại khi xuống con đường trực. Xe lắc lư làm chúng tôi chao đảo. Đã thấy thấp thoáng nhiều vật mạ non. Bác I-va-núrt ra hiệu cho anh lái rẽ vào công nhà tôi. Tim tôi dập rộn. Còn thằng Cò-sé-vôi thì reo to :

— Chúng ta đến nhà bạn Bường hả ba?

— Ủ.

— Thế sao ba không nói với con từ trước?

— Ba dành cho con một bất ngờ mà!

Mẹ tôi xay bột làm bánh cuốn. Bố và bác chủ nhiệm hợp tác xã thì cao lòng con chó vàng. Mọi người liu tít chuẩn bị bữa ăn. Việc bác I-va-núrt đến chơi nhà trở thành sự kiện quan trọng. Bà con chòm xóm kéo tới khá đông. Người nào cũng nhìn bác I-va-núrt chào hỏi khắp lượt. Các bà cười ầm lên khi bác dùng sai một từ.

— Tôi muốn mua vịt nuôi chơi.

— Nhà tôi có. Nhưng bác thích loại vịt nào? — Một bà xã viên hỏi lại.

— Loại vịt, loại... — Bác khoát tay, ngọ nguậy đầu. —

Loại vịt do con vịt chồng và con vịt vợ sinh ra.

Mọi người cười ầm lên. Thắng Thoại lát lịnh ;

— Thưa bác, vịt con à.

— Ủ, vịt con.

Tôi rót một chén trà :

— Cháu sẽ tặng bác một đôi ạ.

— Một đôi là bao nhiêu?

— Hai con ạ.

Mọi người lại cười.

Bữa ăn được dọn ra. Chúng tôi ngồi quanh chiếc bàn vuông đặt giữa sân. Bác I-va-núrt rất thích thử rượu do mẹ tôi cất.

— Nó là rượu ngang. — Bố tôi nói. — nấu bằng gạo.

— Ngon hơn vang của Pháp.

Bác khen và uống cạn cốc thứ năm. Khi đã ngà ngà, bác gấp một miếng ở đĩa đồ chén:

— Cũng ngon. Thứ « xúc xích » này làm bằng gì?

— Bằng ruột, mõi chó. Trộn đậu xanh rang, lạc rang, mõi và tiết chó với rau mà rồi nhồi vào ruột chó. Đem dùn kỹ trong nước sôi. Khi chín, vớt ra, khoanh vào que nướng giòn. — Bố tôi giải thích.

— Ngon, ngon! — Bác I-va-nút khen.

Cô-sê-vòi, thằng Thoại và tôi thì cứ đánh liều tú lì. Chúng tôi ăn thoái mái. Bánh cuốn đậm láng trong nước xuyệt, béo ngậy.

Bác I-va-nút nhìn tôi:

— Lớn lên, cháu làm nghề gì?

— Cháu sẽ viết văn.

— Cháu định phấn đấu trở thành nhà văn à?

— Vàng.

— Cháu viết tiểu thuyết chứ?

— Cháu sẽ viết về tình bạn giữa Cô-sê-vòi, cháu và thằng Thoại, viết về việc bác đến nhà cháu chơi, việc bác xây dựng nhà máy xi-măng Bỉm Sơn.

— Nghĩa là cháu sẽ viết về tình hữu nghị Liên-xô — Việt Nam.

— Vàng.

— Bác tin cháu đạt ý nguyện.

Chợt bác quay sang phía thằng Thoại:

— Thế còn cháu?

Thằng Thoại lúng túng đặt đũa:

— Dạ, thưa bác, thưa, cháu sẽ, sẽ...

Mắt nó sáng lên:

— Cháu sẽ lai tạo để trồng được cây lạc của Việt Nam trên đất nước Liên-xô ạ.

Mọi người cười. Bố tôi gật gù:

— Ước mơ của chú bé ấy sẽ thành sự thật.

Bác I-va-nút đặt chén, nhìn Cô-sê-vòi:

— Thế còn con?

— Dạ, con, con... — Cô-sê-vòi gãi gáy — Con sẽ chế tạo một loại máy cày chạy bằng dây cót.

— Máy cày chạy bằng dây cót, ha ha! — Bác I-va-nút cười to.

Cô-sê-vòi dỗng dạc:

— Thưa ba, vì xăng dầu hiếm nên con sẽ sáng chế ra loại máy cày chạy bằng dây cót, để các gia đình nông dân Việt Nam cày trên những thửa ruộng khoán sản ạ...

Câu nói ấy đã được nghiêm ngâm kỹ lưỡng. Và cái điều Cô-sê-vòi mơ ước lại rất thiết thực vì nó hợp với mảnh ruộng mà gia đình chúng tôi nhận khoán của hợp tác xã.

Chúng tôi ăn vui vẻ. Mãi tới lúc này, bác chủ nhiệm hợp tác xã mới chêm vào câu chuyện của chúng tôi:

— Đất nước Việt Nam đang bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng bàn tay lao động của mình, song cũng cần mọi sự giúp đỡ của bạn bè. Hoan hô cái máy cày chạy bằng dây cót của Cô-sê-vòi và nếu cháu làm được những máy móc to hơn để cày được trên những cánh đồng mênh mông tương lai chúng tôi càng hoan nghênh.

Trăng đã mọc...

* * *

Thời tiết chuyển sang thu từ lâu rồi. Vòm trời trong vắt. Những cụm mây trắng nhởn nhơ đó đây. Dãy Tam Hiệp xanh thẫm lên dưới ánh nắng vàng rọi. Lúa mùa trai khắp cánh đồng một màu xanh đậm. Trong thôn xóm, tiếng trống ếch kêu tòm tòm. Các đội thiếu niên tiền phong đang tập duyệt lại đội ngũ, tập đấu kiếm, chuẩn bị đón tết Trung thu...

Bận suốt ngày. Ngoài việc chăn trâu, ôn bài, tôi còn phải tham gia các buổi tập. Thằng Thoại cũng vậy. Tôi hẹn gặp nó vào buổi trưa hôm nay.





— Thế nào? Chiều mày vẫn đi tập chữ? — Tôi hỏi.

— Tất nhiên! — Nó vừa trả lời vừa khít mũi. — Mình thích nhất món múa kiếm.

Tôi bĩu môi:

— Múa kiếm, mệt lắm! À, ta đến « làng Nga » nhé?

— Đi đi! — Nó cầm tay tôi lắc mạnh.

Hai đứa chạy như bay. Chiếc *Molt-cô-vich* sơn màu đen đang bò qua cổng thoảng nom thấy bác I-va-nirt ngồi trong xe. Thắng Thoại bật gọi nhưng tôi ngăn lại. Bác I-va-nirt nhìn chúng tôi rồi bảo anh lái hầm phanh.

— Chào nhá vân và nhà lai tạo giống tương lai! — Bác cười.

— Thế còn anh bạn chế tạo máy cày chạy bằng dây cột của chúng cháu vào giờ này còn ở nhà không ạ? — Tôi lèm lỉnh.

— Cô-sê-voi đang ở nhà. Mời các cháu vào chơi.

Xe lăn bánh. Chúng tôi nhìn theo chiếc *Molt-cô-vich* cứ mỗi phút lại mỗi xa dần. Hai đứa đe dặt bước lên cầu thang. Cảnh cửa phòng đê ngỏ. Cô-sê-voi ngồi viết chõ bàn. Chẳng rõ nó viết gì mà môi cứ mắm lại. Tôi huýt sáo. Thắng Thoại cũng huýt theo. Cô-sê-voi buông bút:

— A!

Đoạn, nó kéo ghế, tìm ấm pha trà. Tôi phì cười:

— Cậu cứ làm như bọn tớ là khách lạ ấy.

— Các cậu. Minh sắp về nước rồi. Đang viết mấy dòng vào cuốn sổ để tặng hai cậu.

— Thế à? Cậu sắp về nước à? — Thắng Thoại nói và cầm luôn lấy cuốn sổ vẫn đ𝐞 trên bàn. — Chữ cậu xấu như mèo cào ấy nhỉ? Phải viết tập nhiều cho chữ đẹp chứ!

Câu chè thắng thùng ấy khiến mặt Cô-sê-voi đỏ tía. Tôi bảo thắng Thoại:

— Đừng có gào lên thế!

Thắng Thoại vẫn tinh bợ. Nó lại khít mũi:

— Hè năm tới, cậu có sang Việt Nam nữa không?

— Chưa rõ. Điều ấy còn tùy thuộc việc ba mình làm ở đâu.

— Nhưng cậu vẫn nhớ bọn tớ chứ?

— Sao lại không! Có thể mình sẽ theo ba mình đến châu Phi hoặc châu Mỹ Latinh, nếu Liên-xô xây dựng nhà máy cho những cháu ấy. Nhưng dù sống ở đâu thì mình vẫn không bao giờ quên kỳ nghỉ hè đầu tiên của mình tại Việt Nam, không quên mấy tháng trời chúng ta sống với nhau. Biết bao nhiêu là kỷ niệm...

Mắt Cô-sê-voi đỏ hoe. Nó sấp khóc.

Thế là ngày chia tay giữa chúng tôi đã đến. Ba đứa bước dọc bãi đất thoái gần ngôi trường Ninh Thanh. Học sinh các lớp dọn dẹp trong sân trường. Chúng vừa cuốc cỏ vừa nô nghịch, cười nói ồn à.

Chúng tôi lặng lẽ. Thắng Thoại cầm mảnh xương chim hóa thạch mà nó nhặt ngoài bãi thải đá dạo nào. Cô-sê-voi thì cầm cuốn sổ. Tôi cầm bức tranh bác họa sĩ tặng.

nghìn
cây
sô
hoa



Đã từng lên tàu hỏa
Đã từng đạp ô-tô
Cô ong xinh xinh ấy
Đi tàu bay nữa cơ!

Cô bay theo mùa hoa
Cánh rung rung cảm xúc
Chưa xong hoa vải chua
Đã thơm lừng nhẵn ngọt.

Mùa hoa ruồi nhanh nhanh
Đất nước thì dài rộng
Một đôi cánh bé bỗng
Bay làm sao cho cùng!

Có thợ nuôi ong giúp
Những cô ong vàng mơ
Lần đầu dùng cánh săt
Của bác ong không lồ.

Ô này những đóa mây!
Cũng hồng tươi, tím biếc
Hoa ra ở giữa trời
Mật cung nhiều phải biết!

Bác ong không lồ ơi!
Sao không dừng lấy phần?
Cứ dang đôi cánh trắng
Mà bay tràn cung mây
A, thì ra bác biết
Miền nam đang rộ hoa
Nên bác bay mãi miết
Cho hoa kia khôi chở.
Bác không lồ hạ cánh.
Sân bay người xôn xao:
— Khách nào mà sang thế?
Xách vali bé tí
Các cô ong vẫy chào.

bổ tôi. Bức tranh vẽ cảnh thi công móng lò nung. Không đứa nào nói. Ba cặp mắt đều ngược nhìn cây ống khói đang lặng lẽ tỏa lên bầu trời xanh thăm làn khói trắng muốt. Nhà máy bước vào sản xuất rồi. Mẻ xi-măng thứ nhất vừa mới ra lò.

— Kỳ nghỉ hè đầu tiên của cậu thú vị đấy, Cô-sê-vội à! Tôi phá tan sự im lặng.

Ba đứa trao tặng phẩm cho nhau. Mắt Cô-sê-vội đỏ hoe. Nó li nhí:

— Lớn lên, nhất định mình sẽ chế tạo thành công loại máy cày chạy bằng dây cột, để tặng Việt Nam.

— Còn từ thì viết văn. Cuốn sách đầu tiên phải là cuốn sách miêu tả tình bạn của chúng ta, miêu tả việc nhân dân Liên-xô giúp nhân dân Việt Nam xây dựng nhà máy xi-măng Bỉm Sơn này. — Tôi nói to lên cái điều đã nói.

Thắng Thoại khịt mũi:

— Cô-sê-vội à, cậu cứ yên tâm. Bây giờ thì chắc cậu ham thích mòn sinh vật rồi chứ?

— Ham lắm!

— Học đi, học cho giỏi mòn sinh vật đi. Nhất định mình sẽ trở thành nhà lai tạo giống, mà thành quả đầu tiên là cày lạc Việt Nam, miền nhiệt đới, sẽ đem trồng bên Liên-xô, miền ôn đới và hàn đới. Thế đấy.

Núi Tam Đệp bừng lên trong nắng vàng rực...

Bầu trời xanh biếc. Cây ống khói phả lên trời xanh biếc dun khói trắng như bông...

Minh họa của
Trần Gia Bich



MAI VĂN HAI



Mỗi năm trực ba tháng
Giữ một trạm thời gian
Xuân trở về đúng hẹn
Khi mùa đông vừa tàn.

Bước xuân đi nhẹ nhàng
Tiếng mùa xuân êm á
Thê mà muôn mảnh lá
Mở nhìn màu xanh non
Thê mà muôn hạt mầm
Tách vỏ khô dậy hết.

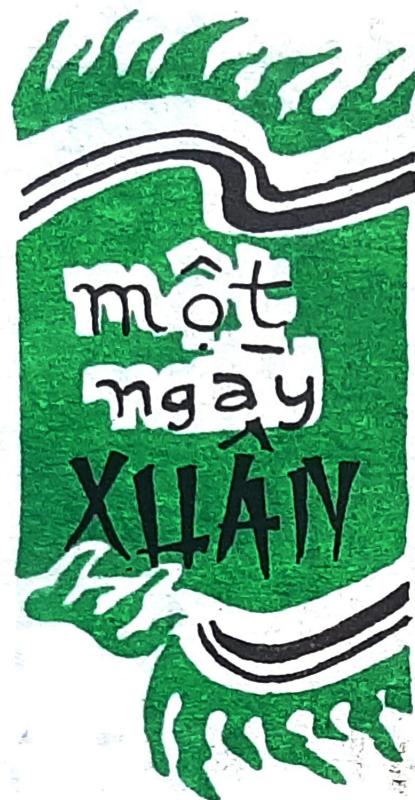
Như một người chăm việc
 Tay quen nói thay lời
 Xuân đến khắp mọi nơi
 Rắc hoa lên cành biếc
 Rồi lấy mảnh từ đất
 Rồi lấy hương từ trời

mùa xuân

Chuyển lên cành cây nuôi
Đè xòe hoa kết quả.
Đầu mùa se sương già
Xuân thức ông mặt trời
Đô nồng vàng ra phơi
Quả tha hồ ấm áp
Lại sợ quả nó khát
Xuân gửi cơn mưa phun
Buổi sớm lại buổi hôm
Quả tha hồ tắm mát.
Lại vầy lá ru hắt
Chuyển cây cành rung đưa
Cho lúa quả măng tơ
Càng lớn lên càng đẹp.

Minh họa của
Nguyễn Phú Kim

HÀ ÂN



NĂM nay đến lượt làng Thịnh Quang, huyện Quảng Đức trong kinh thành làm trâu đất. Ngay từ giữa tháng chạp người ta đã sắp sửa vật liệu đẽ nặn con vật thần đối với nghề nóng. Vật liệu do mấy cụ bô lão giàu kinh nghiệm kén chọn kỹ lưỡng. Tre làm cốt phải là thứ tre già chặt từ đầu năm với cái nghĩa «Tre tháng tám làm lạt, tre tháng chạp làm cột». Bởi vì tháng tám mưa nhiều, nhất là sau kỳ mưa ngâu tháng bảy thi tre trồng nhiều năm cũng mềm ra, ướt nhựa, chỉ đẽ chẻ ra làm lạt. Còn tre tháng chạp qua những tháng khô hanh mùa đông đều rắn chắc lại. Đất

chọn cũng kỹ, làm đất càng kỹ hơn.

Nhà câu bé Đức dăng cai năn trâu. Mà kỳ lạ thật, ông nội lại cho Đức ngồi xem, rồi cho giúp cả những việc lặt vặt nữa; Đức rất thích sân nhà bé bây giờ không khí rất lạ. Tre, đất xếp dày sàn. Đức thấy ông nội mình cũng mấy ông bạn già râu tóc trắng phau ngồi nghịch đất cả ngày dưới bóng rợp của giàn thiên lý. Họ dùng dao vằm đất sét thật nhỏ ra, hột đất nào cũng chỉ bằng hạt na. Mè nào được vằm kỹ rồi, các cụ đồ vào những cái nồi ba mươi ngâm nước. Những cây tre đục vỏ vàng vót từ ao làng đem về được

dùng dao sắc róc hết mău. Ông nội Đức chẻ một cây thẳng làm cái thước do. Cụ dùng gang tay ướm vào cát tre vót nhẵn bóng miệng làm nhầm: «Trường mười lăm rưỡi, khoát mười, kiêu mười...» Rồi như không tin ở trí nhớ kỹ lưỡng của mình, ông cụ hỏi lại mấy cụ bạn già:

— Nhia, các cụ nhia! Có phải trường mười lăm rưỡi, khoát mười, kiêu mười không các cụ nhia?

Cả mấy cụ kia cùng đáp một lượt:

— Đúng rồi! Trường phải mười lăm gang rưỡi. Thiếu nửa gang ông trâu ngắn mình nom yếu ớt hẳn đi,

Rồi bỗng một cụ như thử bạn, thử cả mình, hỏi trống :

— Hay là ta làm hẵn mười sáu gang trườn đi nhè ?

Thế là bấy nhiêu cụ phản đối rào rào :

— Mười sáu gang, con trâu dài ngoằng như trâu ốm đói ấy !

— Không được, mười lăm rưỡi là mười lăm rưỡi. Từ đời Hồng Đức đến giờ ngót trăm năm rồi, con trâu mười lăm rưỡi trườn là mười lăm rưỡi trườn.

— Ấy chết, làm thế làng bắt vụ mà triều đình đâu có cho. Phép vua, luật nước lệ làng, con trâu mười lăm rưỡi là phải đúng không sai một li.

Ông cụ kia cười hề hề cãi dùa :

— Bốn các cụ tí chơi chứ tôi đâu dám làm dài trâu, ngắn trâu.

Cậu bé Đức ngồi ngác nhìn ông nội dùa bốn với các bạn

già, cậu cứ nghĩ họ nghiêm chỉnh hơn cơ.

Sáng ngày ba mươi tết, cả làng khiêng cái bục trên bày ông trâu đặt to kềnh cảng lên phủ nha. Ở đây quan phủ đã sắp binh lính, cờ lọng, trống chiêng rước ông trâu đến cửa Đại Hưng là cửa nam của hoàng thành. Năm nay đức vua sai một ông thần vương chủ ruột mình làm chủ lễ rước trâu xuân.

Đám rước dần ra. Đầu là cờ quạt bay pháp phái, rồi đến một cái trống cái, người đánh trống trước khi vút dùi côn khoa nó lên cho dải lụa hồng bay tỏa ra nõn rất đẹp. Con trâu đặt trên bục. Cái bục đặt lên trên khung cảng làm bằng tre đực mười sáu người khiêng. Con trâu năm nay năn khéo lắm. Vai nó nở nang, hông tròn trịa, cái dáng nó nghen cỗ như đang

hit mùi lúa chín thơm. Người ta còn dùng lụa màu kết thành hai bông hoa treo lên đầu sừng trâu.

Nhưng đặc biệt nhất là ngay sau trâu, đứng trên một ngang tre là một chú bé xinh xắn. Chú bé còn để tóc trái đào, mặc áo vắt tà ngắn vạt màu lá cời. Tay chủ có cái roi tre dài. Đầu roi còn để một tấm lá. Đám rước cứ đi vài bước, đến nhịp trống cái diễm tung là chú bé lại đập cái roi lên trên mông trâu. Thế là người đi xem rước lại để to : « Vắt, vắt,... bò rù ! »...

Phải nhận rằng đám rước trâu rất vui. Hai bên phố, nhiều nhà đem pháo ra đốt mừng. Ai cũng chỉ trỏ chú bé chăn trâu, khen chú xinh xắn, khen chú mặt mũi sáng sủa. Họ hỏi nhau :

— Cậu bé chăn trâu năm nay là con cái nhà ai thế ?



— À, cậu ta người Thịnh Quang. Nghe đâu tên là Đức.

— Ủ! Năm nay trâu có dáng, trẻ trâu lại đẹp, át là mùa màng phải tốt tươi.

Vừa lúc ấy, như để trả lời câu vừa rồi, mưa xuân rắc hạt li ti. Không khí vừa ấm vừa ẩm làm cho người ta có cảm giác cây cối đang nhơn phỗng lên. Mưa rơi trót cả trái đào bé Đức, nhưng bé không quên nhiệm vụ. Hè nhịp trống tùng là bé lại vung cái roi tre lèn đậm vào móng trâu.

— Vắt, vắt, bờ rừ... vắt, vắt, bờ rừ!

* *

Sáng mồng một tết, bố của Đức chải đầu cho con, mặc quần áo mới cho cậu bé. Trên mặt Đức vẫn còn phảng phất những nét vui hè của đám rước trâu. Hai bố con dắt nhau đến trước giường ông nội. Ông nội đã thường thíc xong tuần trà sớm, thế là ngày tết cũng không quên nếp cũ. Chẳng những thế, ông nội còn bày ra nao bút, nao nghiên mực, nào giấy trắng tinh. Nghiên mực đã mài xong, mùi mực thơm như khói tùng.

Mười mấy ngày chặt tre, vằm dắt làm trâu, rước trâu thế mà nom cụ trẻ ra, khỏe ra. Ông nội kéo bé Đức lại gần, xoa đầu bé Đức rồi bảo :

— Cậu bé chăn trâu năm nay đến tuổi đi học rồi. Năm nay ông cho cháu khai bút nhé.

Trên tờ giấy trắng tinh, ông nội đã viết một dòng chữ rất nắn nót :

« Rước trâu xuân cho mùa màng tươi tốt ». Các chữ đều viết đủ nét cả, riêng chữ tốt

còn thiếu một nét ngang. Ông nội bảo Đức :

— Cháu lên đây với ông!

Bố Đức bế con lên đặt vào lòng ông già. Ông nội ôm cháu, tay phải cầm quản bút đậm vào nghiên mực, lăn cho thật gọn đầu. Ông nội lại nói :

— Viết một nét cũng phải cẩn thận. Từng chữ từng chữ đều lưu lại cho đời sau đấy cháu a.

Ông nội cầm tay cháu rất nhẹ nhàng, rất từ tốn đặt một nét ngang vào chữ tốt. Ông bố Đức ninh thở nhìn cho đến khi xong nét, vẻ mặt giãn tươi lên. Nét chữ đầu tiên của bé Đức rất chỉnh. Hy vọng sau này cậu bé học hành nên người.

* *

Từ một gia đình chǎm chỉ làm ăn, chuông học văn, cậu bé Nguyễn Bỉnh Đức sau này đỗ hiội nguyên, tức là đỗ đầu tiên sĩ.

Minh họa của Trần Văn Thọ



ĐOÀN GIỚI

Một người đàn bà không may bị lạc rừng phương Nam thám nghiêm, huyền bí. Vì nhân từ, nghĩa hiệp, một nông dân Năm Căn không quan ngại hiểm dãy thân vào rừng sâu tìm cách cứu chị. Đoạn sau tả cảnh người nông dân Năm Căn lần theo vết người đàn bà lạc rừng. Những chuyện nguy hiểm, bất ngờ, cái chết... rinh rập mỗi bước chân anh... Mẩu truyện này trích trong chương IV của phác thảo truyện kẽ « Ông già Năm Căn ».

CON ĐỒM HÀ MỒM THÈ ... lùi chạy lúc thúc dò đường. Chốc chốc, nó dừng lại chờ chủ. Mỗi lần dừng lại nó vẫn không ngừng quan sát chung quanh. Khi thì nó vươn cổ dài ra, nhòm vào một cái hang sâu hoắm ẩn vào bóng cây, khi thì ngửa cổ thẳng lên ngó những chùm dày cỏ kèn, dây lăng xám mốc quấn thành núi như rắn trên các ngọn cao. Hai « thầy trò » cứ thế mỗi lúc một đi sâu vào rừng rậm.

Tám Mun rất tự hào về con Đồm của gã. Nó luôn luôn sục sạo, dường như không lúc nào chịu yên. Săn chồn, đuổi kỵ đà, bắt cá rùa cá rắn và tôm và cá mackerel trong những đầm lầy. Thêm tình ưa nước, thích hơi lặn di truyền của loại chó săn, nó vùng rừng ngập đã giữ cho nó có một thân hình gọn gàng chắc nịch, không một chút mỡ bụng hay nếp da cheo thịt dư thừa trong cơ thể. Ngực to, sườn khuyết, bụng thon dưới lớp lông dày óng mượt, chân cao và thẳng trên bộ trán rộng đèn tuyển mọc hai đốm trắng như hai ngôi sao lấp ló, con Đồm có đôi mắt nhìn thẳng thắn,



trầm lĩnh và chăm chú khiến cho bất cứ ai thấy nó cũng phải trầm trồ.

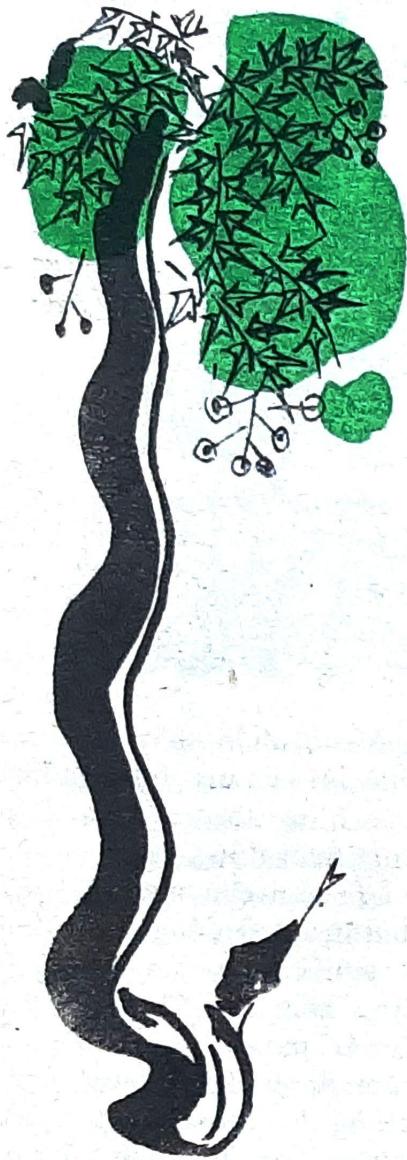
«Thầy trò» lại tiếp tục đi tới. Lúc gần xế, khi sắp chui qua một vòm cây rậm, con Đỗm đột nhiên lùi lại. Đầu hạ ngay xuống trong tư thế sẵn sàng tấn công, đôi mắt nó long lanh sáng chói, hai cánh mũi run run, long gáy dựng như sóng gợn. Đầu hiệu báo động khẩn cấp. Tâm Mun xuyt khẽ một tiếng, truyền lệnh cho nó giữ nguyên vị trí. Rừng im không một tiếng động. Như phút im lặng đột ngột giữa chiến trường. Kẻ thù nguy hiểm đã cận kề. Tâm Mun bước tới một bước, chong ngọn mac lên ngang tầm mắt. «Không phải beo, không phải cọp. Beo và cọp' giàu sao được mùi khét lết tỏa ra xung quanh chỉ ít cũng mươi thước. Vậy là con gì». Gã đảo mắt quanh một vòng, vẫn chưa phát hiện ra. Con Đỗm bỗng vươn cổ lên, nhìn thẳng vào vòm cây, gầm gừ.

Tâm Mun chớp mắt mấy cái, định thần nhìn theo hướng con chó săn tinh khôn chỉ điểm. «A! Nó kia rồi! Quỷ quyết dũ há!» Giữa những chùm rễ phụ, những sợi dây leo buông rủ xuống lối mòn do heo rừng, chồn cáo thường đi qua, một con rắn hổ mây to cỡ bắp chân người lớn thông dầu xuống gần đất, đuôi quấn chặt trên cánh gie ngang. Nó đã khôn ngoan vùi bùn cho mất mùi hôi và làm tiếp sặc da nâu tên Ông Anh ra màu xám mốc, nguy trang giống hệt những chiếc rễ phụ lồng thông rủ xuống quanh nó.

«Con rắn này không lớn lắm, nhưng nó quá dài. Ngọn mac thông chưa chém tới nó, nó có thể quăng mình ra quấn bắt ta ngay!» Tâm Mun nghĩ bụng vậy và lặng lẽ đưa tay trái lên tháo chiếc khăn bịt đầu xuống, tay phải vẫn thủ chắc cán mac. Đầu con rắn khẽ nhúc nhích, rồi lại im lìm bất động như cũ. Nếu không tinh mắt không

thể nào nhận thấy cái lưỡi chẻ đôi của nó phóng ra thụt vào như một tia chớp. Cặp mắt màu đồng thau của nó vẫn chăm chú theo dõi đối thủ từng cử động. Tâm Mun vo chiếc khăn rắn, bắt thính linh ném tới. Con rắn lập tức co mình lên, há hông đỏ lòm chom chom răng nanh trắng lóa toan đớp chiếc khăn. Tâm Mun lao tới, vút một tiếng như roi quất, lưỡi mac trong tay gã đã bay ra, phai ngang cổ chém rụng đầu con rắn. Cái mình rắn mát dầu gồng lên, vung qua vung lại làm chuyển động vòm cây ào ào cho đến khi máu lòe ra như vòi phun chỉ còn rõ xuống từng giọt lợp đợp trên những tàu chuối nước, nó mới chịu tháo duỗi rời phịch xuống. Trong khi đó con Đỗm đã xông tới, ngoạm đầu con rắn dù không để nó kịp lùi trốn vào bụi.

Giá lục khác thì Tâm Mun cũng chịu khó lột da con rắn hổ mây này mang về. Ít ra cũng đổi được vài lit rượu.



Chứ thịt nó thì chẳng ai thèm ăn, bởi mùi khét khet cay cay như rau răm mà lại nhạt thêch. Sau khi hầm nát đầu con rắn, vùi sâu xuống đất phỏng có người giấm phải rắng nó, Tám Mun chặt lấy một khúc mình độ hai cân, lột da ném cho con Đốm...

«Ở đời không gì hèn h GANG thiêu chi. Minh đã hứa với người ta rồi. Người ta từ nơi khác tới đây. Minh là dàn địa phương đây thi người ta

là khách của mình! Rừng này, sông lạch này từ ngọn cây, lá cỏ đều thuộc đều quen. Há chịu bó tay đê mang tiếng đất Cà Mau không có lấy một tay vô đồng hay sao? ... Nói đồ sông đồ biển, dù ThịLua có bị cọp ăn thì ít nhất mình cũng mang về được mớ tóc, nấm xương đê an ủi người chồng bạc phuốc, và oan hồn người chết cũng còn được nấm mồ nấm mả, đỡ lạnh lẽo bờ vờ...» Tám Mun vừa cà sừng đi tới vừa lan man nghĩ vậy.

Cho đến quá ngọ⁽¹⁾ thì «thầy trò» gặp một trảng nhỏ giữa rừng. Theo các ông kỳ lão, những cái trảng nhỏ kiều này, xưa vốn là đầm nước, lòm nhòm đầy rùa rắn và cá sấu. Lâu ngày chầy tháng bị phù sa bồi lấp, lau sậy mọc lên, cá sấu bỏ đi, nơi đó trở thành đất bằng. Dấu vết của nhiều loại cây cổ thụ chen cành đan rẽ mọc quanh bờ nước ngày xưa, giờ như bức tường xám khủng khiếp dựng lên bao quanh vùng đất trống xanh rờn lau cỏ. Cách vài trăm thước, Tám Mun đã nghe tiếng qua kêu quang quác trên ngọn cây kim cang cao nhất.

Từ trong bóng rợp xanh đèn của các tầng cổ thụ, mà mỗi cái rẽ ngoằn ngoèo, mỗi cành nhánh xù xì và thân cây đều uốn khúc như những con rồng quái dị; nhìn ra trảng tranh vàng nắng, Tám Mun tròn mắt trước một cảnh tượng hiếm thấy. Trên các nhánh cao, cách mặt đất chừng mươi thước bao quanh khu trảng, một bầy kên kên ước có hai ba chục

con vừa xám vừa nâu đậu rái rác mỗi con một nơi, khoảng cách rất đều nhau như một vòng linh giác, chăm chăm nhìn xuống theo dõi một mục tiêu nào đó. Loài chim ghê tởm chuyên ăn xác chết này, con to khi nó đứng vươn cổ cao tới một thước ruồi, bè ngang cánh xoè có thể rộng từ hai thước tới ba thước. Kên kên xám sắc lông màu tro, kên kên nâu sắc lông màu gù, nhưng tất cả đều giống nhau ở chòm lông trắng mọc tua tua vòng quanh cổ, ngang giáp vai. Và từ chòm lông đó mọc ra cái cổ dài tựa hình cổ ngỗng bị vật trui đỡ lúy kiều đầu chim ưng mang chiếc mỏ quắm to và nặng như đúc bằng thép. Trên những cánh cao hơn, năm ba con già đáy chân cao kêu, đứng lặng lẽ như những ông thầy tu trán hói mặc áo xám, néo lồng chờ đợi bữa ngon sắp dọn ra. Vá tit trên hết vẫn là những con quạ khoang quạ đen hau đói, không ngọt nhảy nhót kêu la quàng quac.

Ở đây cũng như mọi vùng rừng và đồng cỏ nhiệt đới mènh mông, kên kên là những tay «đạo ti», những «vệ sinh viên» mãn cán, hữu hiệu duy nhất. Tất cả mọi thứ xác chết chúng tổng vào mề vào ruột sẽ không còn làm cho không khí sặc mùi hôi thối, làm mất chỗ trú của giòi bọ sinh sôi và triệt hết nguyên nhân gây ra bất cứ bệnh dịch nào. Giữa cuộc sống còn hoang rợ của những vùng đất mới, không thể thiếu chúng. Bởi các biện pháp vệ sinh con người áp dụng chỉ là việc lấp ngo

¹ Quá trưa.



lường biển. Đặc biệt con kên kên, nó vừa là hình ảnh báo hiệu một điều không tránh khỏi, cũng vừa là nhân chứng của những cái chết không tránh khỏi. Một con thú rừng ngã xuống vì kiệt lực, một con heo lạc rời xuống hố gãy chân, một con trâu con bò bị dịch lăn ra giữa đồng, tức khắc có nó bay tới. Khi một con phát hiện ra mồi thì con thứ hai con thứ ba... kéo theo nó còn có điều hậu, già đây và qua bay tới tấp hàng đàn từ bốn hướng trời.

Mấy lần con Đỗm toan lao ra trảng, nhưng nó còn ngó lên chờ lệnh chủ. Tâm Mun muốn chờ xem bày kên kên dàn trận bắt con gì đây. Quả nhiên, gã không phải chờ đợi lâu. Một con chồn cáo cộc to gần bằng con báo từ bụi lau giữa trảng vọt ra, toan phóng vào rừng. Nhưng một bên cẳng trước của nó bị đứt mất một khúc hãy còn rỉ máu khiến nó phải nhảy xom xom. Rõ ràng con chồn này bị bẫy, chắc nó đã cắn đứt bò lại bàn chân để

thoát thân và lê lết chạy về đến đây. Con chồn vừa nhảy ra một quãng, với thu mình lùi lại. Như một luồng gió xám quạt thốc xuống, một con kên kên lao tới vươn những chiếc móng sắc như gươm xoay qua xoay lại vòng vòng trước mặt, đuôi con vật khốn khổ lùi lại, không cho tàu thoát. Con chồn lại rúc vào một bụi cỏ gai, còn con kên kên thì bay lên đứng gác nguyên vị trí cũ. Cầm chắc sẽ được chén một bữa no nê, bày kên kên và những con già đây kia cứ kiên nhẫn đợi chờ phút con chồn kiệt sức.

Tâm Mun không chờ coi nữa. Gã xuyt xuyt mấy tiếng. Con Đỗm lao ra, sủa dữ dội

cướp tinh thần kẻ địch rồi nó chạy quanh bụi cỏ gai siết hẹp dần vòng vây, cho tới khi cỏ chung quanh đều rụp xuống. Con chồn cảm thấy cái chết đến nơi rồi. Nó ngồi nhôm lên hai chân sau, trơ trọi trên gò đất mép nhếch nhếch đè lộ hai hàm răng nanh nhọn hoắt, đồng thời với tiếng khè khè phát ra từ cổ họng, rót rã trảng xóa cũng chảy theo ra hai bên khoé mép. Nó chồm mình lên, mắt long lanh đỏ ngầu tia máu, móng trước vươn ra trong một bộ điệu cực kỳ hung hãn. Nhưng con Đỗm coi chẳng ra mùi gì. Nó ve vẩy đuôi lượn vòng quanh như nhởn nhơ dạo chơi, khiến

con chồn phải xoay quanh theo không dám rời mắt. Bất thình linh con Đốm sủa lên một tiếng vang òc, làm con chồn lẫy bầy thu hình lại. Bằng cõ gắng tuyệt vọng cuối cùng, con chồn cùp đuôi bung hai cẳng sau lùi chạy. Nhưng con Đốm đã lao tới đón đầu, cắn pháp chính xác vào giữa cổ họng. Cả hai con bao vào nhau, đè lên nhau gầm gừ vật nhau lăn lộn quẫn nát một vật cõ tranh. Trong khi đó bầy chim đứng gác trên cao cũng lắc lư ngóng ngó, vươn cổ đập cánh kêu như xe màng tai.

Ngày thứ ba.

... Khi Tâm Mun tới nơi, con Đốm đang nhảy cõi, chạy vòng quanh người đàn bà, đường như hổ sợ người kia vùng dậy lùi mất như con chồn bừa trước. Thị Lụa tựa lưng vào một gốc mắm, quần áo rách tả tơi, tóc tai lù xù, mặt mũi sưng to lấm lem bùn đất. Cõ ta giống như một xác chết, im lim bất động, chỉ còn có đôi mắt lóng liếng đưa qua đưa lại là dấu hiệu của sự sống. Phải đỡ cõi người lên, mời rót nước vào miệng cõ ta được. Mình mẩy, tay chân cõ

ta móp móp, lạnh ngắt. Phải quơ dây khô đốt lửa lên hơ cho cõ ta và xoa dầu vào mũi, vào gáy, vào cổ tay cõ chanh một lúc. Bấy giờ Thị Lụa mới thều thào nói được vài ba tiếng. Cõ ta ngược nhìn con người có thân hình lực lưỡng, vạm vỡ gân guốc như đúc bằng đồng hun, rưng rưng nước mắt:

— Em kẽ như đã chết ở đây... Không nhò anh, chắc em phải chết ở đây!

— Thím đừng nói nhảm. Chết sao được? Bộ thím tưởng người ta bỏ mặc, không ai đi tìm thím à?

Thị Lụa như càng tủi thân, khóc òa lên:

— Chồng em nó nhát lắm. Vội lại rừng mènh mòng như vầy. Hai ba ngày, em chẳng gặp ai. Đói quá, gặp tồ ong... em trèo lên lấy mật ăn. Bị ong đánh tưởng chết. Lội tới đây, em thấy cái má con nít mới chôn gần bờ nước, khuất sau bụi lau đó... Em đi hết nõi nõa, ngồi đây chờ. Tính thế nào cũng có người ra má. Em sẽ theo họ, nhờ họ đưa về.

« Vùng này có nhà cửa ai đâu? » Tâm Mun tự hỏi và ngẫm nghĩ một lúc, bèn « à » lên:

— Thời tôi biết rồi! Mạng thím lớn lắm đó. May mà thím không luân quẩn tới gần bên « má »! Thím mà lại ngồi chõ « má » thì chỉ còn có Trời cứu thím thôi! Ô trưng cá sấu đó!

Con Đốm chạy trước, tới nǎm đất mới vun tròn tròn như má con nít, cách bờ chừng hai thước. Nó vừa nhảy lên « ngồi má », vứt



rồng lèn hãi hùng co giò
phóng vút ra xa. Một con cá
sấu dài trên bốn thước, từ
dưới lớp rong mềm trườn
lên, lùa nước xô tràn bờ. Nó
đập đuôi «rầm» một tiếng,
bờ vỡ lèn, há họng ra, hai
chân trước chồm lên ôm
nấm đất...

— Con cá sấu này phải
sống trên một trăm năm. Mẹ,
quanh đây không có cây
mớp nào, không thì tao cho
mày một khúc, lột da mày
luôn! — Tám Mun nhìn con
sấu, cười và lắc đầu. — Mà
thôi... được, ở chờ đó nghen
mặt. Mai mốt lao sẽ trở vò!

...Khi họ cắt rừng, đốt được
lợi về tới xóm thì trời gần
sáng. Cả xóm tưng bừng thức
dậy, có mặt đồng đủ tại lều
Tư Phong như hòn nghe tin
Thị Lụa lạc rừng. Võng
Xáng sụp lạy Tám Mun ba
lại, để tạ ơn cứu tử cho vợ
y, mặc dù Tám Mun đã đỡ
tay nhiều lần, từ chối không
cho lạy. Còn hai trăm đồng
bạc thì Tám Mun quyết
không «chấp»⁴:

— Thấy việc nghĩa phải
làm, dù chết cũng không nệ.
Nếu tính hai trăm đồng bạc
so với mạng tôi, thì tôi đâu
có đòi...

*Minh họa của
Vũ Duy Nghĩa*

ĐỊNH HẢI



(Tặng các em đại biểu thiếu
nhí thành phố Hồ Chí Minh dự
Trại hè Quốc tế ở Cộng hòa dân
chủ Đức năm 1978)

Nhip nhàng đưa như quả lắc
đồng hồ

Theo từng bước thời gian tích
tắc...

Rồi nhanh thêm, nhún mình lên
cao vút

Bằng đôi chân và sức mạnh
toàn thân

Bằng đôi chân và sức mạnh
toàn thân.

Kia, các bạn Liên-xô, Ba Lan,
Tiệp Khắc

Đang vui cùng bạn gái Đức
du bay

Tôi đem gió từ Việt Nam tới
đây

Góp chung hòa với bạn bè thế
giới

Tôi đem gió từ Việt Nam tới
đây...

Đất nước tôi từ xưa có du bay
Chiếc du cao đón vào mùa hội

lớn

Cây tre xanh, biết làm chống
giết giặc

Biết làm du cho mặt đất bay lên
Chiếc du cao đón vào mùa hội
lớn.

Bạn nhỏ ở đâu cũng thích du
bay

Cả sóng hồ muốn bay lên với
gió

Bay với tóc, bay với màu khăn
đỏ

Chẳng cây du nào chịu đứng
yên đâu!

Chẳng cây du nào chịu đứng
yên đâu!

Nhip nhàng đưa... rồi bay vút
trời cao

Từ cây du làng đến cây du thế
giới

Dẫu khác màu da, khác nhau
tiếng nói

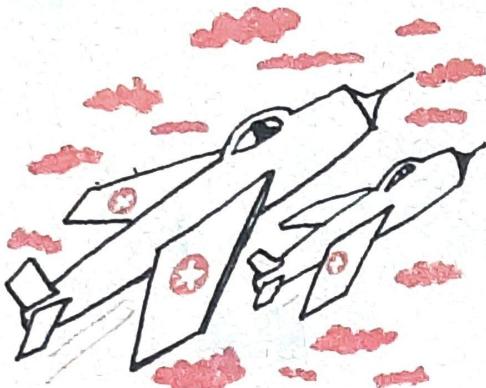
Cây du này nâng tắt cả bay
lên!

Cây du này nâng tắt cả bay
lên!..

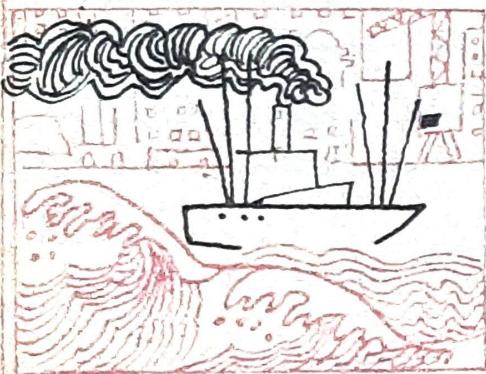
⁴ Chấp : nhận lãnh.

ĐÀN CHIM ÉN

Cội về mùa xuân
Những đàn chim én
Vút lên, vút lên
Toàn thân màu trắng.
Chào những chiếc Mích
Cánh giữ bầu trời
Niềm tin xứ sở
Cách mạng Tháng Mười.
Ơi đàn én bạc
Ơi chú không quân
Bay trong nắng ấm
Sáng bừng trời xuân.



KHÁNH CHI



Tia nắng đến bắt ngời rọi vào
mắt em.
Cánh cửa sổ mở ra, buỗi sáng
vào mang theo cơn gió
Chân trời tím và biển phà hơi
thở
Mùi thơm ở rừng về lấn mùi
thơm cây giê ra hoa.
Biển rất gần, biển cũng rất xa.
Mặt biển phảng giống trang
giấy trai
Biển yên ả và dịu dàng như
con gái
Hải âu ngủ đậm đờn trên sóng
màu sáng nâu.
Những con sông đi trong phố
lần tiếng còi tàu
Thả vào giấc ngủ của đất âm
âm mát

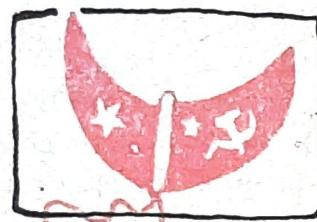
VLA-BI-VỐT-XIỐC
THÀNH PHỐ XANH

Những cành cầu mây, cánh tay
không lồ khao khát
Như bàn tay con người ôm một
khoảng trời xanh.
Mảnh đất này, xưa đi qua cuộc
chiến tranh
Những ngọn gió đen thôi han
gi vào gương mặt đất
Bây giờ thành phố bốn mùa
hoa và tiếng hát
Tượng những người cầm cờ có
nụ cười trẻ trung.
Có những buổi chiều em lắng
nghe bước chân
Trẻ đi học về cùng tiếng sóng
Thành phố đè trọng em một
khoảng sáng
Như mặt trời đè trên vai người
thủy thủ Nga.

LỜI

SÔNG ĐÔNG

Ngày mùa vui sao
Nắng như chiếc áo
Rủ xuống lòng tôi
Bên cánh đồng lúa mì
Những đoàn ngựa cô-dắc phi
Những em thiếu nhi
Nhảy múa
Tôi bỗng nhớ người bạn
Tên là sông Hồng
Xa xôi nghìn dặm
Hải bên lòng bạn
Biển lúa chín vàng
Cò bay mênh mang
Có bạn chăn trâu
Thả cánh diều lên trời rộng
Bay ngang mặt trăng vàng óng



Sông Hồng ơi, bạn đẹp lắm
Bởi vì bạn dung cảm
Chống ngoại xâm
Trong lòng bạn đỏ ngầu máu
giặc
Tôi ôm tròn tiếng đàn ba-la-lai-ca

Vang theo làn sóng
Đến dòng sông anh dũng
Hòa với tiếng đàn bầu
Hai ta nắm tay nhau
Hát bài ca đoàn kết.

4/1978



BÍ MẬT

G. T2



TRỜI lất phắt mưa bụi. Làn gió nhẹ ngoài cửa sổ khẽ lay động mấy bông hoa trên bàn. Giáo sư viện phó Vũ Nhân nhấp chút nước chè, và chợt nhớ tới một số thành tựu kỹ thuật trong năm của viện: máy phát hiện hỏa hoạn, báo động và tự động gọi xe cứu hỏa, máy nhắc lái xe đi đúng tuyến quy định, cảnh cáo những tay phóng lựu và nghiêm khắc chặn đứng những tay lái xe vui xuân quá chén. Bỗng giáo sư dừng lại ở một phát minh mà giáo sư rất lý thú và đặc biệt chú ý: « Tìm ra người trong ảnh ».

Cách đây năm năm, hồi còn ngồi ở ghế Học viện an ninh, Nhân và các bạn thường mơ ước: từ một dấu vết trên người kẻ gian, giả có một cái máy nào phát hiện ra đúng nó và báo cho trinh sát tới bắt thì tuyệt quá! Nhưng

tiếc thay một cái máy như vậy cho đến nay vẫn chưa có.

Năm ngoái, ở Ô-xto-rây-li-a về, Nhân có đem theo một chiếc máy nhỏ — máy dò vàng. Chẳng là ở Xit-ni, có một anh chàng tốt số nào đó tên là Ben-li-bóc, trong chuyến cắm trại ở ngoại vi thành phố đã tìm thấy một tảng vàng nặng 23 ki-lô-gam. Từ đó, ở xí sở này dấy lên một phong trào đi tìm vàng. Rõ ràng chỉ cần một lần gặp may trong đời, ở cái « xú vàng » kia, số phận anh chàng Ben-li-bóc đã thay đổi hẳn. đương nhiên, báo chí phát thanh ở Ken-be-ra cũng có thời phỏng lên chút ít: chưa bao giờ máy dò vàng lại bán đắt như vậy và được cài tiền khá nhiều.

Chiếc máy đem về — dĩ nhiên không phải để tìm vàng — mà Nhân đưa cho em ruột: Vũ Ái, kỹ sư địa

chất và thám mìn hỏi:

— Chú có thể thiết kế một cái máy chuyên dụng nhỏ hơn thế này và tính chất của thứ « quặng » đó, do chúng tôi đặt ra, liệu có được không?

— Được lắm chứ!

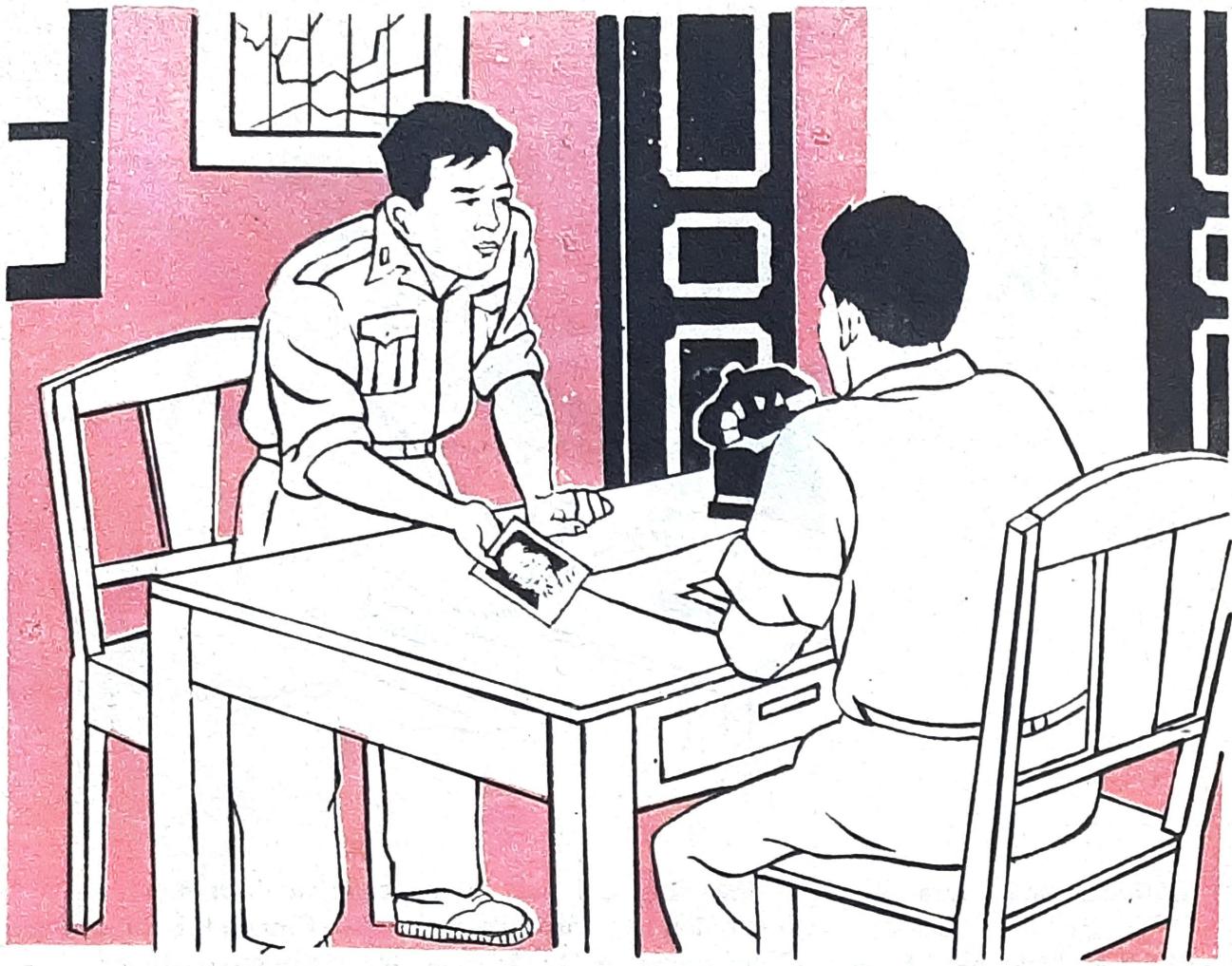
Sau khi nghe Ái trả lời quả quyết như vậy, Vũ Nhân tới gấp kỹ sư quang học Hoàng Trung và giáo sư tiến sĩ Lê Tạc, viện trưởng viện nghiên cứu phim và giấy ảnh thám mìn đặt ra một vấn đề với bè bạn:

— Minh muốn nhờ các cậu giải giúp cho mình một bài toán, chỉ cần một đáp số thôi.

— Thị cứ thử đưa đầu đề ra. — Kỹ sư Trung vui vẻ nói. — Cậu nên nhờ bọn mình vốn không phải là những nhà toán học nhé!

Đại tá Vũ Nhân chậm rãi nói:

— Với loại máy ảnh thông thường, liệu ta có thể chế



tạo ra một loại phim, giấy ảnh đặc biệt có tính chất chung của «quặng» và mang tính chất riêng của từng ảnh một. Tính chất «quặng» thế nào sẽ hàn sau, nhưng đại dè như vẫn đè mình vừa nêu lên.

Hai người bạn trẻ gật gù. Lát sau, Lê Tạc mời chậm rãi nói :

— Đè tài hóc búa đây, nhưng vẫn có khả năng giải quyết được.

Vũ Nhân hỏi lại :

— Có khả năng thôi à?

Hoàng Trung nói :

— Đừng «truy ép» vội ! Bước đầu hãy tạm bẳng lòng như vậy.

Ba cái đầu chụm vào nhau bàn bạc, giá lúc này có kẻ tò mò đứng ngoài cũng chỉ

nghe thấy loáng thoáng những từ : nào là tiêu diêm, tế bào quang điện, nào là brô-mua bạc, tia sáng xanh...

Nửa giờ sau, ba bàn tay nắm lấy nhau, trong phòng rộn vang tiếng cười.

* * *

Có tiếng ô-tô phanh két ở cửa. Trung úy Phương đã về. Đại tá Nhân giơ tay xem đồng hồ : sớm hơn thời hạn quy định mươi lăm phút, có một chút gì không bình thường đây.

Báo cáo đại tá, tôi hơi ngỡ G.T2 ! — Phương đưa tấm ảnh cho Vũ Nhân. — Một con người kỳ quặc, có lẽ hắn ta sống từ thời tiền sử.

Thủ phạm đầu hói, trán dô quá mức, mặt lưỡi cày, gò má trái có một nốt ruồi.

— Báo cáo đại tá, chúng tôi đã dùng phương tiện mới nhất đẽ lục tìm, nhưng không thấy một ai giống như người trong ảnh cả.

Vũ Nhân khẽ hỏi :

— Thế có một ai haø hao giống không, dù chỉ ở một dè diêm ?

— Dạ, có a ! 1007.

— Chúng ta tới thăm giáo sư Trường.

Ngồi trên ô-tô, đại tá Nhân suy nghĩ nhiều về G.T2, anh đánh giá rất caø cái máy GIÚP TÌM TRẺ này : từ một dấu vết của đứa trẻ, máy làm hiện ra thân hình và khuôn mặt em bé. Máy đem

dùng thử ở Trạm 55, trong một ngày hội, G.T2 đã giúp công an tìm ra bốn cháu lạc, đúng như trong ảnh. Chẳng lẽ G.T2 đã bị phá?

Liếc qua hồ sơ 1007, đại tá biết gã là một đứa con mẹ người Việt đã chết, bố vẫn ở nước ngoài, cho con về nước thăm quê mẹ. Nếu đối chiếu với ảnh lưu thủ phạm với ảnh qua G.T2 thì nhìn kỹ mới thấy có một số điểm hao hao: mặt 1007 bớt lông lá hơn, gò má trái có một vết sẹo cũ — có lẽ là một nốt ruồi đã cắt.

Đèn trong ô-tô nhấp nháy báo hiệu đã tới nơi và người cần tìm đang có nhà.

Võn là bạn học hồi nhỏ, Vũ Nhàn thản mật hỏi luôn giáo sư Trường:

— G.T2 có đảm bảo độ chính xác tuyệt đối không? Xin lỗi, mình hỏi như vậy vì trong nghề bọn mình « sành một ly đi một... triệu dặm ».

Giáo sư Trường gật đầu quả quyết đáp:

— Đảm bảo chứ! Thị chính bên các cậu đã dùng thử rồi và chính xác đây chứ!

Trung úy Phương làm bầm:

— Chẳng lẽ máy móc chỉ chính xác với trẻ em ngày thơ còn về với kẻ xấu lại kém chính xác.

Thầy giáo sư Trường còn ngạc nhiên, đại tá vội nói:

— Minh kẻ tóm tắt thế này: một phần của một phát minh khoa học đang nghiên cứu đó, kẻ gian đã sục tìm đến, bọn mình định tóm nó nhưng...

Vũ Nhàn chia tấm ảnh cho giáo sư xem. Chủ nhà hơi giật mình hỏi: liệu có đảm bảo dấu vết chính xác của

ANH BỘ ĐỘI ƠI!

Nhạc và lời:
THÁI CƠ

LINH HOẠT - VUI TƯƠI

Trập trùng rừng núi biển
(Rập rờn) biển sóng bão
cương. Anh bộ đội đâu ngại gió sương. Trên đồi
lạ. Anh bộ đội quen vượt ngần phong ba Nơi đảo
cao, đêm ngày trực chiến. Giúp cho em yên ổn nơi bến
xa, đêm ngày trực chiến. Giúp cho em vui riêng hệt quê
mường. Cùng túi sách trên lưng em vui bước tới trường.
nhà. Cùng với tiếng chim ca trong nắng sớm chan hòa
Anh bộ đội ơi! Anh bộ đội
ơi! Biết bao tình thương, anh dành cho em
đó. Em in sâu vào trong trí nhớ. Gǎng học
hành để xứng với công anh. Em gǎng học
hành để xứng với công anh. Anh bộ đội
ơi! Rập rờn... ơi!

hắn không? Vì từ dữ kiện nào mới đưa tới đáp số đó.

Đại tá ra hiệu, trung úy Phương đã xách chiếc vali tới mở ra đặt trên màn ảnh. Giáo sư Trường nhìn kỹ cặp hồ sơ vẫn buộc chặt trên bàn và bốn công tắc: mọi người nom rõ hiện trường trên màn ảnh. Giáo sư Trường nhìn kỹ cặp hồ sơ vẫn buộc chặt trên bàn và dưới sàn hoàn toàn không có một dấu vết gì cả. Đèn hiệu nhấp nháy, màn ảnh chuyển sang màu tim nhat. Trung úy Phương đưa mắt nhìn đại tá viện phó. Vũ Nhân quay sang bảo giáo sư Trường:

— Sau khi chụp ảnh xong, thủ phạm đã xóa hết mọi dấu vết trong phòng, có dùng chò béc-giè cũng vô ích.

Giáo sư vội hỏi:

— Thế dấu vết thủ phạm lấy ở đâu ra?

Trên màn ảnh, ống kính rời khỏi căn phòng di động dọc theo hành lang và dừng lại ở bức tường sau cửa ra vào. Ống kính gi sát vào, mọi người nhìn rõ hai vết ngón tay: một vết tay rất rõ và một vết lờ mờ — phải thật chú ý mới thấy được.

— Đồng chí lấy dấu vết nào?

Nghe đại tá hỏi, Phương hơi tái mặt đi, lúng búng đáp:

— Báo cáo đại tá, vết tay... rõ bên trái ạ!

Vũ Nhân nghiêm nghị nói với Phương:

— Đồng chí hãy bắt đầu lại từ vết mờ bên phải.

Nghe tiếng ô-tô nổ máy, giáo sư Trường vẫn còn ngạc hỏi Vũ Nhân:

— Như thế là thế nào? Tôi vẫn chưa hiểu: tên cáo



ấy đã hủy mọi dấu vết mà sao vẫn còn lại...

Vũ Nhân cười

— Sau khi đã hủy hết dấu vết trong phòng nhà khoa học, tên này ung dung đi ra, bất ngờ gặp một người nào đó, hắn lùi lại đột ngột và vô tình đè lại dấu tay trên tường. Nhưng... tên này bàn tay có sáu ngón, trung úy Phương vô tình lấy dấu vết ngón tay thứ sáu cong queo kia nên đã dẫn tới bức ảnh con người tiền sử này.

Chưa đầy mười phút sau, trung úy Phương đã đưa về cho đại tá tấm ảnh thủ phạm: đúng 1007.

Vũ Nhân trao lại tấm ảnh cho Phương và bảo:

— Phần còn lại bây giờ chỉ là: « Tìm ra người trong ảnh ».

— Đúng nó chứ, ông bạn? — Sau khi hỏi lại đại tá viện phó, giáo sư Trường lại nêu vấn đề. — Tại sao hắn không đi găng và không cắt cái ngón thứ sáu đi呢?

— Chuyện đó còn dài, chưa thể nói lúc này được! — Vũ Nhân cười. — Máy móc tinh vi mấy đi nữa vẫn cứ phải thông qua con người. Anh cứ yên tâm phát minh, chúng tôi vẫn có đất để dùng. Giờ anh có thể cho biết sơ qua về G.T2 của anh được không?

Mãi lúc này, người nhà của giáo sư mới đưa cà-phê vào. Mặc dù giáo sư đã cố

dùng cách giải thích cho thật đơn giản, cũng phải nửa giờ sau, anh mới nói xong về G.T2 và đi tới kết luận khiêm tốn :

— GIÚP TÌM TRẺ... anh thấy tên máy có đơn giản không ?

— G.T2. — Vũ Nhàn khẽ lắc đầu. — Thùa mà vẫn thiểu. Nay nhé ! Máy của anh đâu chỉ có tìm trẻ, tìm người lớn thì sao. Các nhà khảo cổ có thể từ dấu vết còn lại, tìm thấy hình ảnh một nàng công chúa kiều diễm, sống cách đây vài thế kỷ. Rồi một con vật cổ đại nào đó...

Đứng lại một lát, Vũ Nhàn nói tiếp :

— Ngày xưa ở nước Pháp, nhà sinh vật học Quy-vi-ê có thể từ một cái răng, đã vê ra được đúng con vật đó sống trước ông ta hàng vài

thế kỷ. Ngày nay, máy móc của anh đã làm được việc đó.

— GT chẳng ?

— Đúng thế ! — Vũ Nhàn bắt tay cảm ơn bạn ra về.

* * *

Mùa xuân. Mưa phun. Vũ Nhàn đưa mắt nhìn lọ hoa do một bàn tay người khác đặt vào. Kỷ niệm lần thứ ba mươi nhăm ngày sinh của mình, Nhàn đưa mắt nhìn bè bạn tới chúc anh : trừ một « cậu » ba mươi bảy tuổi, còn tất cả đều kém tuổi anh. Trung úy Phương đưa đến tặng anh một bó hoa và nói :

— Xin chúc mừng nhà phát minh...

Anh chưa kịp nói hết câu « rã chiếc máy lý tưởng trong ngành » thì Vũ Nhàn đã ngắt luôn :

— Nếu nói đến các nhà phát minh thì phải kể tới giáo sư Trường, tiến sĩ Tạc, rồi Trung và kỹ sư Ái chứ ! Minh chỉ là ông mối se duyên họ lại.

Trung úy Phương nói tiếp :

— Một nhà tổ chức...

Phương nói hơi dài. Chờ anh nói xong, Vũ Nhàn mới khiêm tốn nói :

— Nếu phải nhận một lời khen của các cậu, mình chỉ dám nhận một điều : biết đơn giản hóa một vấn đề tưởng như phức tạp. Các cậu chú ý : « tưởng như phức tạp » có nghĩa là nó vốn đã cũng đơn giản thôi.

Mọi người cười vang. Đèn đáy pháo nổ rộn ràng. Mùa xuân đã áp đến tự lúc nào.

Minh họa của
Phan Doãn



BẠN CÓ BIẾT ?

V. sưu tầm

VIỆT NAM

+ Nhà xuất bản Kim Đồng : đã xuất bản 1.600 cuốn sách với 35.000.000 bản in.

Cuốn tranh truyện « Sát thát » đã được huy chương bạc tại hội chợ sách ở Cộng hòa Dân chủ Đức. Nhiều cuốn sách đã được dịch ra tiếng nước ngoài như truyện của Tô Hoài, Võ Quảng, Đoàn Giỏi, Phạm Hồ, Nguyễn Đình Thi, Vũ Tú Nam, Đào Vũ, Văn Linh, Nguyễn Lai... thơ của Võ Quảng, Trần Đăng Khoa, Nguyễn Xuân Sanh...

+ Nhà văn hóa, Cung thiền ni : có 37 cơ sở. Hoạt động nổi bật là Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Huế, Đà Nẵng, Phú Khênh, thị xã Hà Đông, thành phố Nam Định.

+ Thư viện thiền ni : có 22 cơ sở. (Hà Nội có 79 trạm đọc sách cho thiền ni) Hoạt động mạnh là Vinh Phú, Việt Trì, Hải Phòng, Lâm Đồng, Thái Bình.

* * *

LIÊN XÔ

+ Có 7.500 trường nghệ thuật âm nhạc và thể thao, 4.489 nhà văn hóa thiều thiều, 250.000 thư viện trẻ em, 157 nhà hát tuổi trẻ.

+ Có 1.112 trạm và 1.283 câu lạc bộ kỹ thuật viên trẻ tuổi, 646 trạm các nhà tự nhiên học trẻ tuổi, 39 đường sắt nhỏ, 500 câu lạc bộ phi công và du hành vũ trụ nhỏ tuổi.

+ Có 166 tờ báo và 71 tạp chí dành cho thiều thiều, 60 nhà xuất bản phát hành gần 500 triệu sách. (Từ ngày chế độ xô-viết ra đời, đã in hơn 10 tỷ sách cho bạn đọc nhỏ, chưa kể sách giáo khoa).

+ Ở Mát-xcơ-va vừa khánh thành một nhà hát âm nhạc duy nhất trên thế giới dành cho trẻ em. Nhà hát có khoảng 1.250 chỗ ngồi và bao gồm 3 sân khấu. Còn có các phòng phụ dành cho những cuộc hòa nhạc

giao hưởng và trình diễn nhạc kịch.

— Tại Câu lạc bộ Đường sắt Mát-xcơ-va, có xưởng phim của thiều thiều « Chú cò nhỏ », được thành lập từ năm 1969. Phim « Không phải các ông tiên trong truyện thần thoại » được tặng giải thưởng chính trong Liên hoan phim quốc tế và phim « Nàng thơ thứ mười », được Huy chương vàng của Hội điện ảnh nghiệp dư quốc tế.

Sau 12 năm qua, xưởng đã sản xuất hơn 100 bộ phim. Nhiều phim được chiếu trên vô tuyến truyền hình toàn Liên-xô và được tặng nhiều giải thưởng tại các Liên hoan phim quốc tế ở Áo, Bung-ga-ri, Cộng hòa dân chủ Đức, Tây Ban Nha, I-ta-li-a, Phần Lan, Pháp và Cộng hòa liên bang Đức.

Hiện nay, Liên-xô có hơn 600 xưởng phim của thiều thiều đang hoạt động.

TIẾNG CHIM TRONG VƯỜN BÁC

Nhớ một kỷ niệm nhân
lần đi thăm vườn Bắc

Lời: Nguyễn Quỳnh Tranh: Huy Toàn



① CÓ MỘT TỔ CHIM TRONG TÚM LÁ TRÊN CÂY BAN, MÀ AI ĐÓ ĐÃ CẮT HẾT CÀNH, CON VÀ QUẦN QUANH CÂY MỘT BĂNG VAI ĐỒ TRONG TỔ CÓ 4 HỌA MÌ CON CÒN ĐỎ HỒN



② MỘT HÔM VỢ CHỒNG HOA MÌ ĐI KIỂM MỒI XA.
LÚC CHIM VỢ BAY VỀ THÌ, THẤY CÓ HAI NGƯỜI
ĐANG ĐÀO GỐC BAN. CÔ SƠ HAI Kêu CỨU
LŨ CHIM BẠN KÉO TỚI RỌP CẢ MỘT VÙNG.



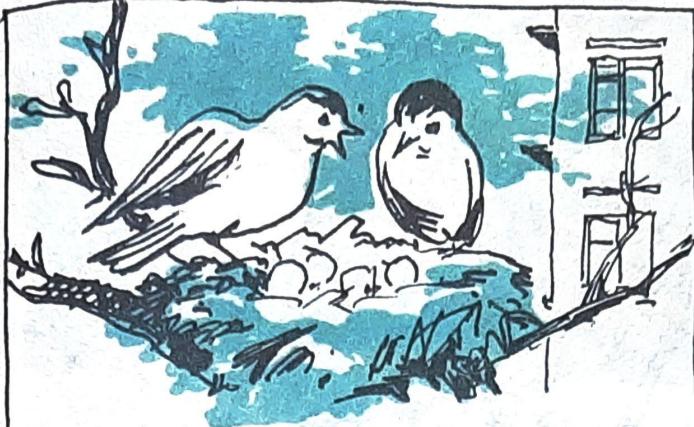
③ HAI NGƯỜI THƠ BÂY GIỮ MỐI ĐỂ Ý TỚI TỔ CHIM TRONG TÚM LÁ. HỌ CẦN THẬN BỦNG GỐC BAN ĐẶT LÊN THÙNG CHIẾC Ô TÔ TẢI ĐÃ CHẤT ĐẦY NHỮNG CÂY BAN CÓ BĂNG VAI ĐỒ KHÁC.



④ QUÊN CẢ SƠ HAI, CÔ HOA MÌ ĐUỖI THEO, KHI HAI
NGƯỜI THƠ MẠI BUỘC CÁC CÂY BAN, CÔ BAY LƯƠN
Kêu CỨU MỘT LÚC RỒI ĐÁNH LIỀU SÀ VÀO TỔ. CÔ
DÙNG MỎ ÂU YÊM CÁC CON VỪA QUÁ CƠN TAI HOA



⑤ KHI HOA MÌ CHỒNG YÊ THÌ CHIẾC XE CHỞ
CÂY ĐÃ LĂN BÁNH. CHÚ VỐI VÃ BAY THEO,
MÃI MỚI ĐUỖI KÍP CHIẾC Ô TÔ,



⑥—Ô-TÔ ĐƯA VỢ CHỒNG NHÀ DANH CA CỦA NÚI RỪNG ĐẾN MỘT VÙNG NHÀ CỦA CAO HƠN, NHIỀU HƠN CÂY CỐI. NHÀ DANH CA THẤP SỔ SỔ CHÚ BAY ĐẾN ĐẬU BÊN MIỀNG TỔ, MÁCH BẢO VƠ.



⑦—Ô-TÔ DỰNG BAÑH TRÊN BÃI CỎ SAU TÒA NHÀ BĂNG ĐÁ QUÝ, MỘT TỐP EM NHỎ CHẠY VÀ TỐI. ĐỒI CHÌM GIẬT MÌNH BAY VÚT LÊN ĐẦU TRÊN MỘT CÀNH CÂY, LO LẮNG NHIN XUỐNG.



⑧—CÁC EM NHỎ NHANH NHEN CHUYỂN CÂY ĐẾN BÊN HỒ TRÔNG, ĐỒI CHÌM HOA MÌ LAO XUỐNG BAY VỐN QUANH Ô-TÔ. CÁC EM NHỎ VÔ CÙNG THÍCH THÚ CHỈ CHO NHAU TỔ HOA MÌ.



⑨—CÙNG LÚC HAI NGƯỜI THỞ ĐÊN. HAI ANH CĂN DẶN CÁC EM ĐIỀU GÌ KHÔNG RÕ. CÁC EM NHE NHÀNG NẴNG CÂY CÓ TỔ CHÌM XUỐNG. ĐỒI CHÌM CÀNG HOẢNG HỐT. CHỐP CÀNH LIỀN HỒI TRÊN ĐẦU HỒ.



⑩—RỒI BA EM THIẾU NIÊN CÙNG HAI ANH CÔNG NHÂN ĐEM CÂY BAN ĐẾN TRÔNG TRƯỚC NGỒI NHÀ SÂN XƯA BÁC HỒ. THÈ LÃ TRONG VƯỜN BÁC, CÀNH CÁC CÂY HOA NHÀI, MỘC LAN CÓ THÊM CÂY BAN HOA TRẮNG.



⑪—KHI TỐP NGƯỜI CHĂM CHÚ VUN GỐC, TUỐI NUỐC CHU CÂY, ĐỒI CHÌM VÂN BAY LƯỚN, CÓ KHI CÀNH CHÌM CHỐP SÁT MÁI TÓC HỒ. NGHE TIẾNG CHÌM LÀ NHIỀU CÔ CHÚ CHÌM TRONG VƯỜN BÁC BAY TỐI.



(12) TRÔNG XUNG CÂY HỌ SỬA SANG LẠI TỔ CHIM RỒI VÂY NHAU RÚT ĐI. VỢ CHỒNG HOA MÌ MỪNG RƠ VÌ TỔ CÒN NGUYÊN VEN. CẶ HÀI NHẬP ĐẦN VỚI CÁC BẠN CHIM VƯỜN BÁC RÚ RÍT TÌM MỒI.



(13) MỘT NGÀY VẮT VẨ VÀ LO LẮNG QUA ĐI. ĐÊM XUỐNG KHU VƯỜN BÁC CHAN HOÀ ÁNH TRẮNG. NHƯNG ĐỒI CHIM VẪN CÒN BĂNG HOANG YÌ NHỮNG CHUYỀN LẠ. THẾ RỒI GIẤC NGỦ YÊN LÃNH KÉO ĐẾN VỚI HỒ BỀN MIỀNG TỔ, DƯỚI ÁNH TRẮNG THƠ.



(14) BÌNH MINH BÙNG DẬY. TRONG VƯỜN BÁC ĐẦU CŨNG RÂM RAN TIẾNG CHIM. HOA MÌ CHỒNG TUNG CÁNH BAY LÊN CAO. CŨNG VỚI NỘT TIẾNG HỚT CHƯA CHAN NIÊM VUI ĐẸP NHƯ MỘT GIỌT NĂNG SƠM.



(15) MỘT NGÀY XUÂN NẮNG ÂM BẮT ĐẦU. NGƯỜI NGƯỜI ĐÊN VƯỜN BÁC TRÔNG CÂY, CHĂM SÓC CÂY. ĐỒI HOA MÌ NHANH CHÓNG LÀM QUEN VỚI CÁC BẠN CHIM, CŨNG SÀ XUỐNG VƯỜN CÂY, CÀN MÃN TÌM SÂU BO.



(16) KHI CÂY BAN ĐẦM NHỮNG CHỒI NON VÀ NỞ THÊM NHIEU HOA TRẮNG, CÁC CÔ CHÚ HOA MÌ CON CŨNG BẮT ĐẦU NỞ LÔNG CÁNH, LÔNG ĐUÔI. BÀ CƠN HƯNG BAN BÔNG LAU CON BAY. ĐÊN GA CHUYỀN LUÔN MIỀNG KÊU "CU...CU...CU...CU..."



(17) NHỮNG MỐI LẮN THÌ HOA SUÝ XẤP RA. LÚ CHIM CON XÔ ĐẤY NHAU LẮN TỒM XUỐNG CƠ? MỘT CHÚ MÈO TỰ ĐẦU HIỆN RA. NGUY ĐÈN NỐI RỒI. VỢ CHỒNG HOA MÌ LÒ LẮM.



⑯ CA' HAI SĀ XUỐNG, XŪ LÔNG, CHÓP
CAŃH TRƯỚC CHÚ MĒO. BÔNG MÔT NGƯỜI
KHOÁC SUNG CHẠY TƠI XUA CHÚ MĒO ĐI
RỒI NHE NHANG NĂNG TŨNG CHIM NHỎ LÊN
ĐẤT TRỞ LẠI VÀO TÔ.



⑯ LÂN KHAĆ, LẠI CHUYỀN KHÔNG NGỜ.
MỘT ĐOAN EM NHỎ THAM VƯƠN BẮC VÀO LÚC
LŨ CHÌM TẬP BAY. MỘT CHÚ HOA MÌ CON BAY
ĐẾN ĐẦU LÊN VAI MỘT EM NHỎ. EM GIỮ LẤY
HOA MÌ.



⑳ EM BÉ CHO HOA MÌ CON ĐẦU LÊN BĀN
TAY ẤU YÊM VUÔT VE, RỒI ĐẶT CHÚ LÊN
CAŃH HOA NƠI CÁC ANH CHÍ CHÚ ĐANG BAY
NHÄY. QUA PHÚT KINH HÃI, VÕ CHỒNG HOA
MÌ BAY TƠI CHIA VUI CÙNG CÁC CON.



㉑ CHẲNG BAO LÂU ĐĀN HOA MÌ CON ĐÙ LÔNG
CÁNH. ĐĀN HOA MÌ SÁU CON BAY NGƯỜI LÊN
RỪNG. GẶP BAN BÈ CỦ GIỮA RỪNG BĀN, HỌ
SAY SƯA KÊ LẠI NHUNG CHUYỀN KỲ DIỄU NƠI
VƯƠN BẮC. HỌ MỜI BAN BÈ VỀ DỰ HỘI MÙA XUÂN



㉒ CHO ĐÊN NAY MỖI LÂN TẾT ĐÊN, NHẬN LỜI MỜI CỦA VÕ CHỒNG HOA MÌ, CÁC BẠN CHÌM TŨ NÚI
RỪNG LẠI VỀ ĐÂY. CHÚNG CẤT TIẾNG HÓT VANG LUNG TRONG VƯƠN BẮC.

Nhớ Lại



MÙA xuân này các anh chị thanh niên Liên-xô sang dự liên hoan hữu nghị với thanh niên nước ta. Đây là cuộc liên hoan lần đầu tiên diễn ra trên đất nước ta, ngay trên thành phố lịch sử mang tên Bác kính yêu.

Là người của thành phố hữu nghị này, được vinh dự đón chào những người con từ đất nước của Lê-nin, của cách mạng Tháng mười vĩ đại, chúng tôi cảm động biết bao ! Tôi nhớ lại ngày nào, trong những ngày hè đẹp đẽ chúng tôi từ thành phố này ra đi, được dự Đại hội Liên hoan thiếu nhi toàn thế giới lần thứ nhất trên đất nước Liên-xô, mà chúng tôi hình dung như một con sư tử khổng lồ nắm ôm lấy một phần trái đất.

Ôi, đất nước này đẹp đẽ làm sao, hùng vĩ làm sao ! Làm sao chúng tôi có thể tả hết được ? Chúng tôi chỉ còn nhớ đó là một chuyến đi đã để lại cho chúng tôi ấn tượng sâu sắc trong đời ! Hôm ấy chúng tôi rời Mát-xcơ-va đi đến trại hè A-ro-téch trên bờ biển Đen. Trên một chuyến xe lửa đặc biệt, chúng tôi gồm

có đại biểu thiếu niên đủ các màu da, đủ các tiếng nói... Một mùa hè rực rỡ, cỏ cây và hoa lá đang nở rộ đón chào chúng tôi. Những cánh đồng rộng mênh mông, bất ngát chạy dài đến tận chân trời. Xa xa là những ống khói chọc trời của những nhà máy đang nhả khói như vẽ lên bầu trời xanh biếc những bức tranh tuyệt đẹp. Mùa hè ở

đây đẹp quá ! Chỗ nào cũng có hoa đủ màu sắc và hương thơm. Chúng tôi nhìn mãi mà không biêt chán. Chúng tôi mong tàu chạy chậm lại, ngày dài ra để còn tận hưởng những cảnh đẹp này. Nhưng rồi chúng tôi đã đến A-ro-téch !

Ở đây mọi thứ đã sẵn sàng chờ đón chúng tôi. Các cha mẹ, các chú người Nga đã





chăm lo cho chúng tôi thật chu đáo. Từ các cô bác phục vụ trong trại cho đến bất kỳ người công dân Xô-viết nào mà chúng tôi gặp đều biểu hiện những tình cảm chân thành và sâu sắc. Chúng tôi có tất cả 120 đoàn đại biểu nói hàng trăm thứ tiếng khác nhau, nhưng tất cả đều cùng sống trong tình hữu nghị đầm thắm mà đất nước Xô-viết đã dành cho chúng tôi.

... Hoạt động liên hoan đã diễn ra nhiều màu, nhiều vẻ.

... Nhưng cái gì làm cho đoàn Việt Nam chúng tôi thích thú và đem lại cho mỗi chúng tôi nhiều ý nghĩa nhất? Đó là một buổi đi lao động.

Hôm đó cả đoàn chúng tôi ai cũng vui thích. Chúng tôi đến một nông trường trồng nho, cách trại 60 ki-lô-mét. Đến nơi, mọi người đã chờ đợi chúng tôi, ăn cần thắm

hỏi và ôm hôn chúng tôi thăm thiết. Bà anh hùng lao động Tu-tu-li-nô-va thân mật nói cho chúng tôi nghe về nông trường, một nông trường trồng nho nổi tiếng ở Liên-xô và rượu nho nổi tiếng trên cả thế giới. Bà tỏ niềm vui sướng được đón thiếu niên Việt Nam đến lao động xây dựng nông trường này... Chúng tôi nhận dụng cụ lao động, hát lên bài ca hữu nghị rồi theo các cô bác công nhân đến các luống nho. Chúng tôi được giao cho vun xới gốc nho và buộc các cành nho lại. Lúc đầu thật bõ ngõ, nhưng rồi quen ngay. Phút chốc các luống nho trồng thẳng tắp, đẹp mắt, cành nho được tia và buộc lại gọn gàng. Những chùm nho mọng nước chi chít lắp sau lá nho. Chúng tôi vừa làm, vừa hát nên rất vui, không biêt mệt. Hai giờ trôi qua. Chúng tôi đã hoàn thành

nhiệm vụ. Bà Tu-tu-li-nô-va đi xem từng luống nho chúng tôi làm. Bà vui vẻ, tươi cười nói với chúng tôi: « Các cháu làm rất tốt, rất đáng được điểm 5 »! Rồi bác quản đốc cũng đến. Bác nói: « Các cháu làm việc rất tích cực, góp phần đáng quý vào vụ thu hoạch nho. Chúng tôi quyết định tặng các cháu 50 rúp 25 cò-pêch, kết quả lao động của các cháu hôm nay ». Rồi các cô bác công nhân đến bắt tay chúng tôi và cùng chúng tôi vui chơi, múa hát.

Buổi lao động kết thúc, nhưng cũng như những ngày khác trong đại hội, đã để lại trong lòng chúng tôi nhiều ấn tượng sâu sắc. Những cảm giác nhẹ nhàng thoải mái, vui sướng sau buổi lao động vẫn còn ngưng đọng mãi. Những tình cảm yêu quý của những công nhân

trên đất nước Lê-nin vĩ đại đối với thiếu nhi Việt Nam đã khắc đậm trong trí nhớ của mỗi chúng tôi.

Đến dự đại hội không những chúng tôi được vui chơi, ca hát, cùng nắm tay để nói lên mong ước của tuổi thơ «Hòa bình trên toàn thế giới» mà chúng tôi còn được dịp hiểu thêm ý nghĩa quan trọng của lao động. Tiễn chúng tôi làm ra sau buổi lao động được gộp vào quỹ hòa bình để ủng hộ các nước đang đấu tranh giành độc lập như chúng ta trước đây. Vinh dự, tự hào và cảm động biết bao!

... Thời gian trôi qua rất nhanh. Ngày chia tay nhau đã đến! Buổi sáng hôm ấy chúng tôi choàng dậy sau một đêm gần như thức trắng cùng các bạn Liên-xô ghi lại những dòng lưu niệm. Chúng tôi ai cũng nước mắt vòng quanh, lặng lẽ thu xếp đồ đạc. Kèn tập họp. Chúng tôi đi xuống sân trại, nơi mà suốt trong những ngày qua đã từng hừng nhộn nhịp với lời ca, điệu múa, tiếng kèn của những cuộc liên hoan, những cuộc mít-tinh với những tiếng thét căm phẫn «Đả đảo đế quốc Mỹ sản xuất bom nợ-tor-rôn!» — «Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng!». Nhưng hôm nay chúng tôi cảm thấy rất buồn! Buổi chào cờ cuối cùng! Cả trại chúng tôi khóc như mưa, kề cả những bạn trai cưng rắn và nghịch ngợm.

... Tạm biệt! Các bạn Liên-xô mang đồ đạc giúp chúng tôi ra xe. Những chiếc bánh, viên đường của buổi ăn sáng nay các bạn không ăn, gói lại tặng chúng tôi như gói

ghém cả tấm lòng mình gửi theo hậu Việt Nam. Các má phục vụ, các anh chị phụ trách Liên-xô đã khóc và siết chặt chúng tôi vào lòng.

... Chúng tôi bước lên xe. Bản nhạc «Hãy để mặt trời luôn chiếu sáng!» vang lên trong những tiếng nấc của chúng tôi.

Xe chạy. Nhưng nhiều bạn vẫn chạy theo xe chúng tôi, tay vẫy, miệng chào, nước mắt giàn giụa...

... Chúng tôi đã sống những ngày đầy tình hữu nghị, đầy tình thương yêu giữa các bạn bè. Không còn có sự phân biệt màu da và tiếng nói. Một tiếng nói chung đã liên kết chúng tôi lại: «Hòa bình và hữu nghị».

Cám ơn Liên-xô, đất nước của Lê-nin vĩ đại, đã đốt lên ngọn lửa hữu nghị, đã tạo ra cho chúng tôi và bạn bè trên thế giới một không khí đại hội liên hoan thật sôi động và đầm thắm!

... Và hôm nay, các anh chị thanh niên Liên-xô lại đến với thành phố thân yêu của chúng tôi, đem đến cho chúng tôi; cho tinh thần và nhân dân nước chúng tôi tinh hữu nghị thắm thiết. Ngày giờ chúng tôi đã là thành niên, đoàn viên Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Chúng tôi lại có dịp đón tiếp các anh chị như những người bạn thân yêu nhất, những người con của quê hương cách mạng Tháng mười vĩ đại, của đất nước Xô-viết hùng cường.

Gặp các anh các chị, chúng tôi càng nhớ lại...

*Minh họa của
Nguyễn Bích*

KHI nào chim họa mi cất tiếng ca... — những cây linh lan thầm nghĩ và vươn những nụ hoa nhỏ giữa hàng lá dài cong như những cái sừng nhỏ, — các bông hoa của ta sẽ trắng toát, và những chiếc chuông nhỏ ấy sẽ tung ra chùm âm thanh thơm nức mùi hương.

— Còn chúng tôi, — Những cây hồng leo nói — chúng tôi sẽ che kín cái tường nhà tôi tàn này dưới cả một thác hoa đỏ rực và thơm ngát.

— Tôi ầy à, — Cây vườn nói — tôi sẽ mở tung những chùm hoa mào gà và những đóa hoa uất kim hương như những cái bình nhỏ. Cây hoàng liễu của tôi sẽ vàng rực, và tôi sẽ đặt một tháp hoa hồng lên cây hạt dẻ, nơi có tổ chim họa mi ăn nâu.

— Khi nào chim họa mi cất tiếng ca... Khi nào chim họa mi cất tiếng ca... Người ta chỉ toàn nghe thấy những lời đó trong vườn cây của ngôi nhà lớn ấm áp ngay đầu làng.

Nhưng chim họa mi không chịu cất tiếng hát. Tất cả vạn vật đều chờ đợi...

Những bông linh lan vẫn nâu mình giữa hàng lá, những nụ hoa hồng khép chặt đài hoa xanh làm cho những



Khí Họa Mi CẤT TIẾNG CA

cánh hoa không nở ra được. Những bông hoa mào gà không nở ngạc nhiên nhô lên mấy cái đầu nhỏ tròn và hói. Các bông hoa uất kim hương đều đang ngủ. Cây liễu rũ xuống như chết. Còn cây hạt dẻ lớn đã không thắp sáng vòm lá xanh của mình bằng những bông hoa màu hồng.

Mọi vật đều chờ hiệu lệnh du dương của chim họa mi... Thật ra thi cái lạnh cũng còn khá buốt vào lúc mới sang xuân này. Nhưng không, chẳng phải giá lạnh đã cản trở cày cối và những luống hoa trổ nên náo nhiệt, chính sự im lặng của chim họa mi đã làm chúng lạnh lùng. Chim họa mi ở đâu? Chim đang làm gì nhỉ?

Những bông hoa bướm bướm ở bìa rừng đã ngẩng mặt lên hoài như những cánh nhưng đẽ tìm chim họa mi.

Sáo và chim cu đã mất công gọi vang hồn phia:

— Tu huýt! Cúc cu!

Không một ai trông thấy con chim có giọng hát say đắm đâu cả. Nhưng chim họa mi đang ở kia, nó đang nâu minh sâu trong vòm lá cây. Nó còn chưa có bạn: phải có đủ đồi đẽ cùng nhau xây tổ. Chim họa mi sẽ hót khi nào người bạn gái của nó ấp những quả trứng xinh xắn minh đẻ ra, những quả trứng trong đó đang từ từ hình thành những con chim nhỏ mới nguyên.

Nhưng năm nay, anh chàng họa mi nhà ta trổ nên khó tính: nó không muốn cưới nàng họa mi đang từ cạnh bên cạnh, nhìn nó dịu dàng đắm đuối. Nó tự dung nảy ra ý nghĩ sẽ lập gia đình với một con chim cái khác loài. Thật là điện rõ làm sao!

Những con chim cùng loại bao giờ cũng cười nhau: anh sáo lấy chị sáo, anh bồ câu lấy chị bồ câu, gá trống lấy gà mái... Con họa mi cũng vậy, nhưng nó muốn thử làm khác xem sao...

Thế rồi vì trong vườn cây rất cần một tiếng hát của chim họa mi, người ta bèn đi tìm khắp nơi một cò dâu cho họa mi. Ai sẽ là người bạn đời của nó?

Một chị mai hoa bay đến, nhảy nhót luôn chàn, cặp mắt sáng nhanh nhẹn:

— Tôi sẽ là bà họa mi, nếu anh muốn...

— Không, cô quả trà hiếu động đối với tôi. Tôi vốn là người hay mơ mộng. Tôi không thể sáng tác được bài hát du dương của mình bên cạnh một người cứ luôn luôn rối rít như thế.

— Còn tôi? Cò chim sơn ca cất tiếng hót. — Đôi với anh, tôi có gầy quá không?

— Ô, nàng sơn ca đáng mến của tôi! Thật vậy, nàng quá ư nhỏ nhắn đến nỗi người ta không thể nhìn thấy khi nàng bay lên phía mặt trời. Trên cao nàng chỉ còn là một chấm nhỏ vàng ánh với một giọng hót nho nhỏ vui tươi... Không, tôi không thể đi theo nàng được. Tôi sẽ không rời bỏ cái cây nơi tôi đứng hát đâu.

Một con chim ác là lòng đen điểm trắng bay đến và bắt đầu hót huyền thuyên, huyền thuyên... Nó còn lăm chuyện đẽ mách lẻo quá!

Nó nói liến thoắng rất nhanh, nói không ngừng.



hình như sợ là không kè được hết mọi thứ.

— Cò làm tôi mệt quá rồi... Cò làm tôi mệt quá...! — Chim họa mi nói thăm vẻ khó nhọc. — Thôi cò hãy im mồm và đi cho rảnh!

— Thật khó mà làm vừa lòng anh họa mi! — Lũ chim đồng thanh nói.

Họa mi kiêng vợ rất lâu... rất lâu... và không một nàng chim nào, sau khi đến ướm hỏi nhà danh ca xong lại không trở nên im lặng và bực bội.

¶ Khi nào chim họa mi sẽ cất tiếng ca...

Khu vườn lớn nhắc đi nhắc lại điều đó không ngừng. Họ vẫn còn chờ đợi.

Một buổi sáng đẹp trời, tất cả bầy ong ở những tổ lán cận đều bay đến khu vườn. Và chúng rất ngạc nhiên: sao lại không có hoa?

— Các bạn muộn mất rồi. — Chúng nói. — mùa xuân đã đến rồi. Những cây xương rồng mọc ở hàng rào đã báo tin cho chúng tôi như vậy. Các bạn còn chờ gì nữa?

— Chúng tôi chờ gì à? Thật vậy ư? — Những cây hoa trả lời giận dữ. — Nếu đến bây giờ mà họa mi không hót thì chúng tôi cũng mặc nó, cóc cần nữa!

Thế là tất cả mọi thứ hoa đều nở rộ. Mặt trời bắt đầu chiếu chói chang, và hỗn nhiên hương thơm của những



bóng hoa linh lan và hoa hồng tỏa đẽn tận giữa cây hạt dẻ, nơi chàng họa mi cầm lặng của chúng ta đang nau mình.

— Cái gì thế nhỉ? — Nô nôi thầm. — Phải chăng đây là hương vị của mùa xuân?

Chim họa mi nhìn giữa những cành cây, và nó thấy dưới bóng cây cả khu vườn đang nở hoa. Mùa xuân đã đến rồi... Thế mà ta vẫn chưa cất tiếng hát chào mùa xuân. Nhanh lèn, nhanh lèn, phải có một cái tò trên cây và những quả trứng trong tổ. Ta phải có một người bạn đời... Mau lèn mới được.

— Em ở đây mà! — Chị

hoa mi đang mơ mộng trên cành cây bên cạnh trả lời.

Chàng họa mi của chúng ta quay đầu sang và cuối cùng tự nhủ rằng người bạn đời đó thật đáng yêu: không béo quá, không gầy quá, không quá hiếu động, cũng không mơ mộng. Người bạn gái ấy cũng như nó, yêu mến nơi trú ẩn ở trên cây này. Hùng thật là cò chim mà nó phải kết đôi. Thật may mắn biết bao! Nàng họa mi vẫn còn chưa bỏ đi!

— Mau lèn, mau lèn, chúng ta hãy cùng làm một cái tổ!

Bây giờ, đêm nào cũng thế, chim họa mi sáng tác những bài ca thật hay. Ban ngày, nó

hát lại những ca khúc ấy. Hơi bức vì câu chuyện vờ vắn của mình vừa qua, nó muôn được người ta tha thứ.

Và từ nay, nó không bao giờ quên cắt tiếng báo hiệu mùa xuân cho chính mình, gửi cho muôn vật giọng hót kêu gọi của mình báo mùa hoa nở sắp tới.

Nó sẽ không bao giờ quên đồng thời gửi cho nàng họa mi hiền dịu lời kêu gọi của trái tim mình.

Dịch từ bản tiếng Pháp
trong quyển
Contes de Perrette
Nhà xuất bản
Giáo dục — Leningrát.
Hồ Quốc Vỹ

HẢI BẮNG

TÔI TRONG VƯỜN HOA XỨ HUẾ

SAU hàng chục năm trời, tôi lại về xứ sở của hoa. Nhắc đến mùa hoa xuân xứ Huế, trước tiên phải nghĩ đến mùa hạ. Khi con ve bắt đầu kêu ran lên khắp phố phường và ngoại ô, cũng là lúc hoa phượng hoa sen cùng đua nở.

Đi từ miền ngoài vào, lúc gần đến An Hòa đã bắt gặp phía chân trời hồng hồng rồi dần dần đến thành phố hồng đỏ rực lên — báo hiệu: dày đặc hương của mùa phượng vĩ. Cùng thời gian ấy, trên các hòn nội ngoại thành, hoa sen cùng nở. Sen gợi lên các nẻo đường mùi hương âm thầm, kín đáo. Nhan sắc nắng mùa hạ hiện ra ba tháng rồi tắt đi, ẩn vào bóng xanh của cây và nước. Đợi sáu tháng sau, cho Huế trở lại

mùa xuân. Mùa xuân về không gấp rút, chẳng ồn ào. Mùa xuân vẫn rạo rực, bàng hoàng nở trên mọi vườn ngoại ô và giữa lòng thành phố.

Những vườn nội thành — đi từ Thuận Thành đến Tây Linh, Tây Lộc lên màu vàng chanh, vàng cháy của hoa mai, hoa tho. Trong màu vàng xứ sở, tôi chợt nghĩ đến mấy câu thơ của nhà thơ Nguyễn Bình tặng tôi — đưa con xứ Huế trọng những năm đất nước bị chia cắt:

Ngày muộn mẹ già hong tóc trắng
Khác nào mây núi đỉnh Trường Sơn
Mẹ ai giữ lấy vườn mai nhẹ
Cho trái vườn xuân đẹp bước con.

Tôi đi đến các khu vườn Kim Long, An Cựu, Bến Ngự, Bao Vinh, Vĩ Dạ, nơi nào cũng vườn đầy hoa. Những chậu hoa tự biết mình đẹp bởi tay các cụ già, tháng năm miệt mài nuôi dưỡng để nở trăm màu sắc cho nụ cười người Huế tiếp đón mùa xuân.

Những lan, hồng, buệ, thược dược, những cúc, pháo, tiêu quỳnh, trúc đường — biết bao nhiêu loại hoa trong mỗi mảnh vườn nhỏ nở cạnh những chậu sành tròng kiêng được uốn theo các hình dịu dàng, phong nhã mang tính chất một miếng đất đa tình.

Tôi đến thăm vườn hoa của anh Thiện ở An Cựu. Anh

đã kẽ tội nghe về cách ghép những loại hoa hồng mà anh đã dày công hàng chục năm nay. Hồng có nhiều loại, nhiều tên. Hoa nào cũng một màu một dáng riêng của nó. Nghèo trồng hoa, chơi hoa rất dày công, như nhà nghệ sĩ vừa làm điều khắc vừa sáng tạo màu sắc cho hoa.

Anh An ở giữa thành phố — cuối đường Phan Bội Châu, không vườn không đất. Chỉ có chậu và bể đặt trên thềm gác cao để trồng hoa. Cách trồng hoa, chăm hoa của anh rất kỳ công. Mùa nắng phải đưa nước lên tưới cho cây. Hoa vẫn nở đẹp trong ý nguyện của mình. Hoa giấy đủ màu bèn những cây uốn theo hình dáng con nai, con rồng, con phượng...

Huế vào dịp Tết. Những ngày 28, 29, hoa đã được bày trên vườn Thương Bạc để đón xuân vui xuân. Người thành phố lấy hoa làm điểm tựa cho tuổi xuân của mình.

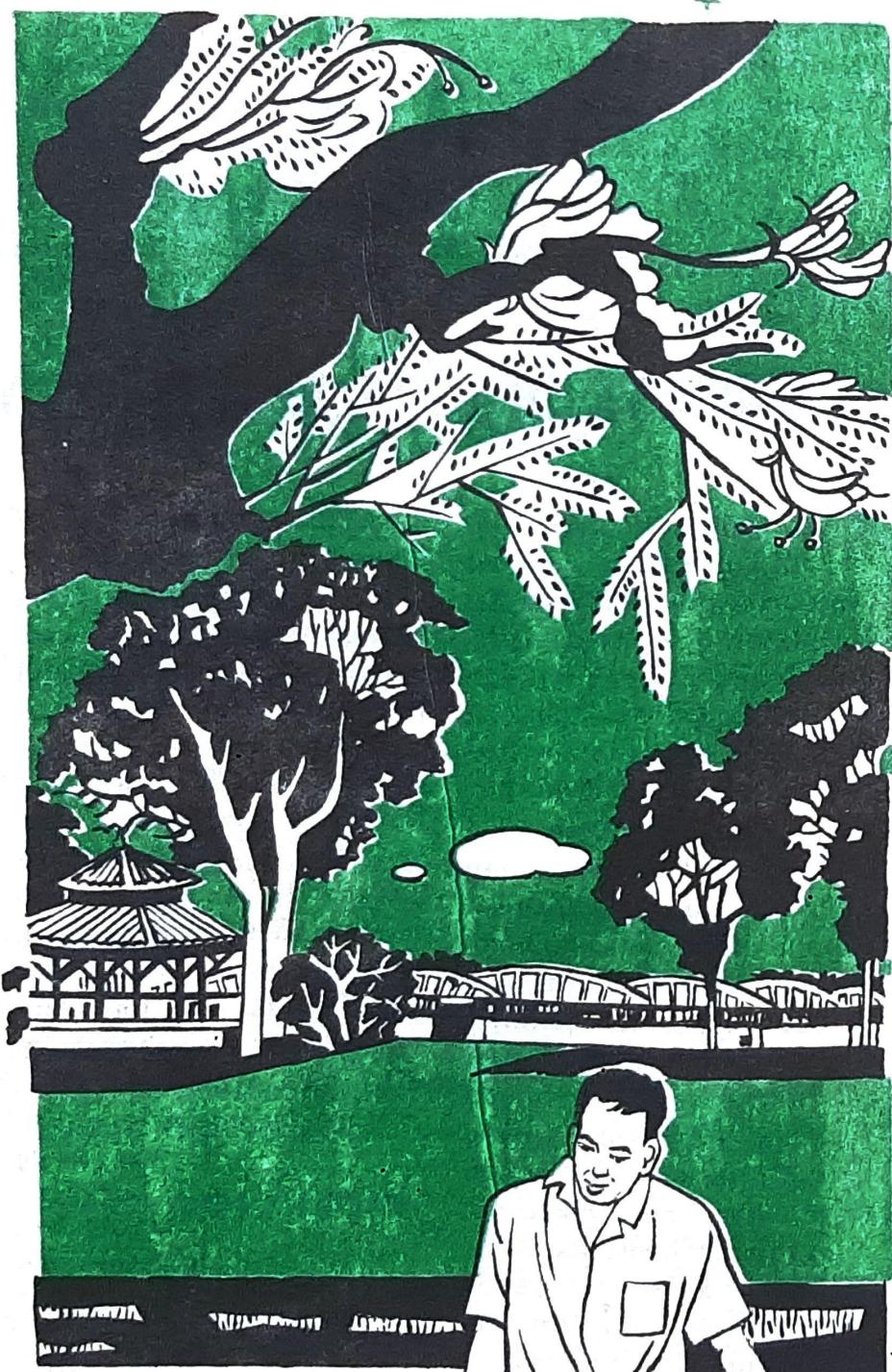
Hầu hết nhà nào cũng có cảnh mai cắm trong những lọ độc bình nhiều kiểu. Anh bạn tôi đặt trên bàn một chậu hoa hồng nhỏ, tô điểm cho căn phòng hẹp, trên bàn viết mấy câu thơ:

Mỗi gương mặt một cánh
hồng
Hương xuân đọng lại trái
lòng cùng ta
Sắc hoa nở giữa nắng mưa
Nên tay đã hẹn trở mùa
mai sau.

Tôi trở lại những tấm ảnh
của các nhà nhiếp ảnh chụp

về các loài hoa qua các năm đã lên đường đi dự hội hoa xuân tại thủ đô Hà Nội. Nhìn ảnh đẹp, sáng sủa và cách chọn hình của các nghệ sĩ nhiếp ảnh chụp rất phong phú và sống động. Nhưng, tôi vẫn không thích bằng những cảnh hoa thực đã nở trước mắt người Hà Nội và được tấm tắc khen ngợi tinh hồn xứ Huế. Bao giờ hoa thật vẫn đẹp hơn, đó là điều tất yếu. Nhưng dù sao những tấm ảnh đầy những cảnh hoa khác nhau đã in trong các trang báo và bưu ảnh cũng đã gợi cho những ai chưa có dịp vào thăm Huế mùa xuân. Mùa xuân đã nở từ hoa phượng, hoa sen trên miếng đất mùa hạ khi tôi đã mang nhiều nỗi ước mơ lúc trở về dù già rồi mà vẫn trẻ.

*Minh họa của
Ngô Mạnh Lân*





ẢO THUẬT

CÀNH HOA XUÂN

Trình cho mọi người xem : Một tờ bìa gấp đôi, một chiếc phong bì và một quân bài tu-lo-kho hay một mảnh giấy trắng. Bỏ quân bài vào chiếc phong bì, rồi đặt chiếc phong bì vào giữa tờ bìa đã được gấp đôi. Cầm tờ bìa xoay ba vòng trên tay, rồi mở chiếc phong bì ra, thì lạ chưa, quân bài đã hóa thành tờ bìa ảnh có cành hoa đẹp.

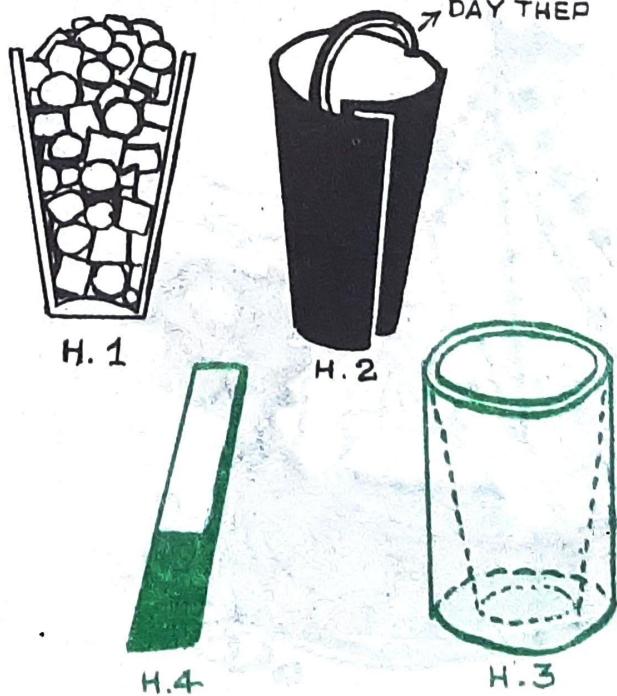
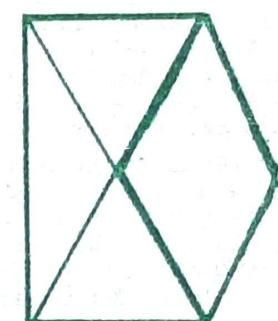
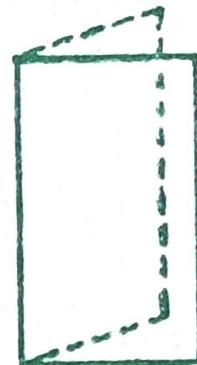
Cầm tờ bìa xoay ba vòng là cột để đầu mặt phong bì có quân bài và để lộ ra mặt phong bì có chiếc bìa ảnh với cành hoa đẹp.

Hai Vui

Mách nước

Thực ra thì người biểu diễn có một chiếc phong bì kép, tức là 2 phong bì dán ghép lưng vào nhau. Một bên thì bỏ quân bài tu-lo-kho, còn bên kia thì đã đẽ khéo một tờ bìa ảnh có cành hoa đẹp.

Cầm tờ bìa xoay ba vòng là cột để đầu mặt phong bì có quân bài và để lộ ra mặt phong bì có chiếc bìa ảnh với cành hoa đẹp.



CỐC MỰC HÓA BÁNH KẸO

Trình cho khán giả xem một cốc mực đen. Để xác minh, người biểu diễn cầm một mảnh giấy trắng nhúng vào cốc mực; khi nhắc lên quả là một đầu mảnh giấy đã bị thâm mực đen. Dùng một ống giày trùm lên cốc mực, khi giờ ra thì lạ chưa, cốc mực đã hóa thành một cốc đầy bánh kẹo.

Mách nước

Bánh kẹo đã được bô sẵn trong một cái cốc thủy tinh (H.1). Làm một cốc không đáy (bằng giày bìa sơn màu đen) bô vừa khít vào cái cốc thủy tinh để già làm cốc mực đen. Trên

míeng cốc già này cột một sợi dây thép nhỏ (H.2). Làm một ống giày bằng bìa cứng có nắp hở để trùm bên ngoài cái cốc thủy tinh (H.3).

Chuẩn bị sẵn một mảnh giấy, một bên đẽ trắng một bên thì có một đoạn sơn mực đen. (H.4). Mảnh giấy này nhằm đẽ già vò xác minh rằng cốc thủy tinh đang đựng đầy mực đen.

Còn muôn cho cốc mực hóa thành cốc đầy bánh kẹo, ta chỉ cần dùng ngón tay móc vào sợi thép nhỏ đẽ nhắc cốc già lên cùng lúc với ống bìa cứng trùm bên ngoài, để lộ ra cái cốc thủy tinh đã đựng đầy bánh kẹo.

Thanh Hương

**PHONG
TỤC
TẾT
ĐÓ
ĐÂY**

Bun Pi-may

« Tháng giêng ăn tết ở nhà ».

Nếu tết Nguyên Đán của nhân dân ta đến vào tháng giêng âm lịch (tức là khoảng tháng hai dương lịch) thì tết cổ truyền Bun Pi-may của nhân dân Lào lại tới giữa tháng 5 đầu tháng 6 theo lịch Lào. Theo dương lịch, tết đó được tổ chức từ ngày 13 đến ngày 15 tháng 4 hàng năm.

Đài với người già, đi dự các ngày « Bun », là lễ Phật, cầu phúc, cầu may. Còn đài với thanh niên thiếu niên, ngày « Bun » là dịp vui chơi thoả mái, múa hát vui vẻ, thi thò tài năng như bơi thuyền, đốt pháo thăng thiên.

Trước lễ tết, nhà nào nhà này cũng có cuộc tổng vệ sinh nhà cửa để tòng tiên thần năm cũ và đón thần năm mới. Đến 13 tháng 4 tức là đêm giao thừa, mọi gia đình chuẩn bị đón mừng năm mới. Trong ngày tết Bun Pi-may có một phong tục độc đáo là té nước — « luot nam ». Người ta chúc tết nhau bằng té nước. Thông thường người chủ vừa nói những lời chúc mừng năm mới, vừa vạch cổ áo khách tưới đẫm nước vào lưng, sau đó vỗ vào hai bên vai. Ở trong chùa và trong một số gia đình, nhà sư và chủ nhà có những chậu nước thơm, lày cành lá vây vào cổ áo và hai bên vai tìn đồ và khách.

Trên các đường phô hoặc đường làng, thanh niên và thiếu niên đã chuẩn bị sẵn đủ các loại chậu, gáo, thùng, bơm để té nước cho khách qua đường. Trong ngày tết mọi người cùng múa « Lăm vông », theo tiếng nhạc, lời hát rộn ràng. Các trò chơi, múa hát kéo dài tới đêm khuya.

Chon-cho-nam — Tết nước

Hội hè là sinh hoạt không thể thiếu được từ ngàn năm nay của nhân dân Cam-pu-chia. Riêng tết năm mới ở Cam-pu-chia rơi vào giữa tháng 4 và tháng 5 theo lịch Cam-pu-chia. Nhân dân ban gọi lê năm mới là Chon-cho-nam. Lúc này, mùa khô vừa chấm dứt, mùa mưa đang đến. Những cơn mưa đầu mùa đã bắt đầu tưới ẩm đất. Người nông dân chuẩn bị gieo lúa mùa « vóoc-xa ». Họ hi vọng là cơn mưa cho mùa màng tươi tốt. Thanh thiếu niên tổ chức vui chơi, hát đùi rầm rộ suốt đêm để bước vào năm mới, vào một mùa cày cày mới, mùa chính trong năm.



Vào Chon-cho-nam, nhân dân đền chùa đắp cát thành hình tháp rồi làm lễ tắm tượng Phật, tắm sư sãi và tắm cả dân làng. Nhưng sôi nổi, vui vẻ hơn cả là các trò chơi trong ngày tết. Trong các trò chơi như đá cầu chuyền, ném tạ, sét đánh (như chơi cù đât của nhân dân ta), nhảy lưới, giàu khăn, bít mắt bắt đê, đánh đáo, kéo co, ném trái phết... bao giờ cũng chia làm hai phe nam - nữ. Người dân Cam-pu-chia tin rằng trong những hội mùa như vậy, sự ganh đua nam nữ, kết thúc với thắng lợi của bên nữ, là tượng trưng cho mưa thuận gió hòa, thóc lúa dồi dào, mùa màng tươi tốt vì nữ gắn liền với mặt trăng, với nước.

Tháng 4 tháng 5 là mùa hội lớn, là tết thứ nhất của nhân dân bạn. Tháng 11, 12 là mùa hội lớn thứ

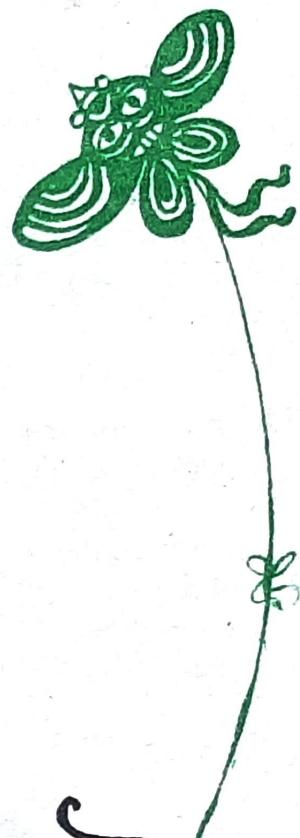
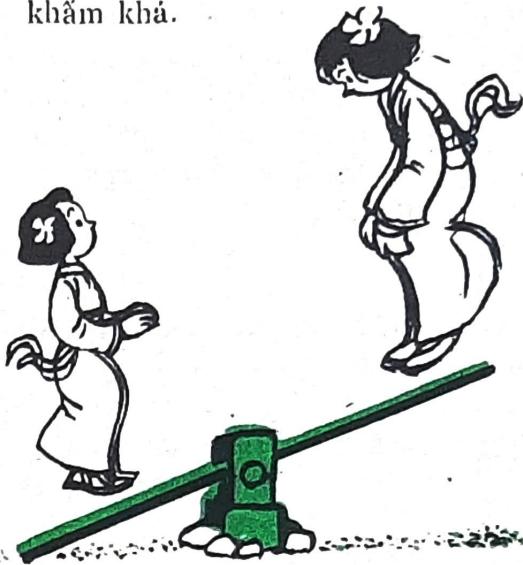
hai, một tết nữa : Tết nước, kết thúc mùa mưa, mở đầu mùa nắng, mùa làm ruộng khô.

Tháng 11 vào đêm trăng tròn nhà nào nhà này đều thả thuyền xuống nước. Thanh niên trai tráng từng đoàn 30—40 người chèo xuồng có các vị sư sãi dẫn đầu đám hội diễn trên mặt sông. Mọi người ăn mặc lỏng lẻo, người trên thuyền vừa chèo vừa hát, chiêng trống vang lừng. Ban đêm các thuyền, các xuồng đều treo đèn rực rỡ. Lê nước kéo dài 3 ngày 3 đêm. Đàm cuồng người ta chặng qua sông một chiếc dây băng da trâu. Người cầm đầu hội ngồi thuyền ra giữa dòng, dùng gươm chặt đứt dây với ý nghĩa ra lệnh cho nước phải rút về biển.



Ở Nhật cũng có tục trồng cây nêu tết như ở ta. Chỉ có khác cây tết Nhật trồng trong nhà. Đúng giao thừa, khi chuông chùa gióng trọn 108 tiếng mọi người đều lên giường đi ngủ. Sáng mồng một, mọi người đều dậy thật sớm ra đường đón ánh mặt trời năm mới rồi vào bể cảnh nêu làm bữa ăn bữa đầu năm. Qua rằm tháng giêng, người ta dồn các cây nêu lại ở cổng làng rồi đốt, vì tin rằng làm như vậy sẽ ngăn được tà ma ám hại dân lành.

Ở Ai Cập, Ma-rốc, An-giê-ri, ngày tết mọi người cùng mặc áo choàng mới, sắm tết trước. Ai nấy tin rằng như vậy suốt năm sẽ làm ăn khâm khá.



Tại Triều Tiên, các bạn gái ngày tết rất thích thi nhảy cao. Người lớn thì không ngủ đêm giao thừa để sẽ trẻ lâu. Sau bữa cơm đầu năm, mọi người ra đường đi chơi vui vẻ.



Ở Bun-ga-ri vào ngày tết có hội diễu hành hóa trang. Các bạn thiếu niên, các anh chị thanh niên ăn mặc hóa trang, đeo mặt nạ. Ngay từ sớm họ kéo nhau ra đường phố hát hò nhảy múa vui vẻ. Cách làm và trang trí mặt nạ được giữ kín. Ai làm mặt nạ độc đáo nhất sẽ được giải thưởng.

Ở Ấn Độ vào ngày tết có tục lè tõ chúc bắn cháy diều giấy. Diều to, được trang trí màu sắc lộng lẫy rồi thả lên. Khi diều đang bay lượn trên trời xanh, một tay cung cù khôi nhắm thẳng diều bắn một mũi tên lửa. Khi diều cháy bùng thì mọi cuộc vui bắt đầu. Người ta ca hát, nhảy múa, hoạt động thể thao.

Còn ở Áo, ngày tết nhân dân coi người nạo ống khói và lợn là biểu tượng hạnh phúc. Ngoài phong tục gấp người nạo ống khói như ở Đức, mâm cơm ngày đầu năm phải có thịt lợn. Sở dĩ tiền sẽ đúc những đồng tiền đặc biệt có hình em bé cười lợn.

Ở Đức, một số vùng hễ thấy người nạo ống khói xuất hiện ngoài phố sáng mồng một, mọi người chạy theo anh ta để « xoa mồ hóng ». Họ cho rằng càng « đèn » càng có nhiều... vận đỏ.



Ở Liên-xô, tuần lễ đầu năm dành cho thiếu nhi. Các cuộc liên hoan, diễn kịch, chiếu phim được tổ chức ở khắp các cung thiếu niên. Món ăn mà trẻ em yêu chuộng nhất trong những ngày tết là kem gói.

Ở Cu-ba tối hôm trước tết, các em viết thư kệ thứ quà mong ước nhất rồi đặt thư vào đôi giày để ở gầm giường. Sáng hôm sau, thứ quà đó đã có; cha mẹ thường em ngoan mà.

Ngày tết ở nông thôn Hung-ga-ri trước lúc giao thừa, mọi người nhóm lò và đốt sao lửa. Theo tục lệ đó: lò tóe ra bao nhiêu sao lửa thì mùa xuân năm đó chủ nhà có bấy nhiêu gà nở. Chỉ có trẻ em mới được giao cho việc đốt này. Đêm xong, chủ nhà lấy quả bồ đào khao các bạn nhỏ đã làm được việc tốt.

Ở Mê-hi-cò, đêm giao thừa thành phố được chǎng đèn kết hoa thật đẹp. Ở các công viên đều có đặt những máng cho chim ăn do trẻ em làm

ra. Người lớn tổ chức bán đồ chơi dân tộc rẻ tiền cho các em con nhà nghèo khổ. Kết thúc cuộc vui đêm giao thừa là tục lệ đập vỡ quả cầu to có vẽ trang trí đẹp và bền trong chira đầy... bánh kẹo.



Ở Cờ-lô-m-bi, trong ba ngày tết, nhiều vùng người ta thi nhau bòi vào mặt, vào tay mỗi hòm một thứ phẩm màu khác nhau: đen, trắng, vàng... gấp nhau họ chúc lời vui. Riêng ba ngày tết họ được phép nói đùa và đánh lừa vui.

Ở Xcốt-len, khi chuông giao thừa vừa điểm, chủ nhà mở toang cửa tổng tiễn năm cũ, đón năm mới. Rồi khách quen, lạ đều được đón tiếp niềm nở. Người khách thường đem theo một cục than ném vào lò và chúc cho bếp lửa trong gia đình không bao giờ tắt.



Ở Pháp đến giờ giao thừa, các ông chủ nhà xuống hầm rượu, gõ ba lần vào thùng rượu để chúc tết thần rượu và đuổi ma quỷ. Ma quỷ chẳng thấy đâu mà có khi chưa gõ hết lượt thùng thì ông chủ nhà đã bị « ma men » làm say bí tỉ...



Tại Phần Lan, nhân dân cũng tắm tất niên. Người ta tin tắm như thế cho tròn hết những gì không may trong năm cũ. Bữa ăn đầu năm ai nấy cố ăn cho no mới hy vọng suốt năm làm ăn khấm kharkin.

Minh họa Tạ Lực

VUI CƯỜI

CHUYỆN VUI

1 — Cháu yêu của bà, cháu hãy giải thích theo khoa học cho bà rõ tại sao trước tiên bà nhìn thấy chớp rồi sau đó mới nghe thấy sấm?

— Bà ơi, tại vì mắt bà ở phía trước tai bà đây.

2 — Vô-va hỏi bố :

— Bố ơi, bố không sợ gì cả chứ ?

— Bố chẳng sợ gì cả ?

— Thế thì bố hãy đọc xem có giòi viết gì cho bố trong số liên lạc của con...

3 — Tại sao em bé của cậu lúc nào cũng khóc thế?

— Nếu như cậu không có răng, không có tóc, lại chẳng biết nói chẳng biết đi thì cậu cũng... khóc suốt ngày thôi !

Minh Châu sưu tầm



CÁ UỐN



Hai bạn học cùng lớp nói chuyện với nhau.

— Ngày, tại sao nước biển lại mặn nhỉ ?

— Có thể mà cũng không biết. Nếu nó không mặn thì cá biển ươn hết chứ còn gì !

Trung Tự sưu tầm

CÙNG TẢ MỘT CON MÈO

Thầy giáo :

— Em An, tại sao bài tập tả con mèo của em lại giống như đúc từng chữ một với bài tập làm văn của chị em ?

Học trò :

— Thưa thầy, tại vì hai chị em em cùng tả một con mèo à !

T.T.

MỤC LỤC

| | Trang |
|---------------------------------------|---|
| — MỘT CÁI TẾT | <i>Bích Thuận</i> 1 |
| — SÔNG ĐÀ, MÙA XUÂN TRONG MÙA HẠ | <i>Ngô văn Phú</i> 4 |
| — NGỌN LỬA | <i>Đỗ Chu</i> 7 |
| — CÁNH CHIM GỌI MÙA XUÂN | <i>Nguyễn Thị Văn Anh</i> 9 |
| — HUYỀN THOẠI VỀ MỘT DÒNG THÁC | <i>Hoài Vũ</i> 13 |
| — MẨY SẮC HOA TẾT | <i>Giang Hà Vy</i> 18 |
| — CÂY CHÒ-HIỆP SĨ | <i>Mai Ngọc Uyên</i> 19 |
| — BÀI CA NGƯỜI HÁT RONG | <i>Anh Đức</i> 20 |
| — CỎ MÙA XUÂN | <i>Nguyễn Thành Toàn</i> 23 |
| — CHO EM MỘT CÁNH ĐÀO | <i>Cẩm Thơ</i> 25 |
| — MÙA XUÂN TRÊN NÚI | <i>Lương Xuân Đoàn</i> — |
| — CẦU VỒNG RỪNG | <i>Trúc Chi</i> — |
| — TẾT NGUYỄN PHONG THẮNG GIẶC | <i>Lê Văn — Thẩm Đức Tụ</i> 26 |
| — KỶ NGHỈ HÈ ĐẦU TIỀN | <i>Lê Hữu Thuần</i> 32 |
| — NGHÌN CÂY SỐ HOA | <i>Vân Long</i> 37 |
| — MÙA XUÂN | <i>Mai Văn Hai</i> 38 |
| — MỘT MÙA XUÂN | <i>Hà Ân</i> — |
| — THEO VẾT CHÂN NGƯỜI ĐÀN BÀ LẠC RỪNG | <i>Đoàn Giỏi</i> 40 |
| — ĐU BAY | <i>Định Hải</i> 45 |
| — ĐÀN CHIM ÉN | <i>Xuân Tùng</i> 46 |
| — LỜI SÔNG ĐÔNG | <i>Vũ Hạnh Thẩm</i> — |
| — VƠ-LA-ĐI VỐT-XTỐC — THÀNH PHỐ XANH | <i>Khánh Chi</i> — |
| — BÍ MẬT G.T2 | <i>Thanh Sơn</i> 47 |
| — ANH BỘ ĐỘI OII | <i>Thái Cơ</i> 49 |
| — BẠN CÓ BIẾT | <i>V. Sưu tầm</i> 51 |
| — TIẾNG CHIM TRONG VƯỜN BÁC | <i>Nguyễn Quỳnh — Huy Toàn</i> 52 |
| — NHỚ LẠI | <i>Việt Anh</i> 56 |
| — KHI HỌA MI CẤT TIẾNG CA | <i>Ma-ri Lu-y-dơ Ve</i> 58 |
| — TÔI TRONG VƯỜN HOA XỨ HUẾ | <i>Hải Băng</i> 61 |
| — TRÒ VUI: — CÁNH HOA XUÂN | <i>Hai Vui</i> 63 |
| — — CỐC MỰC HÓA BÁNH KẸO | <i>Thanh Hương</i> — |
| — PHONG TỤC TẾT ĐÓ ĐÂY | <i>Thu Hoài — Hoài Giang</i> 64 |
| — CHUYỆN VUI | <i>Trung Tự, Minh Châu sưu tầm</i> 12, 67 |
| — EM VUI CHƠI TRONG CỘNG VIENN LÊ-NIN | <i>Nguyễn Hà Hải</i> Bìa 4 |

Bìa của MAI LONG

Minh họa của :

NGUYỄN BÍCH — ĐẶNG ĐỨC SINH — TRẦN GIA BÍCH

NGÔ MẠNH LÂN — TRƯỜNG THANH — BÙI XUÂN PHÁI

NGUYỄN PHÚ KIM — THẨM ĐỨC TỤ — TRẦN VĂN THỌ

VŨ DUY NGHĨA — PHAN DOÃN — HUY TOÀN — TẠ LỤU

Trình bày : THY NGỌC — NGUYỄN PHÚ KIM

Biên tập chính : ĐỊNH HẢI

Sửa bản in : BÙI ANH — LƯU LY — Y NGUYỄN

In 50.200 cuốn tại Nhà máy in Trần Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

Khổ : 19 x 27 — Số sản xuất : 06/KDB — Số in : 002/1983

In xong tháng 1-1983 — Gửi lưu chiểu tháng 1-1983.



em vui chơi trong công viên **Lê nin**

Nguyễn Hà Hải

NHANH VỮA - VUI TƯƠI

Em đi trong bóng mát bao tán cây, Chân bước
êm bên thảm cỏ xanh rờn. Xung quanh em tươi thắm bao
sắc hoa rực rỡ trong công viên Lê nin Bên hò
Em càng
nước bao la. Kìa hàng dừa xanh đang nghiêng mình soi
nhở ông Lê nin. Người chỉ đường cho bao dân nghèo tranh
bóng. Hòn đảo nhỏ trên mặt hồ như lăng nghe bao con sóng reo
đầu. Ngàn triệu người chung một lòng luôn đùi tinh cho thế giới yên
ca. Nào bạn ơi ta chơi đùi quay. Nào bạn ơi ta đi bơi
vui. Đè' tre' em tung tăng đi chơi. Đè' tre' em hân hoan reo
thuyền. Cung Thủ đô chúng ta vui hát lên. Chào ngày
cười. Nào bạn ơi chúng ta vui hát lên. Một bài
vui trong công viên Lê nin. (Em đi...)
ca nhớ anh ông Lê nin.